

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGÔ SỸ ĐIỀN

VẤN ĐỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC
TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ BÁO CHÍ

HÀ NỘI - 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGÔ SỸ ĐIỀN

VẤN ĐỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC
TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Báo chí học

Mã số: 60 32 01 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ BÁO CHÍ

Người hướng dẫn khoa học

Chủ tịch Hội đồng

TS. Nguyễn Thị Thoa

PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền

HÀ NỘI – 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Nội dung và các trích dẫn nêu trong luận văn có xuất xứ rõ ràng và trung thực. Các kết luận trong luận văn chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu khác. Luận văn có kế thừa, tham khảo và sử dụng các tài liệu, thông tin trong những công trình nghiên cứu, các tạp chí, sách báo,....có liên quan tới đề tài theo danh mục tài liệu tham khảo của luận văn.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2020

Tác giả luận văn

NGÔ SỸ ĐIỀN

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, lời cảm ơn chân thành nhất, tác giả xin trân trọng gửi đến TS. Nguyễn Thị Thoa, người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình thực hiện luận văn. Tác giả cũng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các thầy cô giáo đã hết lòng truyền đạt kiến thức, các cơ quan, các đồng nghiệp đã chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ tác giả thu thập tài liệu để hoàn thành luận văn. Cảm ơn sự quan tâm của gia đình, bạn bè và người thân đã động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện tốt nhất để tác giả có thể hoàn thành luận văn này.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Tác giả luận văn

NGÔ SỸ ĐIỀN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	9
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	10
6. Đóng góp mới về khoa học và ý nghĩa của đề tài	11
7. Kết cấu của luận văn	12
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM	13
1.1. Các khái niệm cơ bản	13
<i>1.1.1. Báo chí</i>	13
<i>1.1.2. Báo điện tử</i>	14
<i>1.1.3. Truyền thông</i>	15
<i>1.1.4. Tự chủ</i>	17
<i>1.1.5. Tự chủ đại học</i>	19
1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về vấn đề tự chủ đại học	23
1.3. Nguyên tắc và nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam	29
<i>1.3.1. Nguyên tắc và đạ o đ ứ c truyề n thố ng về tự chủ đạ i họ c trên báo đ iệ n tử</i>	29
<i>1.3.2. Tiêu chí nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử</i>	32
1.4. Một số khung lý thuyết cơ bản để luận giải vấn đề nghiên cứu	36
<i>1.4.1. Lý thuyết đóng khung</i>	36
<i>1.4.2. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự</i>	38
Tiểu kết chương 1.....	40

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY	41
2.1. Giới thiệu về các báo khảo sát	41
2.1.1. Báo điện tử Giáo dục & Thời đại (<i>giaoducthoidai.vn; gtdt.vn</i>):	41
2.1.2. Báo điện tử Dân trí (<i>dantri.com.vn</i>):	42
2.1.3. Báo Vietnamnet.vn	43
2.1.4. Báo Tuoitre.vn	44
2.2. Tần suất tin, bài về tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay ..	45
2.3. Thực trạng nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát	48
2.3.1. Báo điện tử truyền thông về chính sách tự chủ đại học.....	49
2.3.2. Báo điện tử truyền thông về cơ hội thành công của các trường trong tự chủ đại học	52
2.3.3. Báo điện tử truyền thông về bất cập trong tự chủ	55
2.4. Thực trạng hình thức chuyển tải nội dung về tự chủ đại học trên báo điện tử	58
2.4.1. Nguồn tư liệu được sử dụng.....	58
2.4.2. Thể loại báo chí.....	59
2.4.3. Cấu trúc thông điệp trong tác phẩm báo chí về tự chủ đại học	62
2.4.4. Ngôn ngữ, hình ảnh.....	65
2.4.5. Về phản hồi của công chúng (<i>comment</i>).....	66
2.5. Đánh giá chung	68
Tiểu kết chương 2.....	82
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG TRUYỀN THÔNG VỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ TRONG THỜI GIAN TỚI	83
3.1. Phương hướng truyền thông về tự chủ đại học	83

<i>3.1.1. Truyền thông nhất quán quan điểm của Đảng, Nhà nước về tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>83</i>
<i>3.1.2. Truyền thông nhấn mạnh vào các vấn đề trọng tâm của tự chủ đại học</i>	<i>84</i>
3.2. Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử thời gian tới	87
<i>3.2.1. Đối với các đơn vị báo điện tử</i>	<i>87</i>
<i>3.2.2. Đối với cơ quan quản lý nhà nước</i>	<i>93</i>
<i>3.2.3. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>98</i>
Tiểu kết chương 3.....	101
KẾT LUẬN	102
TÀI LIỆU THAM KHẢO	105
PHỤ LỤC	

DANH MỤC HÌNH, BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ các tin, bài về tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát.....	49
Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ các tin, bài về chính sách trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát.....	49
Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ tin, bài viết về những cơ hội thành công trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát.....	52
Biểu đồ 2.4. Tỷ lệ các tin, bài viết về những bất cập trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát.....	55
Biểu đồ 2.5. Tỷ lệ nguồn tư liệu về tự chủ đại học trên báo điện tử được khảo sát.....	59
Biểu đồ 2.6. Thể loại tác phẩm báo chí về tự chủ đại học trên các báo điện tử khảo sát.....	61
Biểu đồ 2.7. Phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong tin, bài báo chí về vấn đề tự chủ đại học	65
Biểu đồ 2.8. Số lượng hình ảnh sử dụng trong các tin, bài về tự chủ đại học trên báo điện tử khảo sát.....	66

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tự chủ đại học là xu thế phát triển tất yếu, nhằm đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn khách quan và hội nhập quốc tế. Năm 2012, Quốc hội ban hành Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013. Luật này đã đặt vấn đề về quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học. Cụ thể: Tại Điều 32 của Luật này có nêu: *“Cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục. Cơ sở giáo dục đại học không còn đủ năng lực thực hiện quyền tự chủ hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền tự chủ, tùy thuộc mức độ, bị xử lý theo quy định của pháp luật”*.

Ngày 24/10/2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số: 77/NQ-CP *“Về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017”*.

Có thể thấy, tự chủ đại học là chủ trương lớn được Đảng, Nhà nước quan tâm, nhằm góp phần phát triển giáo dục đại học, tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Trên tinh thần đó, báo điện tử đã có những phản ánh đa chiều, với những góc nhìn khác nhau về chủ trương này, trong đó tập trung chủ yếu ở các nhóm thông tin sau:

Thứ nhất, khẳng định tự chủ đại là xu thế tất yếu của các trường đại học

Thứ hai, quy định về quyền tự chủ của các trường đại vẫn còn chung chung và bị giới hạn rất nhiều bởi các luật khác, vô hình trung đã trở thành “rào cản” trong quá trình thực hiện quyền tự chủ của các trường. Chính vì vậy, cần sửa Luật Giáo dục đại học để kiến tạo một môi trường giáo dục đào tạo minh bạch, công khai, trong đó, cơ sở giáo dục đại học phát huy được quyền tự chủ của mình.

Qua khảo sát và nghiên cứu thực tiễn trên báo điện tử cho thấy, một số cơ quan báo còn nhận thức chưa đầy đủ về quyền tự chủ của các trường đại học, nhiều bài báo còn nhầm lẫn giữa tự chủ với tự do.

Trước thực trạng trên, tác giả đã mạnh dạn chọn và nghiên cứu đề tài *“Vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay”*, nhằm làm sáng tỏ hơn nữa vai trò của báo điện tử trong việc truyền thông về vấn đề tự chủ của các trường đại học hiện nay, đồng thời đánh giá những thành công và các mặt còn hạn chế của báo điện tử khi thông tin, tuyên truyền về vấn đề này.

Hơn nữa, đây là vấn đề quan trọng, cấp thiết và có tính thời sự cao nhưng chưa được quan tâm đúng mức, trong khi xã hội đòi hỏi thông tin trên báo điện tử về vấn đề tự chủ đại học cần được nghiên cứu khoa học một cách bài bản, nghiêm túc. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài *“Vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay”* là rất cần thiết, có thể ứng dụng vào thực tiễn công việc làm báo về giáo dục hiện nay.

Mặt khác, vấn đề tự chủ là xu thế tất yếu và sẽ được thực hiện lâu dài, báo chí sẽ song hành cả một quá trình chứ không chỉ 1 đến 2 năm. Do đó, việc thực hiện đề tài này sẽ giúp các cơ quan báo chí có cách nhìn khách quan hơn, đúng đắn hơn về vấn đề tự chủ đại học, từ đó có những bài viết chuyên sâu, trí tuệ, có những hiến kế về thực hiện quyền tự chủ của các trường một cách hiệu quả.

Bản thân tác giả là một phóng viên của tờ báo ngành Giáo dục – Báo Giáo dục & Thời đại và chuyên trách về lĩnh vực Giáo dục, trong đó có giáo dục đại học. Những năm làm nghề, tác giả chưa thực sự hài lòng với công việc của mình, cũng như kế hoạch tuyên truyền của Tòa soạn về vấn đề tự chủ đại học. Hầu hết các bài viết đều “một màu”, thông tin chủ yếu thiên về mô tả, thiếu chiều sâu và thiếu tính phản biện. Vì vậy, rất cần có nghiên cứu khoa học để đánh giá tác động của bài viết đối với người đọc, từ đó có điều chỉnh phù hợp trong quá trình thông tin, tuyên truyền về vấn đề này.

Vì những lý do trên, tác giả đã chọn “*Vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay*” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về báo chí, báo điện tử

Hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu lý luận về báo chí như: *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông* của các tác giả Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường và Trần Quang (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội – tái bản lần 2, 2005). Trong giáo trình, các tác giả trình bày các vấn đề lý luận một cách tập trung, ngắn gọn, không mở rộng và quá sâu vào các khía cạnh phức tạp, những yêu cầu vượt ra ngoài khuôn khổ của một giáo trình đại học. Nội dung của giáo trình đề cập đến những vấn đề có tính phương pháp luận, các khái niệm, phạm trù, đặc trưng, chức năng, nguyên tắc, hiệu quả, tính sáng tạo của lao động báo chí, làm cơ sở cho việc tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực báo chí - truyền thông. [87, tr5-6].

Cuốn *Cơ sở lý luận báo chí* của tác giả Tạ Ngọc Tấn làm chủ biên, NXB Văn hóa – Thông tin xuất bản (năm 1999), nhóm tác giả đã nêu ra các chức năng của báo chí: chức năng tư tưởng, định hướng dư luận xã hội; chức năng quản lý giám sát xã hội; chức năng khai sáng giải trí. Trong đó nhấn mạnh báo chí là loại hình hoạt động đặc thù, ra đời do những nhu cầu khách quan của xã hội đã phát triển đến một trình độ nhất định của văn minh nhân loại, báo chí mang những tiềm năng có ý nghĩa to lớn đối với xã hội. [88].

Sách chuyên khảo *Ngôn ngữ báo chí* (Vũ Quang Hào, NXB Thông tấn, 2009), đây là tập bài giảng dành cho sinh viên Khoa báo chí Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, cũng như cho vài trường đại học khác từ năm 1992. Với cách viết ngắn gọn, súc tích, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tế, tác giả đã cho bạn đọc hiểu rõ hơn về những vấn đề cần thiết, cơ bản nhất của ngôn ngữ báo chí. [43, tr5].

Giáo trình *Các thể loại báo chí chính luận nghệ thuật* của tác giả Dương Xuân Sơn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008, gồm 8 chương, trình bày khá sâu sắc về lý luận chung về thể loại và thể loại báo chí, sự hình thành và phát triển của các thể loại báo chí, những đặc thù của thể loại báo chí. Một số vấn đề về thể ký trong văn học và báo chí, các thể loại phóng sự, ký chân dung, ký chính luận, ghi nhanh, câu chuyện báo chí, tiểu phẩm cũng được tác giả đưa ra một cách cụ thể và sâu sắc. Đây là một công trình nghiên cứu đầy tâm huyết, chi tiết về các thể loại báo chí cơ bản, có ý nghĩa quan trọng với những đối tượng đang học tập và nghiên cứu về báo chí truyền hình[86].

Giáo trình *Các thể loại báo chí chính luận* của tác giả Trần Quang (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005), dùng trong chương trình đào tạo ngành Báo chí của Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội)[84]. Cuốn sách này giới thiệu đầy đủ và hệ thống về một nhóm thể loại quan trọng của báo chí như: bài phản ánh, bình luận, xã luận, tiểu luận, phê bình và giới thiệu tác phẩm, thư của ban biên tập, điểm báo, điều tra...

Giáo trình *Các thể loại báo chí* của tập thể tác giả Khoa Báo chí (nay là Viện Đào tạo báo chí và Truyền thông) – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội – NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2005), gồm 7 phần, trình bày khá sâu về các thể loại báo chí như: Tin, phóng sự, điều tra, ký chân dung, phỏng vấn, thể loại bình luận, tường thuật. Cuốn sách này là tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo cho cán bộ, sinh viên các khoa báo chí, các nhà báo trẻ và những ai quan tâm đến lĩnh vực này.[52].

Lý luận về báo điện tử, có các công trình cơ bản: Cuốn *Báo mạng điện tử - những vấn đề cơ bản*, 2010, của tác giả Nguyễn Thị Trường Giang, đề cập đến hầu hết những vấn đề lý thuyết về báo mạng điện tử như: khái niệm, đặc trưng báo mạng điện tử, quy trình xây dựng và sản xuất thông tin, mô hình tòa soạn báo mạng điện tử, phẩm chất nhà báo báo mạng điện tử. Công trình này

hiện đang được sử dụng như giáo trình để giảng dạy tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền[38].

Cuốn *Giáo trình báo trực tuyến*, 2015, của nhóm tác giả: Huỳnh Văn Thông, Phan Văn Tú, Huỳnh Minh Tuấn, Triệu Thanh Lê, Ngô Thị Thanh Loan, đề cập đến những vấn đề lý thuyết về báo điện tử, sự tối ưu hóa cho báo điện tử bằng các công cụ tìm kiếm [89].

Những công trình này đã giúp cho tác giả những lý luận cần thiết nhất về báo chí và báo điện tử - công cụ quan trọng nhất để việc nghiên cứu đề tài không bị đi chệch hướng.

2.2. Các công trình nghiên cứu về vai trò của báo chí với đổi mới giáo dục

Trong quá trình nghiên cứu tài liệu liên quan đến đề tài, tác giả thấy có nhiều công trình liên quan đến vai trò của báo chí đối với giáo dục. Trong đó, luận văn thạc sĩ *Vai trò của báo chí đối với vấn đề cải cách giáo dục đại học* của tác giả Ứng Sơn Ca (Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2006), đã khái quát về giáo dục, đào tạo Việt Nam[13]. Luận văn nêu thực trạng của giáo dục đại học Việt Nam, thông tin giáo dục đại học xuất hiện trên báo chí, từ đó nêu lên vai trò của báo chí đối với vấn đề cải cách giáo dục đại học, kiến nghị những định hướng cho thông tin giáo dục đại học trong thời gian tới.

Luận văn thạc sĩ *Báo in Việt Nam trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay* của tác giả Văn Phương Hoa (Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2010)[50]. Luận văn đã khảo sát tất cả các tin, bài trên 3 tờ báo: Giáo dục & Thời đại, Lao động, Tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh trong thời gian từ tháng 1/2008 đến tháng 6/2009, làm rõ một số lý luận về các nội dung đổi mới giáo dục Việt Nam; về vai trò của báo chí Việt Nam nói chung, báo in nói riêng trong việc thông tin, phản ánh sự kiện nói chung, các vấn đề đổi mới giáo dục nói riêng. Ngoài ra, luận văn này cũng đã phác họa những nét cơ bản nhất về các vấn đề đổi mới giáo dục nổi bật trong giai đoạn hiện nay được phản ánh thông qua hoạt động báo chí.

Luận văn thạc sỹ *Vấn đề đổi mới giáo dục đại học trên báo in giai đoạn 2013 - 2014* của tác giả Đoàn Xuân Kỳ (Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2015), khẳng định vai trò quan trọng, cần thiết của báo chí đối với vấn đề đổi mới giáo dục đại học và đề xuất các giải pháp cho các tác phẩm báo in viết về đề tài đổi mới giáo dục trong thời gian tới [53].

Luận văn thạc sỹ *Phản biện chính sách giáo dục trên báo mạng điện tử Việt Nam* của tác giả Hoàng Thị Ngọc Trang (Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2018)[92], đã hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến vấn đề phản biện chính sách giáo dục trên báo mạng điện tử, qua đó góp phần bổ sung lý thuyết vào quá trình giảng dạy các bộ môn liên quan đến báo mạng điện tử và chính sách giáo dục Việt Nam. Luận văn cũng tìm ra những ưu, nhược điểm của báo mạng điện tử về phản biện chính sách giáo dục hiện nay, trở thành tài liệu tham khảo có giá trị cho các báo về phản biện xã hội nói chung và phản biện chính sách giáo dục nói riêng.

2.3.Nhóm các công trình giáo trình, bài giảng và sách chuyên khảo

Trong những năm gần đây, đã có nhiều đề tài nghiên cứu cụ thể về giáo dục, đào tạo. Có thể kể đến các công trình như:

Sách *Một số vấn đề đổi mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo* (GS Trần Hồng Quân, Nxb Giáo dục, 1995), đã đề cập tới một số biện pháp nhằm đổi mới phương thức quản lý giáo dục nói chung từ quản lý nhà trường, nhà giáo và người học, trong đó tập trung vào đổi mới phương thức điều hành của các cán bộ quản lý giáo dục.[85].

Trong bài *Giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục đổi mới để phát triển và hội nhập*, (GS.TSKH Trần Văn Nhung, 2003), GS Trần Văn Nhung đã tập trung phân tích về sự cần thiết và nêu một số giải pháp để giáo dục Việt Nam có thể đổi mới đáp ứng theo yêu cầu quốc tế hóa[81].

Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, (GS.TSKH Bành Tiên Long, 2005), tác giả đã khái quát cụ thể yêu cầu của việc đổi mới giáo dục đại học

Việt Nam trên cơ sở phân tích những hạn chế, bất cập trong giáo dục đại học, trong đó tập trung vào công tác đào tạo, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học dưới góc độ của một nhà khoa học giáo dục, nhà quản lý giáo dục [57].

Giáo dục đại học và quản trị đại học, (PGS.TS. Trần Khánh Đức và PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng, 2012) và *Mô hình đào tạo phát triển năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học*, (PGS.TS. Trần Khánh Đức, 2014). Đây là 2 cuốn sách chuyên khảo khái quát về vấn đề giáo dục đại học và quản trị đại học. Các tác giả đã khái quát quá trình phát triển giáo dục đại học, hệ thống giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục đại học trên thế giới, về quản lý, quản trị đại học, các mô hình quản trị đại học trên thế giới. Sách chuyên khảo này cũng giới thiệu mô hình quản trị đại học theo hướng tập đoàn hóa của Nhật Bản, như một đặc trưng của các nước phát triển ở Châu Á [35].

Tài liệu giảng dạy *Giáo dục đại học Việt Nam – lược sử, hiện trạng và phương hướng phát triển*, (GS. TSKH. Lâm Quang Thiệp), cung cấp vài nét về phát triển Giáo dục đại học Việt Nam trong các thời kỳ Bắc thuộc, phong kiến dân tộc, Pháp thuộc, chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ và thời kỳ đất nước thống nhất đến nay. Giới thiệu những thông tin cơ bản về hiện trạng Giáo dục đại học Việt Nam: Cơ cấu hệ thống trình độ, hệ thống trường đại học, tổ chức và hoạt động của hệ thống Giáo dục đại học từ thời kỳ đổi mới 1987 đến nay. Xu thế phát triển Giáo dục đại học Việt Nam thể hiện qua Nghị quyết 14 của Chính phủ về “*Đổi mới cơ bản và toàn diện Giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*” [90].

Kỷ yếu Hội thảo quốc gia *Tự chủ đại học và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học*, do Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam tổ chức năm 2016, bao gồm 56 bài viết của các tác giả trong nước. Các bài viết đã tập trung phân tích làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện tự chủ đại học tại Việt Nam, đề ra một số giải pháp hoàn thiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học. [54].

Kỷ yếu Hội thảo quốc gia *Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đại học*, do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi Đồng của Quốc Hội, tổ chức năm 2017, bao gồm 16 bài viết của các tác giả là các nhà quản lý, lãnh đạo các trường đại học, các nhà khoa học, chuyên gia pháp lý. Các bài viết tập trung phân tích về thực trạng thực hiện pháp luật về quyền tự chủ đại học, từ đó kiến nghị các giải pháp tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học công lập, đặc biệt là các kiến nghị sửa đổi, bổ sung luật giáo dục đại học 2012 về nội dung quyền tự chủ đại học. [55].

Tự chủ đại học – Thực trạng và giải pháp của tác giả Nguyễn Minh Thuyết tại Diễn đàn thường niên Đối thoại Giáo dục Việt Nam lần thứ nhất (trong hai ngày: 31/07 và 01/08/2014 tại TP Hồ Chí Minh)[91]. Với chủ đề: Cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam, tác giả phân tích hai khía cạnh rất quan trọng đã ảnh hưởng đến tự chủ đại học với thực trạng còn nhiều bần cãi như: bất cập xét từ hạn chế của pháp luật và thiếu năng lực, sự sẵn sàng của các cơ sở chính là yếu tố ảnh hưởng quan trọng. Xét về mặt hạn chế của pháp luật, các yếu tố cụ thể gồm: có thể các nhà lập pháp chưa hiểu hết chiều sâu của những quy định này và các nhà quản lý chưa sẵn sàng thực hiện chúng, bởi vì ngay trong Luật Giáo dục có thể tìm thấy những quy định trái chiều, các nhà quản lý cũng chưa nhận thức rõ quyền của mình để thực thi theo luật, hoặc lúng túng trước các điểm chồng nhau hay mâu thuẫn nhau về pháp luật có liên quan. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về tự chủ đại học.

Các công trình nghiên cứu trên chủ yếu tập trung vào các vấn đề lý luận và thực tiễn ở các nhóm vấn đề, như: Lý luận về báo chí truyền thông; vai trò của báo chí đối với đổi mới giáo dục, trong đó có giáo dục đại học; những vấn đề lý luận về quyền tự chủ đại học như: Triết lý giáo dục; các nội dung về quản lý nhà nước và quản trị trường đại học trong điều kiện thực hiện quyền tự chủ; hệ thống giáo dục đại học trong bối cảnh thực hiện quyền tự chủ hiện nay...

Tuy nhiên, các công trình trên chưa nghiên cứu chuyên sâu về “*Vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay*”, vì vậy, các công trình này không trùng lặp với đề tài luận văn, mà chỉ có tính chất tham khảo để tác giả hoàn thiện luận văn của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài, luận văn nghiên cứu thực trạng, đánh giá thành công và hạn chế của *báo điện tử Việt Nam trong việc truyền thông vấn đề tự chủ đại học*, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay;

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng thông tin về vấn đề tự chủ đại học trên các báo điện tử: giaoducthoidai.vn (gtdt.vn); [Dantri.com.vn](http://dantri.com.vn); [Vietnam.net](http://vietnam.net); [Tuoitre.vn](http://tuoitre.vn)

- Thực hiện phỏng vấn sâu lãnh đạo Ban Giáo dục của cơ quan báo điện tử, phóng viên, biên tập viên về thực trạng báo điện tử thông tin và tuyên truyền vấn đề tự chủ đại học hiện nay và thu thập những gợi ý của họ về giải pháp nâng cao chất lượng thông tin về tự chủ đại học của báo điện tử.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin về vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Do thời gian và điều kiện cụ thể, phạm vi nghiên cứu của đề tài này chỉ nghiên cứu trường hợp báo điện tử, gồm: Giaoducthoidai.vn; Dantri.com.vn; Vietnam.net; Tuoitre.vn. Đây là những báo điện tử có chuyên mục Giáo dục và có nhiều bài viết chuyên sâu, đa chiều về tự chủ đại học. Ngoài ra, đây cũng là những tờ báo có lượng độc giả lớn và thông tin có độ tin cậy cao.

- Thời gian khảo sát: Từ tháng 1/2017 đến 31/8/2019. Đây là thời gian Quốc hội tiến hành thảo luận, góp ý và rồi thông qua Luật sửa đổi Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2019. Do đó trong khoảng thời gian từ tháng 1/2017 đến 31/8/2019, các báo điện tử tuyên truyền đậm nét về dự án Luật này, trong đó có vấn đề tự chủ đại học.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận: Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục và đào tạo, trong đó có chủ trương về tự chủ đại học; cơ sở lý thuyết về báo chí truyền thông và các khoa học liên ngành.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng một số phương pháp sau:

* *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Tập hợp, hệ thống tài liệu lý luận từ các sách, tạp chí, các công trình nghiên cứu khoa học, các văn kiện, các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT về tự chủ đại học, nhằm hình thành cơ sở lý luận cho đề tài luận văn.

* *Phương pháp phân tích nội dung:* Tập hợp, nghiên cứu, phân tích, đánh giá nội dung thông điệp trong các tác phẩm báo chí liên quan đến đề tài trên các báo: Giaoducthoidai.vn; Dantri.com.vn; Vietnam.net; Tuoitre.vn. Đây là những

chúng cứ khoa học cần thiết để đánh giá đúng thực trạng hoạt động truyền thông về tự chủ trên báo điện tử.

**Phương pháp phỏng vấn sâu:* Phỏng vấn phóng viên, biên tập viên, Trưởng/phó ban Giáo dục của cơ quan báo chí nói chung, báo điện tử nói riêng, nhằm tập hợp được những góc nhìn khác nhau về thực trạng hoạt động truyền thông về tự chủ trên báo điện tử.

Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn khác để thực hiện luận văn này.

6. Đóng góp mới về khoa học và ý nghĩa của đề tài

6.1. Những đóng góp mới

- Luận văn làm rõ cơ sở lý luận báo điện tử Việt Nam trong hoạt động truyền thông về vấn đề tự chủ đại học hiện nay.

- Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng nội dung và hình thức thể hiện (thành công và hạn chế) của báo điện tử về vấn đề tự chủ đại học hiện nay.

- Kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tin bài, chuyên mục của báo điện tử về vấn đề tự chủ đại học trong thời gian tới, đồng thời có những khuyến nghị đối với các trường đại học trong quá trình hoạt động tự chủ.

6.2. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

** Ý nghĩa lý luận:*

Luận văn đã hệ thống và làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan đến vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay.

** Ý nghĩa thực tiễn:*

Trên cơ sở tổng hợp, khảo sát báo điện tử, một số trường đại học đã thực hiện tự chủ và công chúng (lãnh đạo trường đại học, giảng viên, sinh viên của các trường đại học và chuyên gia...) luận văn đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin về vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử: Giaoducthoidai.vn; Vietnam.net; Dantri.com.vn; Tuoitre.vn. Luận văn cũng là

nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà quản lý, nhà giáo, nhà báo và những ai quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mục lục, Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của luận văn được chia thành 3 chương, 11 tiết.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ
TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1. Báo chí

Các nhà nghiên cứu tiếp cận báo chí ở nhiều góc độ khác nhau, cho nên, khái niệm về báo chí cũng khá đa dạng:

Theo tác giả Tạ Ngọc Tấn, *báo chí là hiện tượng đa nghĩa, gắn bó chặt chẽ với các thành tố của kiến trúc thượng tầng, báo chí là một loại hình hoạt động chính trị - xã hội, với tính chất nghề nghiệp sáng tạo. Hoạt động báo chí bao hàm trong đó sự vận hành phức tạp của một loại nghề nghiệp, quan hệ với nhau bằng quy luật vận động nội tại của cả hệ thống và bằng hiệu quả xã hội có tính mục đích* [88, tr.7].

Tác giả Nguyễn Văn Dũng tiếp cận báo chí từ quan điểm hệ thống, đưa ra khái niệm: *Báo chí là hoạt động thông tin - giao tiếp xã hội trên quy mô rộng lớn nhất, là công cụ và phương thức kết nối xã hội hữu hiệu nhất, là công cụ và phương thức can thiệp xã hội hiệu quả nhất trong mối quan hệ với công chúng và dư luận xã hội, với nhân dân và các nhóm lợi ích, với các nước trong khu vực và quốc tế* [27, tr.61] và “*Báo chí còn được hiểu là hoạt động thông tin - giao tiếp xã hội trên quy mô rộng nhất, là công cụ và phương thức kết nối xã hội hữu hiệu nhất, là công cụ và phương thức can thiệp xã hội hiệu quả nhất trong mối quan hệ với công chúng và dư luận xã hội, với nhân dân và với các nhóm lợi ích, với các nước trong khu vực và quốc tế...*” [27, tr.39].

Khoản Điều 3 Luật Báo chí 2016 đưa ra khái niệm về báo chí: “*Báo chí là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử*” [58].

Từ những quan điểm nêu trên, luận văn đưa ra một khái niệm chung: Báo chí là hoạt động thông tin - giao tiếp xã hội trên quy mô rộng lớn, là phương tiện diễn đạt, chia sẻ thông tin giữa các chủ thể khác nhau trong xã hội, là một bộ phận của truyền thông đại chúng, nhưng là bộ phận chủ đạo, chiếm vị trí trung tâm, có khả năng quyết định tính chất, khuynh hướng, chi phối năng lực và hiệu quả tác động của truyền thông đại chúng. Do đó, trong nhiều trường hợp, khái niệm báo chí được hiểu là truyền thông đại chúng và ngược lại, nói đến truyền thông đại chúng, trước hết phải nói đến báo chí.

1.1.2. Báo điện tử

Theo Khoản 6 Điều 3, Luật báo chí 2016: “*Báo điện tử là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được truyền dẫn trên môi trường mạng, gồm báo điện tử và tạp chí điện tử*”.

Trong sách *Cơ sở lý luận báo chí* (2013) tác giả Nguyễn Văn Dũng cho rằng, ở Việt Nam hiện có 4 loại hình báo chí đó là: Báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử. Trong đó báo in vẫn là trục chính của các phương tiện truyền thông đại chúng, mà quanh nó các loại hình báo khác phát triển đa dạng.

Trong phạm vi luận văn, tác giả tiếp cận báo chí ở loại hình cụ thể là báo điện tử. Trên thế giới loại hình này có nhiều tên gọi khác nhau như: online newspaper (báo chí trên mạng/trực tuyến), e-journal (Electronic journal- báo chí điện tử), e-zine (Electronic magazine- tạp chí điện tử)...

Ở Việt Nam, thuật ngữ báo điện tử được sử dụng khá phổ biến, như: Báo Nhân dân điện tử, Lao động điện tử, Thanh niên điện tử... Ngoài ra, còn nhiều tên gọi khác như: báo mạng, báo chí internet, báo trực tuyến, báo mạng điện tử,...

Theo Điều 20, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, *báo điện tử là một trong 5 loại của trang tin điện tử gồm: Báo điện tử,*

Trang thông tin điện tử tổng hợp, Trang thông tin điện tử nội bộ, Trang thông tin điện tử cá nhân và Trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành.

Thuật ngữ “*online newspaper*” được sử dụng rộng rãi trên trong các công trình nghiên cứu báo chí học, nhất là trong lĩnh vực truyền thông mới để chỉ các khái niệm cùng tính chất như: Online publishing (xuất bản trực tuyến), online media (phương tiện truyền thông trực tuyến), online journalist (nhà báo trực tuyến), online radio (phát thanh trực tuyến), online television (truyền hình trực tuyến).

Theo tác giả Nguyễn Thị Trường Giang (2010): “*Báo mạng điện tử là một loại hình báo chí được xây dựng dưới hình thức của một trang web và phát hành trên mạng Internet*”. [38,tr.25]

Ngoài ra, cũng có quan niệm báo chí trực tuyến là loại hình báo chí phát hành trên mạng Internet, sử dụng công nghệ World Wide Web với ngôn ngữ HTML, dành cho công chúng sử dụng Internet.

Như vậy, ở Việt Nam có ít nhất bốn thuật ngữ được dùng thông dụng là: Báo điện tử, báo mạng điện tử, báo trực tuyến, báo Internet. Việc phân tích và sử dụng các thuật ngữ này gắn với nhận thức và tư duy tổ chức, tư duy tác nghiệp loại hình báo chí này. Trong luận văn này, tác giả sử dụng thuật ngữ *báo điện tử* và đưa ra khái niệm như sau: *Báo điện tử là một loại hình báo chí được xây dựng dưới hình thức của một trang web, phát hành trên mạng Internet, có ưu thế trong chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, tức thời, đa phương tiện và tương tác cao.*

1.1.3. Truyền thông

Khái niệm truyền thông được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau.

Theo tác giả Nguyễn Văn Dũng “*Truyền thông ở bình diện tổng quát được hiểu là quá trình liên tục trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm, chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người, nhằm góp phần nâng cao thay*

đổi nhận thức, mở rộng hiểu biết, tiến tới thay đổi thái độ và hành vi của công chúng- nhóm đối tượng phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững”[27, tr14].

Theo tác giả Dương Xuân Sơn, “*Truyền thông là một quá trình liên tục trao đổi hoặc chia sẻ thông tin tình cảm, kỹ năng nhằm tạo sự liên kết lẫn nhau để dẫn tới sự thay đổi trong hành vi và nhận thức”[87, tr.13].*

Như vậy, truyền thông là quá trình trao đổi thông tin, tương tác thông tin với nhau giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thay đổi nhận thức. Truyền thông là sản phẩm của xã hội con người, là yếu tố động lực kích thích sự phát triển của xã hội.

Phương tiện truyền thông là sự vận dụng các khả năng của cơ thể, sử dụng những phương tiện có sẵn trong tự nhiên, những công cụ nhân tạo để diễn tả và truyền tải những thông tin, thông điệp từ bản thân đến người khác hay từ nơi này sang nơi khác.

Truyền thông là hoạt động truyền đạt thông tin thông qua trao đổi ý tưởng, cảm xúc, ý định, thái độ, mong đợi, nhận thức hoặc các lệnh, như ngôn ngữ, cử chỉ phi ngôn ngữ, chữ viết, hành vi và có thể bằng các phương tiện trao đổi có ý nghĩa của thông tin giữa hai hoặc nhiều thành viên (máy móc, sinh vật hoặc các bộ phận của chúng).

Truyền thông đòi hỏi phải có một người gửi, một tin nhắn, một phương tiện truyền tải và người nhận, mặc dù người nhận không cần phải có mặt hoặc nhận thức về ý định của người gửi để giao tiếp tại thời điểm việc truyền thông này diễn ra; do đó thông tin liên lạc có thể xảy ra trên những khoảng cách lớn trong thời gian và không gian. Truyền thông yêu cầu các bên giao tiếp chia sẻ một khu vực dành riêng cho thông tin được truyền tải. Quá trình giao tiếp được coi là hoàn thành tốt khi người nhận hiểu thông điệp của người gửi.

Các phương thức truyền tin là những tác động lẫn nhau qua một trung gian giữa ít nhất hai tác nhân cùng chia sẻ một ký hiệu tin tức, hoặc một quy tắc mang một ý nghĩa nào đó. Truyền thông thường được định nghĩa là “sự truyền đạt suy nghĩ, ý kiến hoặc thông tin qua lời nói, chữ viết, hoặc dấu hiệu”.

Trong phạm vi luận văn này, tác giả sử dụng khái niệm truyền thông theo cách hiểu: *Truyền thông là quá trình trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm...giữa hai hay nhiều người nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tiến tới thay đổi nhận thức dẫn đến điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với lợi ích của các bên tham gia truyền thông.*

1.1.4. Tự chủ

Tự chủ được hiểu theo nghĩa đời thường là khả năng tự làm chủ bản thân của một sự vật hiện tượng trong cuộc sống. Hay hiểu theo cách khác, tự chủ là tự mình có quyền và có thể kiểm soát được những công việc của mình.

Theo từ điển tiếng Việt: *“Tự chủ là tự điều hành, quản lý mọi công việc của mình, không bị ai chi phối”*.

Như vậy, tự chủ là khả năng tự điều hành và quản lý mọi công việc của một cá nhân hay một tổ chức, nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả cao nhất có thể

Theo báo cáo đề dẫn của Debreczeni (2002) trong Hội thảo quốc tế *“Tự chủ và tự chịu trách nhiệm của tổ chức”* tự chủ thể chế (institutional autonomy) là điều kiện cho phép một tổ chức giáo dục đại học điều hành hoạt động của tổ chức mà không có sự can thiệp từ bên ngoài. Tự chủ của cơ sở giáo dục đại học hoàn toàn không có nghĩa là nằm ngoài sự chi phối của luật pháp, mà là tự chủ có điều kiện và các điều kiện này được xác định bởi mối quan hệ giữa Nhà nước, xã hội và cơ sở giáo dục đại học.

Tự chủ được phân loại như sau:

- Tự chủ thực chất (substantive autonomy): *Trường đại học có quyền xác định các chương trình học tập và mục đích của những chương trình này.*
- Tự chủ thủ tục (Procedural autonomy): *Trường đại học có quyền xác định các phương tiện cần thiết để hoàn thành các ưu tiên đáp ứng với nhiệm vụ nằm trong chính sách quốc gia.*

- Tự chủ tổ chức (Organic autonomy): *Trường đại học có quyền xác định các tổ chức học thuật của mình, nên dựa vào các Khoa và Phòng/Ban hay các trường, các viện nghiên cứu,...*

Nhà nước có vẻ như đang giảm dần sự kiểm soát vào các lĩnh vực, như: phân bố chương trình, hồ sơ chuyên ngành đào tạo, phân bố sinh viên giữa các chuyên ngành, các điều kiện, các phương tiện và các nguồn lực tham gia vào quá trình đào tạo. Tuy nhiên, các hình thức cấp kinh phí sau thẩm định, giám sát thực hiện và thực hiện đánh giá chất lượng được sử dụng nhiều hơn lại thể hiện rằng có sự gia tăng kiểm soát của Nhà nước tới sản phẩm giáo dục.

Tự chủ đại học không phải là một sản phẩm tự thân, mà gắn liền với các chế độ xã hội khác nhau. Tại các quốc gia khác nhau, giáo dục đại học chịu ảnh hưởng của thể chế chính trị, hình thái lịch sử, kinh tế, xã hội khác nhau nên tính tự chủ đại học cũng sẽ khác nhau. Báo cáo tổng quan về xu thế quản trị đại học trên thế giới của World Bank năm 2008, đã khái quát bốn mô hình quản trị đại học với các mức độ tự chủ khác nhau, như: mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn (state control) như ở Malaysia, mô hình bán tự chủ (semi-autonomous) như ở Pháp và New Zealand, mô hình bán độc lập (semi-independent) ở Singapore, mô hình độc lập (independent) ở Anh, Úc. Nghiên cứu về các mô hình quản trị đại học trên thế giới và ở Việt Nam thường tập trung vào mối quan hệ giữa Nhà nước (cơ quan chủ quản) và cơ sở giáo dục đại học. Điều đó cho thấy mức độ tự chủ dựa trên mức độ kiểm soát của Nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học đó.

Tuy nhiên, trong mô hình do Nhà nước kiểm soát thì cơ sở giáo dục đại học vẫn được hưởng một mức độ tự chủ nhất định vì những lý do tài chính và thực tiễn, Nhà nước cũng không thể kiểm soát được tất cả các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Trong khi đó, mô hình độc lập thì vẫn có những mặt

định ngầm về quyền của Nhà nước nắm giữ một số kiểm soát về mặt chiến lược và có quyền yêu cầu tính giải trình cao ở các cơ sở giáo dục đại học.

Tại Việt Nam, Nghị định số 16/2015/ND-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 có nêu rõ: “*Cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công*”. Các trường đại học công lập là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng nghĩa với việc các trường cũng có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

Tóm lại, tự chủ là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

1.1.5. Tự chủ đại học

Tự chủ đại học được quy định tại Khoản 1, Điều 32 của Luật Giáo dục đại học năm 2012: “*Cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục*”.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 19 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, có nêu: “*Quyền tự chủ là quyền của cơ sở giáo dục đại học được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học*”.

Theo ông Nguyễn Minh Thuyết tại diễn đàn giáo dục quốc gia năm 2017, *tự chủ đại học là quyền của cơ sở giáo dục đại học quyết định sứ mạng*

và chương trình hoạt động của mình, cách thức và phương tiện thực hiện sứ mạng và chương trình hoạt động đó, đồng thời tự chịu trách nhiệm trước công chúng và pháp luật về mọi quyết định cũng như hoạt động của mình.

Các yếu tố cần thiết để đảm bảo chất lượng giáo dục là năng lực, thái độ học tập của sinh viên; tầm nhìn và tính năng động của hệ thống quản lý, là sự tín nhiệm của xã hội đối với sản phẩm đào tạo sau khi tốt nghiệp. Bản thân sự tự chủ không phải là một bảo đảm về chất lượng cao. Không tự chủ không có nghĩa là ngăn trở cải cách. Tự chủ với ý nghĩa là cho phép và tạo ra một nền tảng để phát triển những năng lực của cá nhân, tập thể nhà trường, hơn là một hệ thống phụ thuộc lẫn nhau với tất cả những điều kiện mâu thuẫn làm kéo giảm chất lượng giáo dục đại học. Có thể thấy, tự chủ là một hệ giải pháp có cấu trúc chặt chẽ, nhằm đến việc cải thiện môi trường giáo dục để nâng cao chất lượng dạy và học trên cơ sở năng lực của từng trường.

Như vậy, có nhiều quan điểm xung quanh về vấn đề tự chủ đại học để có thể giúp chúng ta hiểu thêm về tự chủ đại học. Từ những quan niệm đó, tự chủ đại học có những điểm mấu chốt như sau:

- Tiến trình tự chủ đặt dưới sự kiểm soát nội bộ của các trường đại học.
- Tự chủ bao gồm tự chủ trong học thuật, trong quản lý tài chính và trong quản trị. Mọi sự giới hạn về tự chủ có nghĩa là sự giới hạn hoạt động của trường đại học.
- Sự can thiệp của chính quyền vào những vấn đề quan trọng như là bầu chọn phó hiệu trưởng, chức năng của ban quản trị và hội đồng khoa học.
- Tự chủ trong việc thực hiện quyền hạn theo luật định của Hiệu trưởng.
- Tự chủ để bầu chọn các vị trí, chức vụ trong trường đại học.
- Tự chủ trong việc quy định về việc tổ chức các dịch vụ trong trường đại học.
- Tài chính có vai trò thúc đẩy tự chủ đại học.
- Sự can thiệp thường xuyên của các quan quản lý vào những công việc liên quan đến các công việc của trường đại học.

Giao quyền tự chủ cho các trường đại học công lập là xu thế tất yếu để phát triển giáo dục và hội nhập với quốc tế, bởi 4 lý do chính:

Thứ nhất, vì phải đáp ứng các quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, để có sản phẩm đa dạng, có phổ chất lượng phù hợp, nhằm đáp ứng với mọi nhu cầu của thị trường.

Thứ ba, vì không còn được bao cấp nguồn lực hoàn toàn.

Thứ tư, để các cơ sở giáo dục chủ động trong việc nâng cao không ngừng chất lượng, hiệu quả và hiệu suất của mình.

Tuy nhiên, giáo dục đại học được hiểu là một dịch vụ công phục vụ cho lợi ích cộng đồng mà trước hết là quyền lợi người học và người dạy. Cơ chế tự chủ đại học vẫn đặt dưới sự giám sát của nhà nước thông qua việc cấp ngân sách, tài trợ học bổng, chính sách mục tiêu phát triển giáo dục đại học cũng như công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Do đó, về nguyên tắc quản lý nhà nước đối với các trường đại học công lập và tư thục là như nhau. Điểm khác biệt rõ nét nhất đó chính là gốc sở hữu của trường đại học công lập là cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan chủ quan), do đó việc thực hiện quyền tự chủ của các trường này có nhiều rào cản mang tính thủ tục hơn các trường đại học tư thục.

Trong thực tế giáo dục đại học thế giới, những cơ sở giáo dục đại học tự chủ thành công nhờ vào năng lực lãnh đạo, thiết lập được các nền tảng vững chắc và hoạch định được lộ trình, trong khi một số trường khác không dám dấn thân vào cuộc thử nghiệm. Tự chủ xuất hiện cùng với sự ra đời của các trường đại học trên thế giới, do đó rất khó để tìm ra được một khái niệm cơ bản về tự chủ đại học nói chung và quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập nói riêng.

Các vấn đề khác nhau có liên quan đến khái niệm tự chủ đã được thảo luận trong hội thảo được tổ chức tại Trường đại học Madras ở Chennai, Ấn Độ ngày 30 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2004. Hội thảo có sự tham dự của

Ủy ban CABE và dưới sự chủ tọa của giáo sư S.P. Thyagarajan – Phó hiệu trưởng Trường đại học Madras. Tự chủ nên được xem như một con đường để tìm kiếm phương thức thúc đẩy sự tiến bộ trong học thuật, trong quản lý tài chính và trong quản trị của các cơ sở giáo dục. Đi chệch ra khỏi quỹ đạo đó, tự chủ đã được sử dụng một cách sai lầm.

Tự chủ trong học thuật là sự tự do của cơ sở giáo dục đại học trong việc quyết định những vấn đề thuộc về học thuật như là chương trình, tài liệu giảng dạy, phương pháp sư phạm, kỹ thuật đánh giá thành quả học tập của sinh viên. Tự chủ trong quản trị là sự tự do của cơ sở đào tạo trong việc sắp xếp và tổ chức các sự kiện, các mối quan hệ liên quan đến công việc lập kế hoạch, tổ chức và điều phối. Sự tự do trong công việc như vậy sẽ thúc đẩy sự năng động và sự phát triển của từng cá nhân và kéo theo đó là sự vững mạnh của cơ sở giáo dục đại học.

Sự tự chủ về tài chính là sự tự do của cơ sở đào tạo trong việc sử dụng các nguồn lực tài chính theo chiến lược ưu tiên mà mình lựa chọn. Tự chủ và tự chịu trách nhiệm là hai mặt của một vấn đề duy nhất. Trách nhiệm giải trình khiến các cơ sở giáo dục đại học phải điều chỉnh sự tự do đã được trao cho họ theo con đường của sự tự chủ.

Từ các khái niệm về tự chủ và tự chủ đại học, quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học được hiểu theo nghĩa phân chia trách nhiệm giữa các cơ quan, các bộ phận cấu thành nên một hệ thống. Ở góc độ nhà trường, quyền tự chủ là khả năng tự ra các quyết định về quản lý của nhà trường trong khuôn khổ các quy định cho phép. Ở góc độ quốc gia, quyền tự chủ phản ánh mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu hoạt động của mình.

Quyền tự chủ đại học được hiểu là các quy định của pháp luật phản ánh mối quan hệ giữa nhà nước với các cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện mục tiêu tự do học thuật, tự chủ quản trị và các điều kiện giải trình bắt buộc để thực hiện quyền tự chủ của mình.

Quyền tự chủ không có mục đích tự thân, mà là một công cụ quản lý do nhà nước giao cho các trường với niềm tin rằng, một khi nhà trường đã được tự quyết định các vấn đề có liên quan trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của mình, thì chất lượng và hiệu quả đào tạo sẽ được nâng cao. Vấn đề là, các trường sẽ thực hiện quyền tự chủ đó như thế nào? Việc thực hiện quyền tự chủ của các trường thông thường sẽ theo một vòng lặp phản hồi cho nhà trường có thông tin cần thiết trong việc đưa ra các quyết định của mình. Vòng lặp này thông thường gồm: Tự chủ (Autonomy), Đánh giá (Assessment), Giải trình (Accountability), thường được gọi là mô hình 3A trong quản lý giáo dục hiện nay.

Như vậy, tự chủ là thuộc tính của các trường đại học, là quyền tự quyết của các trường đại học, cơ sở giáo dục trong các hoạt động chủ yếu như: tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về vấn đề tự chủ đại học

Những năm qua, trong xu thế hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có nhiều cải cách, đổi mới trong lĩnh vực giáo dục đại học. Luật Giáo dục Đại học năm 2012 có nêu: *Cơ sở giáo dục đại học tự chủ được quyền tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.*

Có thể thấy, Luật Giáo dục Đại học 2012 đã đặt nền móng pháp lý cho tự chủ đại học, cơ sở giáo dục đại học đã được giao tự chủ trong một số quyền cơ bản: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo và cấp bằng. Cơ sở giáo dục đại học được thực hiện quyền tự chủ phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, Đảng và nhà nước đã ban hành một loạt các văn bản nhằm

đổi mới hệ thống giáo dục đại học, được thể hiện qua Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục đại học từ 2006-2020; Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện kết luận số 37-TB/TW của Bộ Chính trị; Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 về Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị TW lần thứ 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế v.v...

Vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ chỗ toàn thể hệ thống giáo dục đại học Việt Nam như một trường đại học lớn, chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước, bước đầu đem lại những kết quả nhất định. Cụ thể:

Điều 10 của Điều lệ Trường đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ) nêu rõ: *“Trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự”*.

Nội dung này được tái khẳng định, cụ thể hóa tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Điều lệ trường đại học. Như vậy, quyền tự chủ chính thức được giao cho các trường đại học trên mọi lĩnh vực của nhà trường phù hợp quy

định của pháp luật, thể hiện sự kiểm soát của Nhà nước trong vấn đề về tự chủ tại các trường đại học.

Luật Giáo dục ban hành tháng 7 năm 2005 đã đề cập đến ở Điều 14 về việc thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục. Các quy định này vẫn tiếp tục được kế thừa trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục năm 2019.

Các trường đại học được quyền tự chủ trong 05 hoạt động: Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng; Tổ chức bộ máy nhà trường, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đãi ngộ nhà giáo, cán bộ, nhân viên; Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 cũng khẳng định tầm quan trọng của việc hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học, sự quản lý của Nhà nước và vai trò giám sát, đánh giá của xã hội đối với giáo dục đại học. Đổi mới cơ chế quản lý là chuyển các cơ sở giáo dục đại học công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, có pháp nhân đầy đủ, có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về đào tạo, nghiên cứu, tổ chức, nhân sự và tài chính; xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, xây dựng cơ chế đại diện sở hữu nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập. Để cụ thể hóa tinh thần nghị quyết số 14, đã có các văn bản được ban hành như: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ,

tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐCP ngày 5 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Thông tư liên tịch số: 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của liên bộ gồm: Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: *Quyền tự chủ của đơn vị trong việc xác định nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; trong việc tổ chức bộ máy và biên chế trong đơn vị; trong việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.*

Nghị quyết số 05- NQ/BCSĐ về đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012 của Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT đánh giá thực trạng quản lý giáo dục đại học những năm qua cho thấy, công tác quản lý của Bộ GD&ĐT đối với các trường chưa đổi mới đáng kể để phù hợp với các quy luật chi phối hoạt động của hệ thống giáo dục đại học và đòi hỏi của phát triển xã hội. Phương pháp quản lý nhà nước đối với các trường đại học, cao đẳng một mặt còn tập trung, chưa có quy chế phối hợp với các bộ, ngành, chưa phân cấp cho chính quyền địa phương, chưa tạo đủ điều kiện để các cơ sở đào tạo thực hiện quyền và trách nhiệm tự chủ, mặt khác không đủ khả năng đánh giá thực chất hoạt động và sự chấp hành luật pháp của tất cả các trường đại học, cao đẳng, không có khả năng đánh giá chất lượng giáo dục của toàn bộ hệ thống. Công tác quản lý ở các trường chưa phát huy được trách nhiệm và sự sáng tạo của đội ngũ nhà giáo, các nhà quản lý và sinh viên. Trên cơ sở phân tích thực trạng và các nguyên nhân của các tồn tại, Nghị quyết đã nêu lên các giải pháp cụ thể hơn: công tác quản lý cần phát huy cao độ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm soát bên trong của các trường, trên cơ sở các quy định của nhà nước và của các trường, tăng cường công tác giám sát và kiểm tra của nhà nước, của xã hội và của bản thân các trường. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu

trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghị quyết cũng nhấn mạnh cơ chế trong đó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học quyết định bậc lương của giảng viên theo sự cống hiến của họ và hằng năm tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy. Nghị quyết cũng nêu rõ cần tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và kiểm soát bên trong của trường đại học phù hợp với các quy định của nhà nước.

Tiếp theo đó, Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn 2010 – 2012 cũng nêu rõ việc đổi mới quản lý giáo dục đại học bao gồm quản lý nhà nước về giáo dục và quản lý của các cơ sở đào tạo là khâu đột phá để tạo ra sự đổi mới toàn diện của giáo dục đại học. Một trong các nhiệm vụ cấp thiết mà Thủ tướng giao cho Bộ GD&ĐT là rà soát, bổ sung, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, đồng thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới về thành lập trường, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quản lý tài chính, quản lý chất lượng, tuyển dụng, trong đó làm rõ trách nhiệm và chế độ của nhà giáo trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, quan hệ giữa Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Đảng ủy, các đoàn thể ở trường để từ đó các trường đại học, cao đẳng thực hiện quyền tự chủ và nghĩa vụ tự chịu trách nhiệm trước nhà nước và xã hội theo quy định của Luật Giáo dục

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học tái khẳng định quyền tự chủ của các trường đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học (Điều 32 của Luật).

Nghị quyết số 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017. Tư tưởng nhất quán được thể hiện ở Nghị quyết số 77/NQ-CP là sự “*cởi trói*” cho các trường đại

học công lập khỏi các quy định cứng nhắc, tập trung, hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo cho trường hoạt động theo cơ chế thị trường có sự can thiệp nhất định của nhà nước. Cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện trên các mặt: Thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức bộ máy và nhân sự; tài chính; chính sách học bổng, học phí với đối tượng chính sách; đầu tư, mua sắm; các nội dung tự chủ khác theo quy định của pháp luật.

Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các trường đại học, như: các nguyên tắc, quy định chung về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Các đơn vị có quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; nhân sự; hội đồng quản lý; giá, phí dịch vụ công; tài chính; lập, chấp hành dự toán thu chi.

Tại hội nghị Tổng kết thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam nhấn mạnh: *“Thực hiện tự chủ đại học còn nhiều khó khăn, nhưng chúng ta không còn cách nào khác là phải làm mạnh mẽ hơn. Đây là trách nhiệm vì đất nước, nếu các trường đại học Việt Nam không thực hiện tự chủ, không thành các trường mạnh, thì nhân lực chất lượng cao của Việt Nam sẽ không được như mong muốn, đất nước sẽ không phát triển. Tự chủ đại học sẽ không phải bàn có cần làm hay không mà đã thống nhất là phải làm; phải ban hành các văn bản chính thức để tiếp tục làm tiếp.*

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định tại Lễ khai giảng năm học 2018 – 2019 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam: *“Phải đổi*

mới mô hình quản trị đại học, thực hiện tự chủ đại học. Tinh thần chung là các trường đại học phải được tự chủ hơn về học thuật, được chủ động sáng tạo, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong khuôn khổ của pháp luật, ít bị ràng buộc bởi các thủ tục hành chính”.

Hiện nay, Chính phủ đang dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó có vấn đề tự chủ, nhằm hoàn thiện thể chế và kiến tạo một môi trường giáo dục đào tạo minh bạch, công khai, trong đó cơ sở giáo dục đại học phát huy được vai trò tự quyết của mình, đồng thời phải chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học và các bên có liên quan.

1.3. Nguyên tắc và nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam

1.3.1. Nguyên tắc và đạo đức truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử

Giống như các loại hình báo chí khác khi truyền thông về tự chủ đại học, báo điện tử cũng cần tuân thủ các nguyên tắc chung:

- **Thứ nhất**, bám sát *nguyên tắc khách quan, chân thật* - một trong những nguyên tắc đầu tiên để đảm bảo độ tin cậy, hiệu quả của quá trình thông tin. Ở nước ta, báo chí nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật trên cơ sở đúng các quan điểm của Đảng, Nhà nước. Sự thật có mặt tốt, mặt chưa tốt, thậm chí, có mặt xấu. Sự thật cũng có thể bị che đậy bởi thói khoa trương, thổi phồng thành tích, vì thế để truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử có hiệu quả thì phải thông tin cả những điểm tốt, thành công và những khuyết điểm, khó khăn. Phản ánh trực diện sự thật với những tư liệu, dữ kiện về tình hình thực tế đang diễn ra. Để đánh giá đúng sự thật đòi hỏi nhà báo có chính kiến và năng lực tư duy, để có thể viết một cách chân thực và đi đến cùng bản chất của sự việc.

- **Thứ hai**, truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử phải *đảm bảo tính dân chủ*. Đây là những nguyên tắc mang tính thời đại, mang bản chất của nền dân chủ. Báo chí phải là diễn đàn của các tầng lớp nhân dân. Nhân dân có quyền được thông tin rộng rãi, công khai, minh bạch. Công chúng hiện nay ngày càng đa dạng, tìm đến báo chí không chỉ tiếp nhận thông tin, mà còn tương tác, phản hồi thông tin mạnh mẽ hơn. Việc đảm bảo thông tin được công khai là góp phần đảm bảo để “dân biết”, rồi mới làm và kiểm tra được. Thông tin trên báo điện tử thường được công khai rộng rãi nhất, bởi một tin đăng tải trên báo điện tử sẽ ngay tức thì tới được hàng triệu người, không kể tuổi tác, nghề nghiệp, không gian, thái độ chính trị... Đặc biệt, khi phản biện về chính sách giáo dục phải đảm bảo tính dân chủ.

- **Thứ ba**, truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử *đề cao tính phản biện*. Tính phản biện của báo chí nói chung được thể hiện trên cả hai mặt biểu dương và phê bình. Truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử cũng vừa phải biểu dương, vừa phải phê bình, phải cổ vũ cho tư duy đổi mới, đúng đắn; đồng thời phê bình những việc làm thụ động, trì trệ, hình thức chủ nghĩa, hiệu quả thấp trong chính sách tự chủ giáo dục đại học. Vì vậy, đã có sự thay đổi quan điểm và cơ chế tổ chức quản lý của Nhà nước, thì báo chí cũng cần phải nắm rõ bản chất của chính sách, nhất là những chính sách mang tính nhạy cảm, phức tạp, để có thể thông tin kịp thời về chính sách.

- **Thứ tư**, khi tiến hành truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử người làm báo phải *nêu bật được quan điểm, chính kiến riêng* của bản thân trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp. Thực tế chỉ ra, với vai trò truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử, mỗi nhà báo, phóng viên, biên tập viên luôn phải có ý thức thổi hồn của mình vào tác phẩm báo chí. Đó là những nhận xét, bình luận thể hiện quan điểm của chính tác giả hướng công chúng tới đích của bài viết. Người làm báo luôn phải có trách nhiệm nêu bật ý kiến đánh giá nhận xét của

bản thân về tính chất, mức độ, các tác động có liên quan nảy sinh từ chính sách tự chủ giáo dục, giúp độc giả tiếp cận vấn đề một cách có định hướng.

Do vậy, nhiệm vụ lớn lao đi liền với nghĩa vụ của nhà báo truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử là phải thể hiện đạo đức nghề nghiệp, cái tâm và tầm của mình trong tác phẩm báo chí. Nếu họ không xuất phát từ hiện thực khách quan, từ chính đời sống giáo dục trong nước để phản ánh thì tác dụng phản biện sẽ không được hình thành, thậm chí, nếu xuất phát từ những ràng buộc tiêu cực hoặc từ sự đánh giá phiến diện, chủ quan, duy ý chí của nhà báo thì sẽ mang lại định hướng lệch lạc, gây ra nhiều phản ứng trái chiều trong dư luận. Khi đó truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử sẽ phải đứng trước nhiều thách thức nan giải.

- **Thứ năm**, để truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử có chất lượng, cần *sử dụng đa dạng và linh hoạt các hình thức và phương thức truyền thông* của báo điện tử; sử dụng đa dạng các thể loại báo chí như tin, phản ánh, phóng sự, tường thuật, phỏng vấn, bình luận, chương trình tương tác, diễn đàn... nhằm đưa thông tin về chính sách giáo dục đến công chúng phù hợp và sinh động nhất. Trong thực tiễn, báo điện tử thường thực hiện phản biện bằng phương thức truyền tải thông tin đa phương tiện rất sinh động, hấp dẫn, những lợi thế không loại hình báo chí nào có được, có thể đáp ứng nhu cầu thưởng thức thông tin phong phú, đa dạng của công chúng trong giai đoạn hiện nay. Sự kết hợp hài hòa của các tính năng trên cùng giao diện của báo điện tử đã góp phần đưa hiệu quả hoạt động và đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng.

Nhờ khả năng tương tác cao của báo điện tử, công chúng muốn bày tỏ quan điểm, ý kiến của cá nhân cũng rất dễ dàng thực hiện trực tiếp trên giao diện của các báo điện tử. Sự thuận tiện này đã kéo gần hơn công chúng với tòa soạn. Khi đó, ý kiến thu được sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn, tạo được hiệu quả rõ nét hơn khi thực hiện phản biện chính sách.

Ngoài ra, khi truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử, nhà báo có thể tạo thành hệ thống chuỗi bài viết xoay quanh một vấn đề, sự kiện, thu hút sự chú ý của công chúng, đôi khi “làm nóng” dư luận xã hội. Dung lượng thông tin không giới hạn đã tạo ra khả năng lưu trữ thông tin thuận tiện nhất cho việc tìm kiếm và kết nối thông tin đa nguồn, giúp cho công chúng dễ dàng tiếp nhận và tìm kiếm thông tin khi cần.

1.3.2. Tiêu chí nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử

**** Truyền thông về chính sách tự chủ đại học:***

Chính sách tự chủ đại học được thể hiện qua nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản pháp luật khác nhau. Nhờ truyền thông về chính sách tự chủ đại học mà nhiều nội dung cốt lõi trong chính sách được phổ biến tới các cơ sở đào tạo, cán bộ, giảng viên và sinh viên, học viên. Bên cạnh đó, nhiều khó khăn trong chính sách cũng dần được tháo gỡ. Ví dụ: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 mở ra trang mới cho phát triển GDDH, trong đó có vấn đề tự chủ. Tuy nhiên, để thực hiện luật hiệu quả cần tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức của công dân và cả những nhà hoạch định chính sách, bởi cần thường xuyên rà soát lại tất cả các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, nhất là các quy định liên quan tổ chức, nhân sự, tài chính, đầu tư và điều chỉnh kịp thời...

Thực tế hoạt động tự chủ của các trường đại học đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của các Luật: Luật Giáo dục, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Ngân sách... và rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Vì vậy, việc cần thiết hiện nay là sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ với Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Truyền thông chính sách tự chủ đại học cũng tạo ra diễn đàn cho nhân dân đóng góp ý kiến,

hoàn thiện chính sách như những kiến nghị Chính phủ cần sớm ban hành nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập để các trường thực hiện. Các bộ, ngành cần ban hành các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá mức độ và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao tự chủ nhằm tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách. Các trường đại học xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ mang tính chi tiết, bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng. Trong đó, chú trọng giải pháp chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, thu hút người có năng lực, có trình độ; tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình nhằm bảo đảm các trường tự chủ hiệu quả, hoạt động theo đúng pháp luật.

** Truyền thông về cơ hội thành công của các trường trong tự chủ đại học:*

Tự chủ đại học hiện nay đang trở thành xu thế của sự phát triển. Nó mở ra cơ hội phát triển với những bước đi thích hợp hơn cho các trường đại học hiện nay. Do vậy, đây là một trong những nội dung quan trọng được báo chí truyền thông đề cập tới.

Trong gần một thập kỷ qua, vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ chỗ toàn thể hệ thống giáo dục đại học Việt Nam như một trường đại học lớn, chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước. Tuy Nhà nước và Bộ GD&ĐT đã hết sức chú trọng vấn đề tự chủ và đã cố gắng tạo ra hành lang pháp lý cho quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học nhưng các quyền tự chủ đó vẫn chưa thật sự phát huy hết tác dụng vì tính chất chưa triệt để và sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương chính sách của Nhà nước. Các cơ sở giáo dục đại học dường như vẫn hết sức mong muốn được tăng thêm quyền tự chủ, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý tài chính, bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, trang thiết bị, cơ sở vật chất.v...

Tự chủ đại học có thể góp phần giúp các trường đại học đạt được các kết quả tích cực như:

- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao tiếp cận chuẩn quốc tế, bồi dưỡng nhân tài cho phát triển kinh tế- xã hội đất nước;

- Tiên phong đổi mới phương pháp đào tạo, xây dựng và phát triển các ngành mới có tính liên ngành cao, tổ chức đào tạo theo chuẩn quốc tế, đào tạo bằng kép, ngành kép giữa các đơn vị, đi đầu trong việc giám quy mô đào tạo đại học không chính quy, tăng quy mô đào tạo sau đại học trên cơ sở đảm bảo chất lượng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các bộ, ban, ngành, địa phương;

- Đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đất nước nhờ nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ (KHCCN), đạt được một số kết quả tầm cỡ quốc tế: tăng số lượng đề tài, dự án KHCCN nhờ đấu thầu và hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học (NCKH) tiếp cận trình độ quốc tế; nghiên cứu KHCCN có những đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước; gắn kết NCKH và đào tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH góp phần quan trọng trong việc đào tạo chất lượng cao, dẫn đầu về nghiên cứu khoa học sinh viên;

- Góp phần nâng cao uy tín quốc tế và vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên trường quốc tế;

- Hiện đại hoá trang thiết bị, tiên phong xây dựng thành công một số nhóm nghiên cứu/phòng thí nghiệm đạt trình độ quốc tế;

- Chủ động thực hiện một cách sáng tạo chủ trương, đường lối, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo.

** Truyền thông về bất cập trong tự chủ đại học*

Tự chủ đại học hiện nay đã và đang xuất hiện nhiều bất cập khác nhau. Đây là một trong những nội dung được báo chí ưu tiên hàng đầu trong truyền thông về tự chủ đại học. Ví dụ như vấn đề tài chính: Vấn đề tự chủ đại học hiện nay chủ yếu được tiếp cận từ góc độ tài chính mà chưa chú trọng đúng

mức tới việc thực hiện các nội dung khác trong tự chủ như về tổ chức, nhân sự và học thuật. Chính vì vậy, các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua chủ yếu mới dựa vào căn cứ là mức độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động để phân loại và giao mức độ tự chủ cho các trường chứ chưa xây dựng được căn cứ, nguyên tắc chung để giao quyền tự chủ cũng như giao tự chủ ở mức độ khác nhau phù hợp với năng lực của từng đơn vị liên quan đến công tác tổ chức, nhân sự, quản trị, tiềm lực và kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cũng như các điều kiện cần thiết khác. Cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ sở giáo dục đại học công lập còn mang tính bình quân, chưa gắn với tiêu chí chất lượng và kết quả đầu ra. Việc cấp kinh phí hiện nay chủ yếu căn cứ vào: quy mô, số lượng sinh viên đầu vào; số lượng giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; số ngành nghề đào tạo; dữ liệu về phân bổ ngân sách của năm trước; mức phân bổ cơ bản bình quân giữa các ngành đào tạo.

Cách phân bổ này một mặt khiến cho các trường chỉ tập trung vào việc tăng quy mô, số lượng đầu vào mà chưa chú trọng tới việc nâng cao các điều kiện bảo đảm chất lượng tương xứng với quy mô đào tạo; không quan tâm tới đào tạo các ngành học khó, các ngành khoa học cơ bản với chi phí đào tạo cao. Mặt khác, cơ chế này cũng sẽ khiến cho việc đầu tư ngân sách bị dàn trải và không phát huy được tính cạnh tranh giữa các trường...

Bên cạnh đó, nhiều bất cập về chính sách, pháp luật liên quan tới tự chủ đại học cũng được ưu tiên truyền thông trên báo chí như hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước chưa được đồng bộ. Ví dụ như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Viên chức... chưa phù hợp với nội dung Chính phủ cho phép trường tự chủ. Vì vậy một số nội dung trường được phép tự chủ nhưng trên thực tế không thực hiện được, ví dụ như việc liên kết sử dụng tài sản của nhà trường liên kết, liên doanh để phát triển đào tạo khoa học công nghệ. Các nguồn từ ngân sách Nhà nước như khoa học vẫn phải quyết toán

theo Luật Ngân sách Nhà nước rất phức tạp, gây ra khó khăn trong quá trình thực hiện, không thể đẩy nhanh hơn được. Ngoài ra, đối với quy định về Hội đồng trường trong Luật Giáo dục đại học năm 2012 còn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, chưa phù hợp làm cho vai trò của Hội đồng trường trong việc quản trị nhà trường chưa được như mong muốn.

1.4. Một số khung lý thuyết cơ bản để luận giải vấn đề nghiên cứu

1.4.1. Lý thuyết đóng khung

Erving Goffman được cho là người đầu tiên đưa ra khái niệm “đóng khung” vào năm 1974, trong cuốn *Frame analysis: An essay on the organization of experience*. Theo Goffman, “khung” chính là những giản đồ của sự diễn giải (schemata of interpretation) cho phép con người xác định, tiếp nhận, định dạng và dán nhãn cho vô số những sự biến diễn ra trong cuộc sống của họ. Khung được định nghĩa là ý tưởng tổ chức cốt lõi giúp giải nghĩa về các sự kiện liên quan, cũng như gợi ý xem đâu mới là vấn đề cần xem xét. Việc đóng khung chính là quá trình quyết định xem cái gì được chọn, cái gì bị loại bỏ, và cái gì được nhấn mạnh. Nói tóm lại, tin tức cho chúng ta biết về một thế giới đã được đóng gói.

Khán giả cũng có “khung” nhận thức riêng của riêng họ, do kinh nghiệm và kiến thức cá nhân trước đó của họ. Khán giả sử dụng khung của họ để giải thích các thông điệp truyền thông. Vẫn còn sự tranh luận về cách đóng khung của nhà báo với cách diễn giải theo khung của khán giả.

Sự đóng khung này được hiểu là quá trình tổ chức các kinh nghiệm, tìm ra ý nghĩa của chúng trong sự tham chiếu tới những nhận thức sẵn có. Sức mạnh của việc đóng khung chính là ở chỗ con người buộc phải viện tới các hệ thống quen thuộc, ví dụ như hệ thống biểu tượng, tri thức, huyền thoại v.v. để có thể diễn giải về một hiện tượng bất kỳ trong đời sống xã hội.

Sau khi Goffman áp dụng lý thuyết đóng khung vào phạm vi tổ chức kinh nghiệm của con người, nhiều nhà nghiên cứu đã phát triển lý thuyết này cho lĩnh vực hẹp hơn là truyền thông đại chúng. Trong bài phân tích về di sản của

Goffman, Gamson William cho rằng quá trình đóng khung của báo chí là “gần như hoàn toàn ngầm ẩn, và được thừa nhận như lẽ tất nhiên. Cả nhà báo lẫn công chúng đều không nhận ra rằng đây thực chất là một quá trình kiến tạo mang tính xã hội (social construction), mà chỉ đơn giản xem nó là việc phóng viên phản ánh lại sự kiện”. Theo Gamson, việc đóng khung chính là quá trình quyết định xem cái gì được chọn, cái gì bị loại bỏ, và cái gì được nhấn mạnh. Nói tóm lại, tin tức cho chúng ta biết về một thế giới đã được đóng gói. Khung được Gamson định nghĩa là “ý tưởng tổ chức cốt lõi” của cái thế giới đã-bị-gói kia, giúp giải nghĩa về các sự kiện liên quan, cũng như gợi ý xem đâu mới là vấn đề cần xem xét.

Định nghĩa tường minh nhất về quá trình đóng khung của truyền thông đại chúng có lẽ được đưa ra bởi Robert Entman Quá trình đóng khung chủ yếu liên quan tới việc lựa chọn (selection) và làm nổi bật (salience). Đóng khung có nghĩa là lựa chọn một số khía cạnh trong cách hiểu về hiện thực, rồi làm cho nó nổi bật lên trên văn bản truyền thông bằng cách nhấn mạnh vào một cách đặt vấn đề, một cách lý giải, một cách đánh giá đạo đức, hoặc/và một cách xử lý nào đó.

Trong phạm vi luận văn, lý thuyết đóng khung được sử dụng để luận giải các khung thông điệp mà báo chí chuyển tới công chúng. Điều này xuất phát từ thực tế hiện nay, truyền thông với một doanh nghiệp cần phải đề cao rất nhiều những khía cạnh khác nhau như sản phẩm, uy tín, tiềm năng, sự phát triển,... nhưng khi đi vào truyền thông người đại diện thương hiệu thì việc chọn khía cạnh nào đem vào từng chiến dịch, từng bài báo là một vấn đề hết sức quan trọng. Bên cạnh đó, việc lựa chọn thông điệp trong các chiến dịch, bài báo trên cũng cần áp dụng lý thuyết đóng khung. Không thể tràn lan trong việc tổ chức các chiến dịch hoặc tạo lập nội dung của một bài báo, như vậy công chúng sẽ không nắm được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Do vậy, áp dụng lý thuyết đóng khung vào luận văn, tác giả sẽ luận giải được chính xác thực trạng truyền thông người đại diện thương hiệu của các doanh nghiệp hiện nay đâu là tích cực và đâu là hạn chế.

1.4.2. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự

Thuyết thiết lập chương trình nghị sự cho rằng các cơ quan báo chí và truyền thông căn cứ vào môi trường thông tin thực tế và mục đích để lựa chọn ra các vấn đề và nội dung mà họ coi là quan trọng để cung cấp cho công chúng chứ không phải là cung cấp các thông tin mà công chúng cần. Lý thuyết này được đưa ra bởi hai nhà nghiên cứu Maxwell McCombs và Donald Shaw vào năm 1972, dựa trên những số liệu và kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1968 giữa hai ứng cử viên Richard Nixon và Hubert Humphrey. Ngay trong bản công bố có tên “Vai trò của thiết lập chương trình nghị sự của nền truyền thông đại chúng trong việc định hình ý kiến dư luận”, McCombs cũng đã nhấn mạnh: “Các phác thảo chính về sự ảnh hưởng này đã được Walter Lippman phác họa trong cuốn “Ý kiến công chúng” xuất bản năm 1922, cuốn sách bắt đầu bằng chương “Thế giới bên ngoài và những bức tranh trong đầu chúng ta” Nghiên cứu của họ cũng dựa trên mẫu khảo sát của cử tri khu vực Chapel Hill, Bắc Carolina. Nghiên cứu này cũng được đưa ra để so sánh với điều mà các cử tri ở đây cho rằng “các nội dung thực tế từ các phương tiện truyền thông thực chất là các vấn đề lớn của cuộc bầu cử.”

Hai nhà nghiên cứu đã sử dụng một mẫu đặc biệt, đó chính là các cử tri chưa quyết định lá phiếu của mình bởi lẽ nếu thuyết thiết lập chương trình nghị sự thực sự có ảnh hưởng mạnh tới những nhóm cử tri nhạy cảm này thì giả thuyết nghiên cứu của họ sẽ hợp lý và công bằng hơn rất nhiều. Các nghiên cứu của McCombs và Shaw cũng chỉ ra rằng các tin tức được đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng phần lớn đều không liên quan đến những vấn đề thực tế của cuộc bầu cử, đa số các thông tin này chỉ đề cập tới các ứng cử viên tranh cử và đánh giá về việc thắng thua trong kỳ bầu cử.

Bằng cách tập trung vào cuộc tranh luận của những người đang dẫn đầu trong cuộc bầu cử, các cơ quan truyền thông sử dụng thuyết thiết lập chương trình

ngộ sự để thuyết phục khán giả bỏ phiếu một cách cụ thể nhất bởi vì cái mà họ đang thấy chính là việc Nixon đang dẫn đầu với tỷ lệ 20% số phiếu bầu, và điều đó cũng đồng nghĩa với việc tạo ra những ấn tượng về một ứng cử viên ưu tú cho khán giả. Hơn nữa, việc giới truyền thông tập trung vào những ứng cử viên, ví dụ như sự xuất hiện của họ, gia đình của họ, những gì họ làm trong lúc rảnh rỗi v..v tất cả những điều ấy thực sự nghiêng về sự đánh bóng hình ảnh cá nhân hơn là các vấn đề chính trị, xã hội và kinh tế đáng lẽ phải là tiêu điểm. Cũng trong nghiên cứu năm 1968, McCombs và Shaw cũng tập trung vào hai yếu tố :Nhận thức và thông tin. Bằng cách điều tra chức năng của thiết lập chương trình nghị sự của các phương tiện truyền thông đại chúng, hai ông cũng cố gắng đánh giá mối quan hệ giữa những vấn đề mà cử tri trong một cộng đồng cho rằng là quan trọng và những nội dung thực tế của các thông điệp mà các nhà truyền thông đã sử dụng trong suốt cuộc chiến dịch tranh cử. Họ đi đến kết luận rằng các phương tiện truyền thông đại chúng đã có ảnh hưởng đáng kể tới những điều mà cử tri cho rằng nó là chính là vấn đề trọng tâm của chiến dịch.

Tiểu kết chương 1

Quyền tự chủ đại học được hiểu là các quy định của pháp luật phản ánh mối quan hệ giữa nhà nước với các cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện mục tiêu tự do học thuật, tự chủ quản trị và các điều kiện giải trình bắt buộc để thực hiện quyền tự chủ của mình. Tự chủ là thuộc tính của các trường đại học, là quyền tự quyết của các trường đại học, các cơ sở giáo dục trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

Trong những năm qua, trước xu thế đổi mới, hội nhập trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam đã có nhiều cải cách trong lĩnh vực giáo dục đại học. Vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ chỗ toàn thể hệ thống giáo dục đại học Việt Nam như một trường đại học lớn, chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước bước đầu đem lại những kết quả nhất định.

Nội dung chương 1 cũng đã làm rõ nguyên tắc, nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo chí làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng trong chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Giới thiệu về các báo khảo sát

2.1.1. Báo điện tử Giáo dục & Thời đại (*giaoducthoidai.vn; gtdt.vn*):

Báo Giáo dục và Thời đại là tờ báo ngành đầu tiên của cả nước ra đời khi miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tiền thân của Báo Giáo dục và Thời đại là tờ báo Người giáo viên nhân dân, xuất bản số đầu tiên vào ngày 5/12/1959. Đây là tờ báo ngành đầu tiên của cả nước ra đời khi miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Báo Người giáo viên nhân dân đã bám sát, phản ánh các mô hình này, vì thế các nhà trường háo hức tìm đọc để học hỏi kinh nghiệm. Từ đó Bộ Giáo dục và Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã có chỉ thị phát động phong trào thi đua này. Hằng năm, có xét tặng danh hiệu Lá cờ đầu cả nước cho một huyện dẫn đầu phong trào. Các huyện Yên Mô (Ninh Bình); Hoằng Hóa (Thanh Hóa); Hóc Môn (TP Hồ Chí Minh)... đã một thời là điển hình. Phong trào thi đua này thật độc đáo nhưng đã phai nhạt dần khi cơ chế thị trường xuất hiện.

Ngược dòng lịch sử, báo Người giáo viên nhân dân có tiền thân là Tạp chí Giáo dục nhân dân xuất bản từ năm 1953 tại chiến khu Việt Bắc. Tờ tạp chí trở thành nguồn thông tin quý báu, là nơi bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho nhà giáo. Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới báo chí, năm 1991 Báo Người giáo viên nhân dân được đổi tên là Giáo dục & Thời đại. Trong lịch sử 60 năm, Báo Giáo dục & Thời đại luôn là người bạn đường đáng tin cậy của nhà giáo Việt Nam, đã được Nhà nước tặng thưởng 2 Huân chương Lao động (01 hạng Nhất, 01 hạng Nhì), 02 Huân chương Độc lập (01 hạng Nhì, 01 hạng Ba). Báo đã trải qua 9 thời kỳ các Tổng biên tập.

Tổng biên tập đầu tiên (thời đó gọi là Chủ nhiệm) là giáo sư Nguyễn Khánh Toàn - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng, Bí thư Đảng Đoàn Bộ Giáo dục. Tổng biên tập hiện nay là nhà báo Triệu Ngọc Lâm (bổ nhiệm năm 2018). Trong lịch sử 60 năm của mình, Báo Giáo dục & Thời đại có thể tự hào là một trong ít tờ báo đi đầu trong công cuộc đổi mới báo chí về nội dung cũng như hình thức. Báo cũng đi đầu trong việc tuyên truyền vận động đóng góp xây dựng nhà công vụ cho giáo viên miền núi và trực tiếp góp phần xây dựng một nhà công vụ cho một trường ở tỉnh Hòa Bình.

Đặc biệt Báo Giáo dục và Thời đại còn mạnh dạn phối hợp với tổ chức IOGT Thụy Điển đầu tư giúp đỡ hình thành tổ chức IOGT Việt Nam. Một tổ chức thực hiện nếp sống lành mạnh, không bia rượu, thuốc lá thông qua các hoạt động ngoại khóa sinh động và hấp dẫn... Các hoạt động này góp phần đa dạng hóa loại hình trường, lớp đổi mới phương pháp giáo dục và xây dựng cơ sở vật chất trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

2.1.2. Báo điện tử Dân trí (dantri.com.vn):

Dân trí là một tờ báo điện tử trực thuộc Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, có lượng truy cập khá lớn. Kết quả thống kê mới nhất của công ty khảo sát thị trường uy tín có quy mô toàn cầu Kantar Media thì báo Dân trí đứng thứ 2 tại Việt Nam, chỉ sau Google và VnExpress là website Việt Nam được dùng thường xuyên nhất trong nước. Còn theo thống kê của Opera thì bản mobile của báo Dân trí cũng chỉ đứng sau Google về lượng truy cập từ thiết bị di động.

Theo thống kê của Google, đến nay, mỗi tháng có bình quân Dân trí có 900 triệu pageviews; mỗi ngày có bình quân trên 10 triệu lượt người truy cập vào báo Dân trí tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó 20% người truy cập từ nước ngoài (con số mới đây của Google cho biết 173 nước trên thế giới có người truy cập đọc Dân trí và DTINews). Cũng theo thống kê của Google, địa chỉ của tờ báo này xếp thứ 9 trong Top 10 từ khóa có tốc độ "Tăng trưởng tìm

kiếm nhanh nhất toàn cầu". Đây cũng là từ khóa mang tên Việt Nam duy nhất trong bảng xếp hạng. Các tin tức của Dân Trí được cập nhật hàng giờ. Dân Trí có diễn đàn trực tuyến về các vấn đề kinh tế, chính trị, thể thao, văn hoá... Đặc biệt, Dân trí còn có một Quỹ Nhân ái hoạt động với mục đích làm cầu nối cho những tấm lòng hảo tâm tới những hoàn cảnh khó khăn. Quỹ Nhân ái và mục Tấm lòng Nhân ái của báo Dân trí có hoạt động từ thiện nổi bật nhất trong làng báo Việt Nam.

Báo điện tử Dân trí online, từng kế thừa phần giao diện và bố cục nội dung của trang tin tổng hợp Tintucvietnam.com. Năm 2009, báo điện tử Dân trí lần đầu tiên thay đổi giao diện.

2.1.3. Báo Vietnamnet.vn

Vietnamnet chính thức lên mạng internet vào ngày 19/12/1997, gần như đồng thời với sự kiện internet vào Việt Nam với tên gọi mạng mạng thông tin trực tuyến VASC Orient. Ngày 23/1/2003, Vietnamnet chính thức được Bộ Văn hóa thông tin phê duyệt trở thành tờ báo điện tử, bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngày 19/12/2004, độc giả Vietnamnet có thể xem các video clip truyền hình trực tuyến. Đây là tính năng multimedia mới lần đầu tiên được một tờ báo điện tử ở Việt Nam tích hợp tại <http://www.vietnamnet.tv>. Vietnamnet cũng là tờ báo điện tử đầu tiên mở ra chuyên mục Bàn tròn trực tuyến, một diễn đàn trao đổi trực tuyến giữa các chuyên gia, những người nổi tiếng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... với độc giả về các vấn đề nóng đang được quan tâm.

Ngày 15/5/2008, theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, báo điện tử Vietnamnet đã chính thức trở thành một đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông. Số giấy phép: 1285/GP - BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 27/8/2008

Tờ báo có 10 chuyên mục chính bao gồm: Xã hội, Giáo dục, Chính trị, Đời sống, Kinh tế, Quốc tế, Văn hóa, Khoa học, Công nghệ thông tin – viễn

thông, Bạn đọc. Ngoài ra còn có các chuyên sâu hoạt động như những tờ báo trực thuộc VietNamNet như: Tuanvietnamnet, Tintuonline, Vland- bất động sản, trang giải trí 2sao.vietnamnet.vn và 49 chuyên mục nhỏ. Trong đó, gần 20 chuyên mục cập nhật thông tin 24/24, hơn 10 chuyên trang đa dạng, đa diện phục vụ độc giả. Hiện nay, theo xếp hạng Alexa, tính đến ngày 7/11/2016, Vietnamnet xếp thứ 21 tại Việt Nam và xếp thứ 2.885 trên thế giới về số lượng truy cập. Tuy nhiên, tính riêng trong tháng 11/2015, Vietnamnet đã 2 lần bị hacker phá hoại. Độc giả không thể truy cập được hoặc tốc độ tải của trang rất chậm. Điều này vô tình đã ảnh hưởng đến uy tín của báo và cũng gây sụt giảm khá mạnh lượng độc giả của báo. Dù thế, Vietnamnet vẫn được coi là một trong những báo điện tử chính thống hàng đầu tại Việt Nam.

2.1.4. Báo Tuoitre.vn

Tuổi trẻ Online là một cơ quan ngôn luận của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đây là một trong bốn ấn bản của báo Tuổi trẻ cùng với các ấn bản khác như: Nhật báo Tuổi trẻ, Tuần báo Tuổi trẻ và Tuổi trẻ cười. Báo Tuổi trẻ có số lượng ấn bản lớn nhất tại Việt Nam với 500.000 bản/ngày (theo số liệu từ tháng 6/2008). Báo Tuổi trẻ chính thức ra đời ngày 2/9/1975. Với sự phát triển không ngừng của báo Tuổi trẻ, ngày 1/12/2003, báo Tuổi trẻ Online đã chính thức ra đời.

Sáng ngày 1/12/2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh, báo Tuổi trẻ đã chính thức công bố website Tuổi trẻ điện tử với địa chỉ: <http://www.tuoitre.com.vn>, sau 3 tháng thử nghiệm. Tại đây, độc giả có thể cập nhật những thông tin mới nhất về tình hình kinh tế, xã hội, đời sống...trong nước và thế giới. Chưa đầy hai năm sau, Tuổi trẻ Online đã vươn lên vị trí thứ ba về số lượt truy cập trong bảng xếp hạng tất cả các website tiếng Việt trên thế giới. Ngày 20/3/2010, Tuổi trẻ Online đổi tên miền thành tuoitre.vn và thay giao diện mới.

Ngoài những thông tin được cập nhật liên tục từ ba ấn phẩm Tuổi trẻ ngày, Tuổi trẻ Chủ nhật và Tuổi trẻ Cười, sản phẩm thứ tư của Tuổi trẻ cũng cung cấp nhiều thông tin riêng để tận dụng lợi thế cập nhật liên tục 24 giờ mỗi ngày của môi trường Internet. Website này không chỉ đưa tin dưới dạng văn bản, hình ảnh truyền thống mà còn bằng cả nội dung đa phương tiện (hình ảnh động, âm thanh...). Đặc biệt, Tuổi trẻ điện tử cũng đưa toàn bộ các phụ trương quảng cáo của báo ngày, bạn đọc có thể truy cập tới một kho dữ liệu phong phú được cập nhật hằng ngày về thị trường nhà đất, cơ hội việc làm, học hành thi cử...

Theo xếp hạng của mạng phân tích quốc tế Alexa (www.alexa.com), nếu ngày 19/9/2017, Tuổi trẻ điện tử được xếp hạng thứ 464.499 trong tổng số 3 tỷ website trên thế giới hiện có, thì đến ngày 1/12, Tuổi trẻ điện tử đứng thứ 39.238. Tuổi trẻ Online được xuất bản lần đầu tiên dưới sự chỉ đạo của Tổng biên tập Lê Hoàng. Sau đó, Tuổi trẻ Online nhanh chóng trở thành ấn phẩm có tốc độ phát triển nhanh, mạnh nhất với thứ hạng khoảng 740 trên thế giới và trong Top 10 ở Việt Nam. Tuổi trẻ Online có nhiều chuyên mục, chuyên trang thiết thực, bổ ích như: du lịch, thể thao, nhịp sống trẻ, địa ốc...tạo nên tính đa dạng, linh hoạt và hữu ích.

Cũng như nhiều trang báo mạng khác, Tuổi trẻ Online nắm bắt những thông tin nóng hổi, tình hình chính trị trong và ngoài nước một cách nhanh nhạy. Kết hợp với những ấn bản trên báo Tuổi trẻ mà Tuổi trẻ Online ngày càng trở nên thân thuộc đối với bạn đọc mạng.

2.2.Tần suất tin, bài về tự chủ đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay

Vấn đề tự chủ đại học là một trong những lĩnh vực được 04 báo đưa rất đậm nét, với hình thức phong phú, đa dạng. Qua các trang báo này, nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về tự chủ đại học đã đến được với mọi tầng lớp, người dân trong xã hội.

Bảng 2.1: Kết quả khảo sát tin, bài về tự chủ đại học*Đơn vị: tin, bài*

Cơ quan Báo	Năm 2017		Năm 2018		Từ 2018 đến nay	
	Tin	Bài	Tin	Bài	Tin	Bài
Giaoducthoidai.vn	43	71	59	86	111	98
Dantri.com.vn	44	35	62	43	120	67
Vietnamnet	26	41	35	53	56	88
Tuoitre.vn	66	35	89	56	73	121
Tổng số tin, bài	179	182	245	238	360	374
	361		483		734	

Số lượng tin - bài đăng tải liên quan đến tự chủ đại học thường dao động từ 120-200 tin, bài/tháng. Nội dung đăng tải liên quan đến nhiều khía cạnh về tự chủ đại học như: cơ chế chính sách, bất cập, cơ hội thành công...

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không phải lúc nào vấn đề tự chủ đại học cũng được quan tâm, khai thác và đăng tải một cách đầy đủ, kịp thời, kể cả giaoducthoidai.vn – một tờ báo của Bộ GD&ĐT. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Thứ nhất, do lĩnh vực tự chủ đại học thường là những bài viết chuyên sâu, không chỉ đòi hỏi nhà báo phải có kỹ năng phân tích tổng hợp, tư duy logic. Thứ hai, các tòa soạn báo cũng chưa thật sự quan tâm đến lĩnh vực này, vì cho rằng nó khô khan và ít có độc giả theo dõi. Ví dụ:

- Vietnamnet.vn có số lượng người truy cập lớn. Đây là một trong những lợi thế của Vietnamnet.vn trong việc phổ cập thông tin về mọi mặt đời sống của xã hội, bao gồm cả lĩnh vực tự chủ đại học. Đây là tờ báo của Bộ Thông tin và Truyền thông nên việc đăng đậm đặc các thông tin về giáo dục nói chung, lĩnh vực tự chủ đại học nói riêng là việc hoàn toàn hợp lý và dễ hiểu. Tuy nhiên, Vietnamnet đã không làm như vậy. Qua khảo sát cho thấy, mặc dù năm 2018 Vietnamnet.vn đăng tải rất nhiều tin, bài về tự chủ đại học nhưng chủ yếu là

các tin bài cập nhật sự kiện đơn thuần. Các tin, bài phân tích chuyên sâu về tự chủ đại học chiếm số lượng rất ít và thường tập trung chạy theo một số sự kiện lớn của ngành Giáo dục đào tạo. Nguyên nhân đầu tiên phải kể đến đó là: Vietnamnet.vn thiên về các thông tin thời sự, do đó lãnh đạo báo ưu tiên, quan tâm hơn đến những thông tin về chính trị, văn hóa, xã hội. Những thông tin trong lĩnh vực này thường thu hút được lượng độc giả lớn và tăng được lượng truy cập; từ đó thu hút quảng cáo, tạo nguồn doanh thu khổng lồ cho tòa soạn. Trong khi các bài báo về lĩnh vực giáo dục đại học, đặc biệt là các bài báo viết về tự chủ đại học thì số lượng người truy cập thường thấp, có tin, bài không quá 200 lượt. Ngược lại, các bài báo thuộc lĩnh vực giải trí, các thông tin giật gân, câu khách có thể lên tới vài chục nghìn, thậm chí, lên tới vài trăm nghìn lượt. Điều này cũng phần nào lý giải vì sao các thông tin về lĩnh vực tự chủ đại học không được lãnh đạo tờ báo này quan tâm. Nguyên nhân thứ hai là, Vietnamnet.vn không có phóng viên chuyên trách theo dõi lĩnh vực tự chủ đại học. Phóng viên không có kiến thức chuyên sâu nên gặp rất nhiều khó khăn khi viết các bài liên quan đến lĩnh vực này. Mặt khác, những tin, bài về lĩnh vực này không hấp dẫn độc giả, nên không được lãnh đạo báo đánh giá cao, do đó nhuận bút thường thấp. Chính vì vậy, phóng viên khi được giao viết bài về lĩnh vực tự chủ đại học thường cảm thấy không mặn mà.

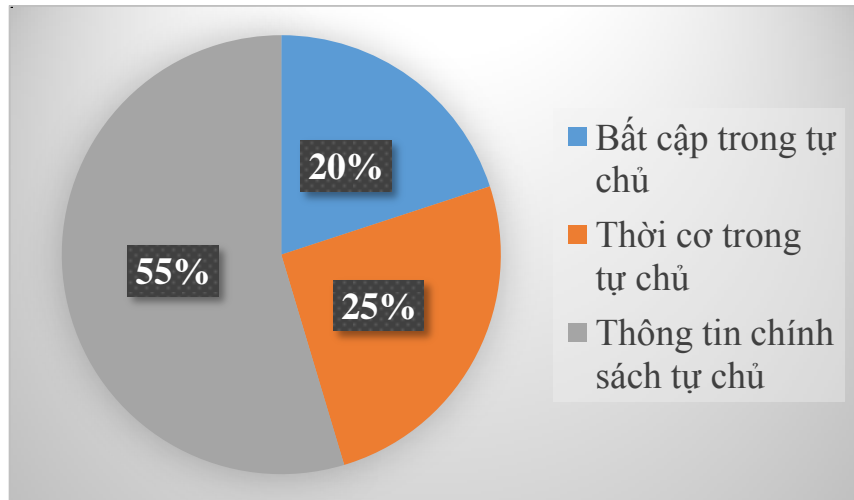
- Báo điện tử Dân trí: Kết quả khảo sát cho thấy, tờ báo này có số lượng tin/bài về lĩnh vực tự chủ đại học khá lớn. Là cơ quan ngôn luận của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam nên việc đăng tải các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung và các chính sách trong lĩnh vực giáo dục nói riêng được Báo điện tử Dân trí xác định là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Vì vậy, việc tờ báo này có số lượng các bài viết về lĩnh vực tự chủ đại học nhiều thứ ba là điều dễ hiểu. Đây cũng là điểm mạnh của tờ báo này. Nhuận bút của các bài báo phân tích, bình luận chuyên sâu về lĩnh

vực tự chủ đại học được trả khá cao nên phóng viên cũng an tâm khi thực hiện nhiệm vụ và cũng không chịu áp lực quá lớn về số lượng độc giả quan tâm theo dõi.

- Báo Tuoitre.vn: về lĩnh vực tự chủ giáo dục đại học, báo này có những bài mang tính định hướng, tính thực tế rất cao, đầy đủ thông tin, đa dạng về cách thể hiện, do đó trang báo này có số lượng người truy cập tương đối lớn. Mặt khác, báo này còn xây dựng được một đội ngũ cộng tác viên là chuyên gia trong và ngoài nước nên bài viết thường có chất lượng cao. Không chỉ các bài viết về các lĩnh vực như: Văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục... mà các bài viết về lĩnh vực tự chủ giáo dục cũng được tờ báo này triển khai một cách bài bản, chuyên nghiệp, với góc nhìn thẳng, khả năng tổng hợp phân tích số liệu, khả năng liên kết các vấn đề, sự kiện rất logic, có một diện mạo hoàn toàn khác so với cùng một vấn đề được đăng tải trên các trang báo khác. Tuy nhiên, đáng tiếc là trang báo này cũng không quan tâm nhiều đến việc đăng tải các thông tin tự chủ giáo dục một cách thường xuyên như các chuyên mục riêng biệt. Cũng giống như nhiều báo khác, Tuoitre.vn cũng cho rằng, đây là lĩnh vực khô khan, không hấp dẫn độc giả trẻ.

2.3. Thực trạng nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát

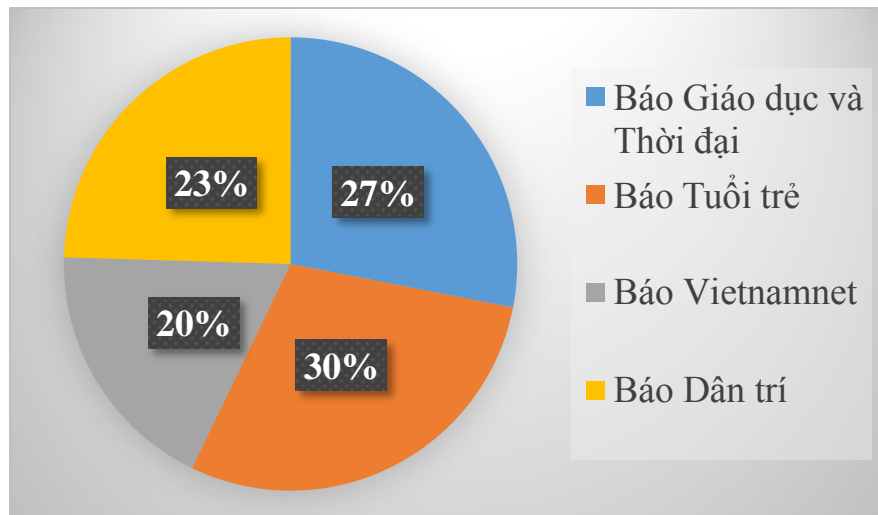
Khảo sát của tác giả từ năm 2017 đến tháng 8/2019 cho thấy, có 1.578 tin, bài về tự chủ đại học. Trong đó, phân chia theo các nội dung, khía cạnh khảo sát thì 862 tin, bài về các chính sách trong tự chủ đại học; 401 tin, bài về cơ hội, thành công trong tự chủ đại học và có 315 tin, bài về những bất cập trong tự chủ đại học. Cụ thể:



Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ các tin, bài về tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát

2.3.1. Báo điện tử truyền thông về chính sách tự chủ đại học

Trong thời gian khảo sát có 862 tin, bài về chính sách tự chủ đại học, trong đó: Vietnamnet có 165 tin, bài; báo Tuoitre.vn có 262 tin, bài; báo Giaoducthoidai.vn có 235 tin, bài và báo Dantri.com.vn có 200 tin, bài. Cụ thể:



Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ các tin, bài về chính sách trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy, báo Tuoitre.vn có tỷ lệ bài viết cao nhất liên quan tới những chính sách trong tự chủ đại học, sau đó lần lượt là các báo Giaoducthoidai.vn; Dantri.com.vn và cuối cùng là báo Vietnamnet.

Thực tế, bốn tờ báo được khảo sát có những bài viết rất chất lượng, nêu bật các chính sách tự chủ đại học. Trên báo Giaoducthoidai.vn, ngày 16/11/2018 tác giả Minh Phong có bài *“Tự chủ đại học - Nhìn từ chính sách, pháp luật”*, đã cập nhật tinh thần của nhiều chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về tự chủ đại học như: Phát biểu tại buổi tọa đàm, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Văn Phúc cho biết: Năm 2013, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục. Năm 2014, để thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Chính phủ đã tiến hành thí điểm với các trường đại học công lập bằng Nghị quyết 77/NQ-CP.

Thí điểm này để mở rộng tự chủ đại học, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, nếu có kết quả tốt thì sẽ tiến hành nhân rộng. Sau hơn 3 năm thực hiện, những kết quả bước đầu rất tích cực, nội dung của thí điểm cho 23 trường của Nghị quyết 77/NQ-CP hiện nay đang được thể chế hóa trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, mà Quốc hội dự kiến thông qua vào kỳ họp lần này. Nội dung Nghị quyết 77/NQ-CP thí điểm trên 3 mặt: Tự chủ về chuyên môn, nhân sự tổ chức và tài chính, tài sản.

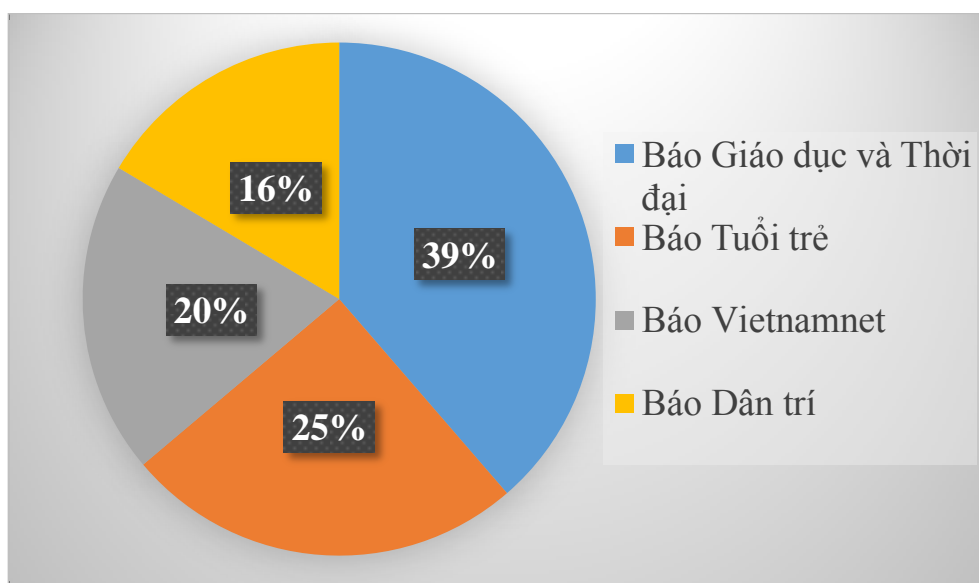
Trên báo Tuoitre.vn, ngày 21/8/2019 có bài *“TP.HCM tìm hiểu chính sách tự chủ đại học tại Indonesia”*. Tác giả Tiến Long đã làm rõ tinh thần của các chính sách tự chủ tại Indonesia như chia sẻ của ông Muhammad Anis - hiệu trưởng Trường đại học Indonesia - ba mục tiêu chính trong hoạt động của trường là: Tự chủ, hội nhập và đẩy mạnh nghiên cứu. Trường này tự chủ một số vấn đề tài chính và có một ban điều hành, nhằm đảm bảo chương trình giảng dạy phù hợp. Về nguồn kinh phí, 35% kinh phí của trường thu từ học phí, 25% do chính phủ trợ cấp, phần còn lại thu từ các hoạt động thiện nguyện, quyên góp của sinh viên. Trong đó, trường dành 25% ngân sách cho nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trường còn nhận được sự tài trợ từ các doanh nghiệp. Mặt khác, Trường đại học

Indonesia có các chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu, viết bài cho các tạp chí khoa học. Hiện có 30% giảng viên tham gia viết bài và có bài đăng trên các tạp chí uy tín thế giới. Khi chưa có chính sách khuyến khích chỉ có 15% giảng viên tham gia hoạt động này. Trường cũng tạo điều kiện về không gian, nguồn lực để các sinh viên làm thêm, khởi nghiệp. Hiện có sinh viên của trường đang thực tập tại các tập đoàn lớn của Indonesia. Bài viết này cung cấp những kinh nghiệm thực tế của một trường đại học, từ đó, các trường đại học ở Việt Nam có thể nghiên cứu, học hỏi.

Với sự ra đời của Luật Giáo dục năm 2019, nhiều tờ báo điện tử cũng cập nhật tinh thần, nội dung chủ đạo liên quan tới tự chủ đại học, như: Luật Giáo dục quy định, Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước (khoản 1 Điều 96). Ngoài ra, Luật Giáo dục 2019 đã sửa đổi quy định quản lý chặt chẽ nguồn thu, chi tài chính, quản lý tài sản theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Quản lý sử dụng tài sản công đối với các cơ sở giáo dục công lập; nhấn mạnh trách nhiệm giải trình, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật (Điều 95, Điều 101...). Hoặc: Luật Giáo dục 2019 quy định: Học sinh, sinh viên sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục, hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí nhà nước đã hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo. Học sinh, sinh viên sư phạm được hưởng các chính sách học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí. Quy định này nhằm khắc phục những hạn chế của chính sách không phải đóng học phí của học sinh, sinh viên sư phạm quy định tại Luật Giáo dục hiện hành (Điều 85).

2.3.2. Báo điện tử truyền thông về cơ hội thành công của các trường trong tự chủ đại học

Trong thời gian khảo sát có 401 tin, bài về những cơ hội thành công trong tự chủ đại học, trong đó Vietnamnet: 79 tin, bài; Tuoitre.vn: 101 tin, bài; báo Giaoducthoidai.vn: 155 tin, bài và Dantri.com.vn: 66 tin, bài.



Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ tin, bài viết về những cơ hội thành công trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy, báo Giaoducthoidai.vn có tỉ lệ bài cao nhất liên quan tới những cơ hội thành công trong tự chủ đại học, sau đó lần lượt đến các báo điện tử: Tuổi trẻ, Vietnamnet và cuối cùng là báo Dân trí.

Thực tế, bốn tờ báo khảo sát đều có những bài tiêu biểu, nêu bật cơ hội của các trường đại học trong tự chủ. Ví dụ: Ngày 23/7/2019 trên báo gtdt.vn, tác giả Quốc Ngữ có bài “*Tự chủ đại học: Cơ hội để nâng cao chất lượng toàn hệ thống*”. Các cơ sở giáo dục đại học thí điểm tự chủ đã chủ động, linh hoạt hơn về tổ chức bộ máy, tuyển dụng nhân sự và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể, khi thí điểm tự chủ, các trường tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; được quyết định mở ngành, ngưng mở ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội nếu đáp ứng đủ điều kiện

theo quy định; mở các chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp theo nhiệm vụ chính trị được giao...

Tự chủ đại học còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân trong nhà trường, khơi dậy sức sáng tạo của từng thành viên. Nhà trường phải được tự quản về hoạt động tổ chức và tự chủ tài chính, tự chủ về nguồn thu - chi. Nguồn thu học phí chỉ là một phần, ngoài ra còn thu từ hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh kết hợp với doanh nghiệp, thu từ nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, cộng đồng...

Tác giả Quốc Ngữ cũng cho biết, để tự chủ đại học hiệu quả, các trường khi được giao quyền tự chủ, trường đại học sẽ tự quyết nhiều vấn đề, từ tuyển sinh, tài chính, nhân sự, cho đến sự thành bại của thương hiệu nhà trường. Khi Nhà nước giao quyền tự chủ cho nhà trường thì phải tự chịu trách nhiệm, nhất là đối với sinh viên - sản phẩm do nhà trường đào tạo. Nếu nhà trường tự chủ không chú trọng trong công tác đào tạo, sinh viên ra trường không có việc làm, đào tạo không đáp ứng nhu cầu xã hội thì tự khắc xã hội sẽ đào thải. Đây cũng là ưu điểm đáng kể của tự chủ đại học, người hưởng lợi chính là sinh viên và xã hội, nhất là đối tượng sử dụng lao động. Vấn đề chất lượng đào tạo, rất cần “siết đầu ra” của các trường, tránh trường hợp giao quyền tự chủ, các trường tuyển sinh ồ ạt, đào tạo không đảm bảo chất lượng, đầu ra lại “quá mở”. Một trong những sứ mệnh quan trọng của trường đại học là sáng tạo tri thức mới, cho nên, trường đại học phải có quyền tự do về học thuật, cần được giao thực quyền cho hội đồng trường, mở rộng quyền tự chủ đến từng bộ môn, từng giảng viên.

Ngày 28/6/2019, trên báo gtdt.vn có bài “*Tự chủ đại học: Trông chờ ở nội lực*”, tác giả Ngọc Dư cho rằng, quyền tự chủ cho các trường đại học đang được đề cao hơn bao giờ hết. Việc tự chủ sẽ giúp các trường đại học sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực của mình, thích ứng nhanh và kịp thời với những yêu cầu mới của xã hội, từ vấn đề xây dựng nội dung chương trình,

trang thiết bị phục vụ đào tạo, cho đến việc quy hoạch, tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực và huy động chất xám sao cho hiệu quả. Các trường sẽ có điều kiện phát huy sự năng động, sáng tạo của mình trong tất cả các phương diện hoạt động: Học thuật, tài chính, nhân sự để phục vụ cho chính sách phát triển của nhà trường, đủ sức cạnh tranh trong toàn hệ thống và với quốc tế. Các điều khoản cũng giúp các trường tiết kiệm thời gian và giảm bớt những thủ tục hành chính khi triển khai hoạt động.

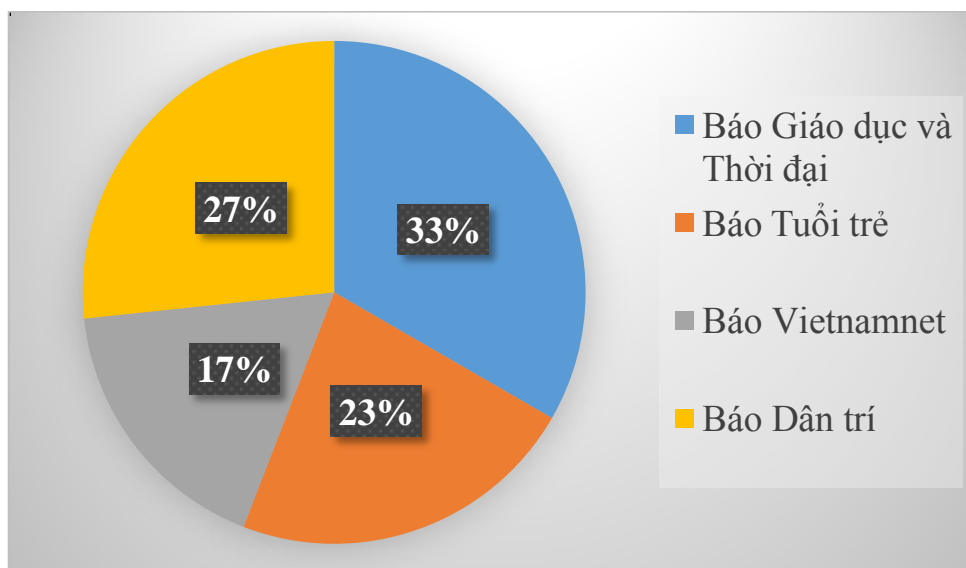
Ngày 13/6/2019, trong bài “*Tự chủ đại học: Khi trường bỏ cơ quan chủ quản*” đăng trên báo Dân trí, tác giả Minh Khôi cho rằng, những cơ hội trong tự chủ đại học rất lớn như: *Về quản trị*, các trường được tự do hơn nhà nước và hội đồng trường có sự tham gia của các thành viên bên ngoài trường ngày càng nhiều. Các thành viên bên ngoài này được trường tự do bổ nhiệm hay chính phủ chỉ định tùy nơi. *Về học thuật*, tự chủ học thuật cho phép trường tự quyết định chương trình học nội bộ và các vấn đề khác như tuyển sinh, nội dung giảng dạy, học tập, đảm bảo chất lượng, giới thiệu các chương trình cấp bằng và ngôn ngữ giảng dạy. Ngoài ra, quyền quyết định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển sinh cũng là các khía cạnh cơ bản của tự chủ học thuật. *Về nhân sự*, khả năng của trường đại học trong việc tự do quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn nhân lực, bao gồm tuyển dụng, trả lương, sa thải và thăng chức. *Về tài chính*, trường đại học được tự do quyết định các vấn đề tài chính nội bộ của mình. Khả năng quyết định học phí cũng đóng góp tỉ lệ đáng kể vào ngân sách đại học trong một số hệ thống giáo dục đại học.

Ngày 2/7/2019 trên báo Vietnamnet, Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học (Bộ GD&ĐT) Nguyễn Thị Kim Phụng có bài “*Gỡ nhiều nút thắt cho đại học Việt Nam mạnh lên*”. Từ ngày 1/7, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34) chính thức có hiệu lực. Những điều chỉnh, sửa đổi bổ sung trong Luật mới được đánh giá là khá mạnh dạn nhằm gỡ các nút thắt đối với lộ trình tự chủ đại học của Việt Nam như: Giảm sự can thiệp trực

tiếp của cơ quan chủ quản; Chuyển vai giữa Hiệu trưởng và Hội đồng trường; Làm rõ mối quan hệ giữa 3 thiết chế Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu; Đòi hỏi cao hơn về quản trị đại học. Tác giả nhấn mạnh, với chủ trương mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả của tự chủ đại học, Luật số 34 giảm sự can thiệp trực tiếp của cơ quan Nhà nước đến tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Điều đó có nghĩa là, sẽ thay đổi phương thức quản lý Nhà nước từ chỗ nhiều nội dung quản lý còn sử dụng phương thức hành chính trực tiếp, nay chuyển sang phương thức quản lý thông qua pháp luật, với hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng... để các trường được phát huy tính năng động, sáng tạo để cạnh tranh và phát triển.

2.3.3. Báo điện tử truyền thông về bất cập trong tự chủ

Trong thời gian khảo sát, có 315 tin, bài về những bất cập trong tự chủ đại học, trong đó báo Vietnamnet có 55 tin, bài; báo Tuoitre.vn có 71 tin, bài; báo Giaoducthoidai.vncó 105 tin, bài và báo Dantri.com.vn có tin, 84 bài.



Biểu đồ 2.4. Tỷ lệ các tin, bài viết về những bất cập trong tự chủ đại học trên các tờ báo điện tử khảo sát

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy, báo Giáo dục và thời đại điện tử có tỉ lệ bài viết cao nhất liên quan tới những bất cập trong tự chủ đại học, sau đó lần lượt báođiện tử: Dân trí, Tuổi trẻ và cuối cùng là Vietnamnet.

Qua những tin, bài trên báo điện tử, nhiều bất cập được làm sáng tỏ. Trong bài *Giải pháp tài chính trong tự chủ đại học* (ngày 21/7/2019 trên giaoducthoidai.vn), tác giả Hiếu Nguyễn đã chỉ ra nhiều bất cập như: Hệ thống văn bản pháp lý chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, chưa phù hợp từ các cấp quản lý. Còn nhiều bộ luật, quy định không phù hợp, chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời đã dẫn đến hạn chế trong đổi mới ở các cơ sở giáo dục đại học đối với việc thực hiện chủ trương tự chủ. Các cơ quan chủ quản can thiệp quá sâu vào các hoạt động và quyền tự chủ hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Cơ chế quản lý theo kiểu “xin cho” từ các cơ quan quản lý nhà nước vẫn còn, cơ sở giáo dục đại học vẫn bị xem như một đơn vị hành chính, nhất là trong công tác tài chính, kế hoạch, đầu tư, thanh tra và kiểm toán... Thực tế, các quy định hiện hành còn nhiều ràng buộc nên rất khó cho các cơ sở giáo dục đại học bứt phá và thực hiện việc tự chủ, như là các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã và đang làm triệt tiêu động lực đổi mới hoạt động hướng tới tự chủ và sáng tạo, không phù hợp cơ chế đổi mới quản lý tài chính công hiện nay.

Trên giaoducthoidai.vn ngày 21/9/2018, bài “*Các nhà khoa học góp ý cho tự chủ đại học*”, tác giả Hiếu Nguyễn lại đề cập đến những bất cập trong lộ trình thực hiện tự chủ đại học: Vẫn chưa có một lộ trình cụ thể, phù hợp với các điều kiện cần có để một nhà trường được giao quyền tự chủ. Và chúng ta chưa quan tâm làm rõ thế nào là quản trị tốt, cùng các nguyên tắc và tiêu chuẩn của quản trị tốt, làm cơ sở cho việc tập huấn, bồi dưỡng cán bộ ở cấp quản lý ở cả cấp hệ thống và cấp trường để họ có năng lực phù hợp với các yêu cầu mới trong đổi mới quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục đại học.

Trên báo [Dantri.com.vn](http://dantri.com.vn), ngày 14/8/2018, trong bài *Tự chủ đại học về nhân sự: Vẫn còn nhiều cán bộ “sáng cấp ô đi, chiều cấp ô về”*, tác giả Hồng Hạnh cho rằng, mặc dù đã có nhiều đổi mới nhưng vẫn tồn tại những vướng mắc, những bất cập trong chính sách tự chủ về nhân sự ở các cơ sở giáo dục đại

học. Nhiều văn bản pháp luật liên quan có quy định khác, hoặc "trói buộc" bằng những quy định mới như: Luật Công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động... đã làm cho việc thực hiện chính sách tự chủ về nhân sự của các cơ sở giáo dục đại học, kể cả các cơ sở giáo dục đại học được trao quyền tự chủ cao nhất như Đại học Quốc gia, còn gặp nhiều khó khăn, chưa có được những bước đột phá trong chính sách tuyển dụng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ giảng viên và cán bộ khoa học có trình độ cao. Do đó, khả năng hội nhập quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học nước ta vẫn còn hạn chế, chưa thể so sánh được với quyền tự chủ của các trường đại học của Úc và một số nước phát triển khác.

Trên báo Tuoitre.vn, ngày 15/6/2019, trong bài viết “*Để đại học tự chủ toàn diện - Kỳ 3: Cần nhiều quy định rõ ràng hơn*”, tác giả Trần Huỳnh cho rằng, cần làm rõ mối quan hệ, phạm vi trách nhiệm của cơ quan chủ quản, kể cả trách nhiệm giải trình, nhiệm vụ được Chính phủ giao và cách giải quyết xung đột giữa cơ quan chủ quản và nhà trường trong giai đoạn quá độ đi đến xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, đồng thời hình thành cơ chế mới vừa phát huy khả năng tự chủ của nhà trường vừa không vi phạm luật pháp. Trong cách xây dựng cơ chế mới cần lấy lợi ích của sinh viên làm trục để chính sách hay cơ chế xoay xung quanh đó. Hơn nữa, việc áp dụng mô hình của nước ngoài vào đại học trong nước khó có thể thành công ngay do điều kiện vận hành cũng như cơ chế lạc hậu, thiếu đồng bộ chưa bị gỡ bỏ. Cần thiết phải chấm dứt can thiệp vào hoạt động tự chủ của các trường để thực hiện đúng tinh thần của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và nghị quyết 19 của Trung ương về việc thu gọn đầu mối quản lý, tinh giản biên chế. Việc có thêm bộ ngành chủ quản thực chất chỉ thêm một tầng nấc trung gian với rất nhiều thủ tục hành chính, khiến chi phí giao dịch gia tăng, mất thời gian và hiệu quả thấp. Việc còn duy trì bộ chủ quản sẽ phải mất thêm một số vị trí công chức để quản lý các mặt của nhà trường, như: kế hoạch tài chính, nghiên cứu khoa học, tổ chức cán bộ, công đoàn, thanh tra đào tạo...

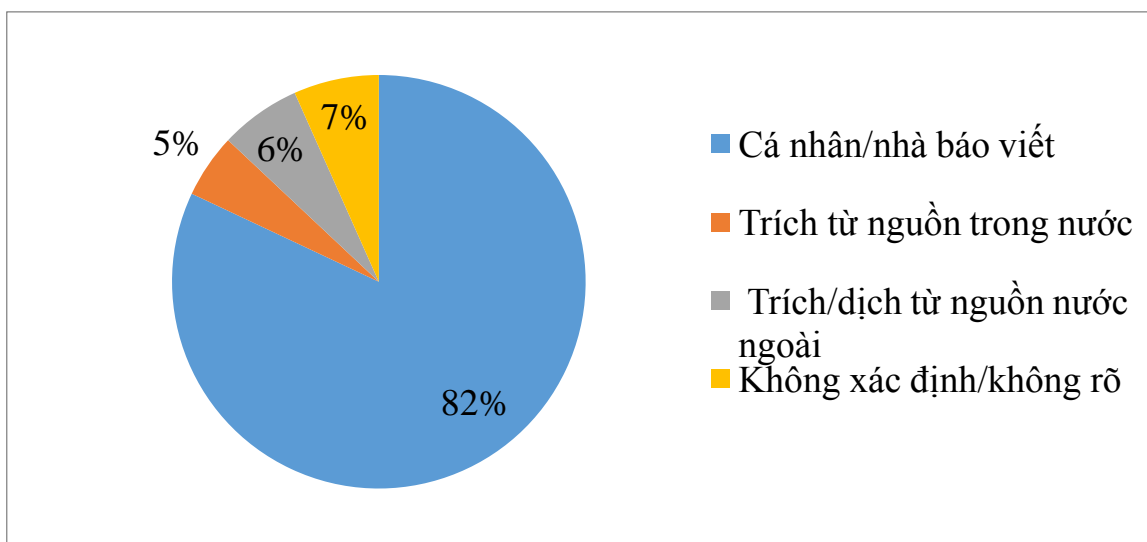
Nhìn chung, nội dung truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử đã bám sát dòng thời sự chủ lưu, đúng với khả năng nhanh, nhạy của báo điện tử. Tuy nhiên, nội dung truyền thông vẫn còn nặng về phản ánh sự kiện, một chiều, chưa thật sự thể hiện được góc nhìn riêng của phóng viên về vấn đề tự chủ đại học hiện nay.

2.4. Thực trạng hình thức chuyển tải nội dung về tự chủ đại học trên báo điện tử

2.4.1. Nguồn tư liệu được sử dụng

Nguồn tư liệu là điều rất cần thiết để khẳng định độ tin cậy của bài viết và giúp xác định thông tin được đề cập đến với công chúng theo cách thức nào. Thông tin do tự nhà báo, phóng viên lấy tin, trích nguồn trong nước và nước ngoài, hay do tìm hiểu thông tin từ độc giả. Thông qua nguồn tư liệu của tin bài cũng có thể tìm hiểu được mức độ tương tác của công chúng với tờ báo và là tiêu chí để xây dựng thương hiệu của một tờ báo điện tử.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đối với những tin bài về đề tài tự chủ đại học trên báo điện tử được đầu tư tương đối kỹ lưỡng, đa số tin bài đều do cá nhân nhà báo, phóng viên thực hiện (tỷ lệ chiếm 82% tin bài được khảo sát) và tỷ lệ tin bài được trích dẫn nguồn từ các báo khác rất nhỏ. Việc khai thác thông tin theo hướng riêng cũng chính là điểm cần thiết để tạo sức hút đối với người đọc. Trong bối cảnh các trang thông tin điện tử và mạng xã hội tràn lan, nhiều tin bài được trích nguồn, dẫn nguồn, thậm chí, xào xáo thông tin mà không cần kiểm chứng, thì việc tòa soạn yêu cầu các phóng viên, nhà báo của mình tự tìm tòi, xác minh và sản xuất tin bài là điều bắt buộc. Thông qua việc tự tìm hiểu, sản xuất tin bài, từng nhà báo sẽ giúp định hình và xây dựng thương hiệu riêng cho từng trang báo. Các lãnh đạo của các báo được khảo sát cũng khẳng định việc yêu cầu phóng viên, nhà báo phải xác minh thông tin, đi tận gốc rễ vấn đề và trực tiếp sản xuất tin bài là điều hết sức quan trọng và cần thiết. Cụ thể:



Biểu đồ 2.5. Tỷ lệ nguồn tư liệu về tự chủ đại học trên báo điện tử được khảo sát

Việc báo trích dẫn rõ các nguồn tư liệu khi sử dụng cũng thể hiện sự chuyên nghiệp, tôn trọng đồng nghiệp và công chúng. Tuy nhiên, hiện nay trên báo điện tử, có rất ít tin bài do chuyên gia thực hiện, chia sẻ quan điểm, sử dụng các kiến thức chuyên ngành để bày tỏ mong muốn... Nếu có được nhiều bài sử dụng ý kiến chuyên gia về lĩnh vực tự chủ đại học, hay việc tư vấn những ý kiến liên quan đến luật, dự thảo luật, những vấn đề xung quanh đến chính sách tự chủ đại học, sẽ có ý nghĩa rất lớn. Đây không chỉ là hạn chế riêng của báo điện tử, mà còn của nhiều tòa soạn báo hiện nay.

2.4.2. Thể loại báo chí

Thứ nhất, thể loại Tin về tự chủ đại học

Thể loại báo chí là một trong những hiện tượng phức tạp của hoạt động báo chí. Hiện nay, vẫn còn nhiều tranh luận về khái niệm này cả ở trong nước, lẫn ngoài nước và chưa hoàn toàn thống nhất. Từ điển Bách khoa toàn thư Liên Xô 1985 định nghĩa: "*Thể loại là khái quát hóa những đặc điểm của một nhóm lớn các tác phẩm có cùng thuộc tính về nội dung, hình thức và cách thể hiện tác phẩm của một thời đại, một giai đoạn, một dân tộc, hay một nền nghệ*

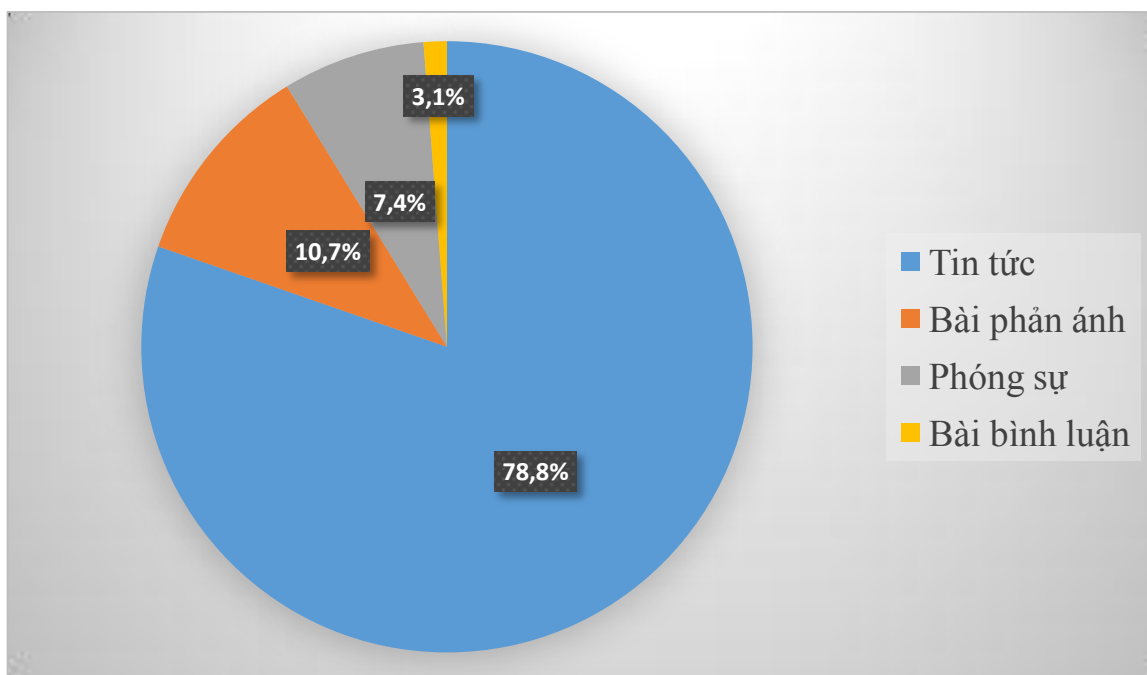
thuật thể giới". Theo PGS.TS. Đinh Văn Hùng: "*Thể loại báo chí là hình thức biểu hiện cơ bản, thống nhất và tương đối ổn định của các bài báo, được phân chia theo phương thức phản ánh hiện thực, sử dụng ngôn ngữ và các công cụ khác để chuyển tải nội dung mang tính chính trị tư tưởng nhất định*" [49, tr.58].

Trên thực tế hiện nay, số tác phẩm báo chí không thể hiện rõ các tiêu chí của thể loại thường chiếm tỷ lệ khoảng 60 -70% trong tổng số tác phẩm báo chí. Điều này có lý do: Không phải người viết báo nào cũng hiểu rõ và vận dụng đúng về thể loại báo chí. Do sự biến đổi không ngừng của báo chí, việc khảo sát thống kê các tin bài về tự chủ đại học theo thể loại vì thế cũng chỉ mang tính tương đối.

Tin là một trong những thể loại thuộc nhóm thông tấn báo chí, trong đó thông báo, phản ánh, bình luận có mức độ, ngắn gọn, chính xác, nhanh chóng nhất về sự kiện con người, vấn đề có ý nghĩa chính trị nhất định.

Trên giao diện của báo điện tử hiện nay, Tin thường chiếm tỷ lệ lớn, được đưa lên hàng đầu, vì Tin chứa đựng những thông tin "nóng", được công chúng quan tâm, góp phần cung cấp tri thức, mở rộng hiểu biết cho công chúng và định hướng dư luận. Chính vì vậy, thể loại Tin được xem là hạt nhân quan trọng của nhiều tờ báo, được sử dụng như công cụ mũi nhọn trong hoạt động thông tin, luôn chiếm dung lượng từ 50 - 70% diện tích tờ báo.

Sau khi phân định các tác phẩm báo chí kỹ lưỡng, kết quả khảo sát cho thấy, thể loại Tin chiếm 78,8% và thể loại bài phản ánh, phỏng vấn (chiếm 10,7%), phóng sự chiếm 7,4% và phân tích, bình luận chiếm 3,1%.



Biểu đồ 2.6. Thể loại tác phẩm báo chí về tự chủ đại học trên các báo điện tử khảo sát

Có thể thấy, thể loại Tin được sử dụng nhiều nhất trong tổng số các tác phẩm báo chí về tự chủ đại học, bởi đây là thể loại báo chí có tính cập nhật, ngắn gọn nhưng đầy đủ thông tin, đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin của độc giả hơn là những thể loại khác.

Bài phản ánh, phóng vấn là các thể loại được sử dụng nhiều thứ hai sau thể loại Tin, chiếm 10,7%, phản ánh về mọi mặt của hoạt động tự chủ đại học. Do tính chất “trung tính” của thể loại này, chỉ “phản ánh” hoặc “tường thuật” sự kiện theo một lát cắt hoặc tổng thể sự kiện, cho nên, rất thích hợp để sử dụng với mọi loại đề tài.

Phóng sự, bài điều tra là thể loại tác phẩm báo chí có nội dung và hình thức tương đối hoàn chỉnh, chất lượng thông tin chủ yếu là phản ánh toàn diện về quy mô, tính chất, khuynh hướng vận động, các mối quan hệ phong phú của một sự kiện, hiện tượng, vấn đề trong xã hội và tự nhiên, cho phép nhà báo có thể thấy được một cách khá đầy đủ các bình diện, khía cạnh, các mối quan hệ phong phú cũng như tính chất, logic vận động của chúng.

Về tự chủ đại học, thể loại phóng sự được sử dụng tương đối ít, chỉ có 7,4% nhưng lại được độc giả quan tâm, vì thể loại Phóng sự thường đề cập tới những nội dung về bất cập hay cơ hội thành công trong tự chủ đại học. Đây là thể loại tương đối khó, yêu cầu phóng viên, nhà báo cần có trình độ nhất định mới có thể thực hiện được. Tuy nhiên, trên những báo điện tử được khảo sát, tỷ lệ thể loại Phóng sự cũng chiếm gần tương đương so với thể loại bài phản ánh, phỏng vấn.

2.4.3. Cấu trúc thông điệp trong tác phẩm báo chí về tự chủ đại học

Kết quả khảo sát cho thấy, cấu trúc của các thông điệp truyền thông về tự chủ đại học khá rõ ràng, logic. Nhìn một cách tổng thể, cấu trúc tin bài hợp lý, đạt hiệu quả truyền tải thông điệp một cách nhanh chóng. Cả 4 tờ báo điện tử được khảo sát đều có một điểm thống nhất trong cấu trúc thông điệp là chỉ đưa ra những khái quát hết sức ngắn gọn ở phần mở đầu, dành toàn bộ trọng tâm thông điệp vào phần giữa và đều có kết luận đưa ra các gợi mở, nhận xét về vai trò, tính ứng dụng hay giải pháp đối với vấn đề tự chủ đại học.

Ví dụ: Bài *“Giải pháp tài chính trong tự chủ đại học”* đăng trên Giaoducthoidai.vn, ngày 21/7/2019 của tác giả Hiếu Nguyễn. Với mở đầu hết sức ngắn gọn: *“Thực hiện được tự chủ tài chính sẽ giúp các cơ sở giáo dục đại học khai thác, phát huy tốt các nguồn lực phục vụ cho sự tồn tại, phát triển của cơ sở giáo dục đại học qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín của nhà trường”* đã cho độc giả cái nhìn toàn cảnh về vấn đề được nêu. Sau đó, toàn bộ nội dung cốt lõi được tác giả triển khai đầy đủ ở phần giữa của tác phẩm: *“Các cơ sở giáo dục đại học đã quan tâm đến quy mô, chất lượng đào tạo, đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phần lớn các trường đã được tổ chức kiểm định. Đặc biệt, hoạt động tự chủ tài chính cũng giúp cho các trường có nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và nâng cao thu nhập cho đội ngũ. Một số giải pháp thực hiện tự chủ tài chính được GS Hà Thanh Toàn đưa ra. Trong đó có việc*

đảm bảo và hoàn thiện cơ chế tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học; tổ chức bộ máy, nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả; xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học và xã hội; đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế; quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và linh hoạt trong hoạt động tài chính”. Và kết thúc thông điệp, tác giả luôn luôn đề cập tới những mặt tích cực hay sự ứng dụng thực tế như: *“Điều quan trọng là các cơ sở giáo dục đại học phải đổi mới đảm bảo cơ cấu nguồn thu ổn định và phát triển đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Song song với đổi mới cơ chế phân giao kinh phí, khoán kinh phí, giám sát và kiểm tra thực hành tiết kiệm trong mua sắm, chi thường xuyên... Tìm kiếm, mở rộng và khai thác những nguồn thu tiềm năng khác trong tự chủ”*

Bên cạnh cấu trúc phổ biến đó, còn khá nhiều video clip có cấu trúc từ những chi tiết nhỏ, làm tăng tính sinh động của tác phẩm, hoặc lược giản tới đa chi tiết rườm rà bằng cấu trúc đồ họa (infographic), giúp độc giả tiếp cận dễ dàng những thông điệp cần được truyền tải, ghi nhớ thông tin nhanh, có hứng thú trong quá trình tiếp nhận thông tin. Rất tiếc, loại cấu trúc thể hiện bằng đồ họa lại không được các báo sử dụng nhiều, chủ yếu vẫn là bố cục quen thuộc với ảnh và chữ viết xen kẽ nhau.

Trong 4 báo được khảo sát, chỉ có Tuoitre.vn và Dantri.com.vn sử dụng cấu trúc thể hiện dưới dạng infographic, videographic khá nhiều (87 tin, bài).

Hành trình tự chủ đại học

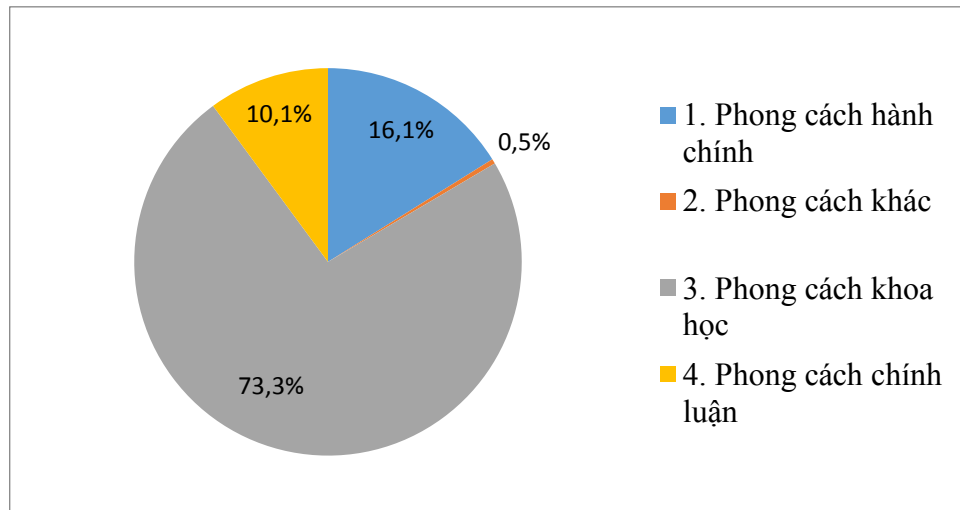


Hình 2.1. Infographic về hành trình tự chủ đại học

Về vấn đề này, Phó Ban biên tập Báo điện tử Vietnamnet chia sẻ: *“Nhìn chung hiện nay, trên báo điện tử thông tin đa phương tiện còn ít được sử dụng, trong khi dạng thức thông tin này luôn mang lại sự tiếp nhận mới lạ, hấp dẫn độc giả”*. Không chỉ lĩnh vực giáo dục, các lĩnh vực khác cũng ít thấy xuất hiện tin bài đa phương tiện, bởi đặc thù sản xuất nội dung thông tin này không đơn giản, phải tốn thêm nhân lực, chi phí và hạ tầng công nghệ phải đáp ứng tốt. Ví dụ: việc sản xuất một infographic sẽ phải cần đến nội dung thông tin do phóng viên khai thác, sau đó chuyển qua nhân viên thiết kế để mô phỏng bằng hình vẽ, rồi chuyển qua bộ phận đăng tải. Hoặc một tin có dùng video, thì bắt buộc trong quá trình tác nghiệp phóng viên phải có kỹ năng quay phim, phải được đầu tư thiết bị ghi hình, chụp ảnh đảm bảo chất lượng, rồi phải hình thành một đội ngũ kỹ thuật cắt dựng video... Tóm lại, quy trình thêm nhiều bước, phát sinh thêm nhân lực, chi phí... khiến các báo điện tử chưa mạnh dạn ứng dụng dạng thức thông tin này để làm sinh động cấu trúc thông điệp.

2.4.4. Ngôn ngữ, hình ảnh

Trong các tác phẩm báo chí, ngôn ngữ và hình ảnh được sử dụng để tạo ra các hiệu ứng truyền tải đối với người đọc. Kết quả khảo sát cho thấy, yếu tố làm nên sức thuyết phục của nội dung các thông điệp truyền thông tự chủ đại học chủ yếu là việc ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm phải phản ánh đúng thực tế (76,2%). Tính chân thực trong ngôn ngữ (11%) cũng được đánh giá là một trong những tiêu chí giúp tạo nên sức thuyết phục của nội dung thông điệp. Bên cạnh đó, phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm báo chí cũng góp phần không nhỏ vào việc truyền tải thành công các thông điệp truyền thông vấn đề tự chủ đại học. Theo khảo sát, phong cách ngôn ngữ khoa học được sử dụng chủ yếu (chiếm 73,3%) để mô tả, thuật lại những thông tin, sự kiện về tự chủ đại học. Phong cách ngôn ngữ hành chính chủ yếu được sử dụng khi thông báo, đề cập đến các vấn đề liên quan đến sự kiện các thông tin về luật pháp. Việc sử dụng các phong cách ngôn ngữ khác nhau tùy thuộc vào mục đích của tác giả muốn truyền tải tới người tiếp nhận thông tin.

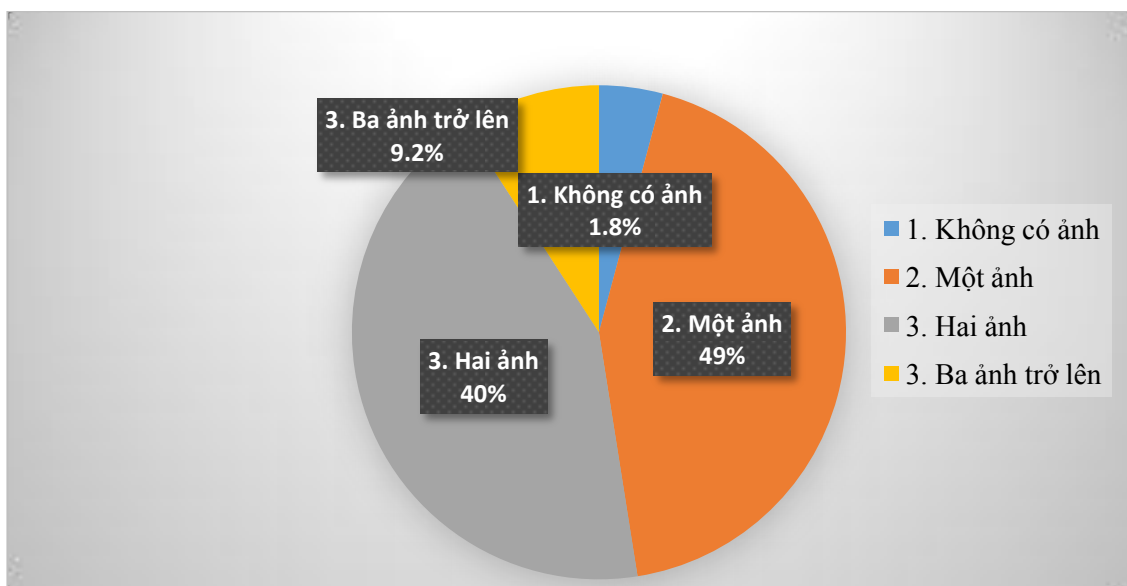


Biểu đồ 2.7. Phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong tin, bài báo chí về vấn đề tự chủ đại học

Báo chí luôn có chức năng định hướng xã hội, định hướng nhận thức và hành vi của công chúng. Vì vậy tùy theo nội dung muốn truyền đạt mà lựa chọn ngôn ngữ sử dụng và phong cách trình bày phù hợp là rất quan trọng,

là yếu tố tác động đến việc nhận thức đúng hay sai thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Bên cạnh đó, việc lựa chọn bố cục tác phẩm, thời điểm đăng tải phù hợp với đối tượng tiếp nhận tác phẩm cũng ảnh hưởng lớn đến tác động của nội dung thông điệp. Theo kết quả khảo sát, 95,7% tin bài khi xây dựng ý tưởng đã phải tính đến đặc thù tâm lý tiếp nhận và cách thức tiếp cận báo chí của công chúng. Có 83,9% các tin bài được xuất bản đúng thời điểm nên tạo được hiệu ứng phản hồi của người đọc tốt.

Những tin bài có sử dụng hình ảnh giúp người tiếp nhận thông tin định hướng chính xác hơn, khắc sâu hơn những nội dung thông điệp mà tin bài muốn truyền tải. Kết quả khảo sát cho thấy, có 95% các bài báo khảo sát có sử dụng ảnh kèm theo, chủ yếu là hình ảnh thiết bị, nghiên cứu ứng dụng, nhân vật. Còn tỷ lệ không sử dụng hình ảnh nào chỉ có 5%. Số lượng ảnh thường là 1 ảnh (chiếm 49%).



Biểu đồ 2.8. Số lượng hình ảnh sử dụng trong các tin, bài về tự chủ đại học trên báo điện tử khảo sát

2.4.5. Về phản hồi của công chúng (comment)

Khảo sát của tác giả cho thấy, dưới mỗi bài viết trên các tờ báo điện tử hiện nay đều có liên kết với hệ thống mạng xã hội và được thiết kế mục bình luận dành cho độc giả.

Lượng độc giả sử dụng tương tác mạng xã hội với các tính năng như Like (yêu, thích), Share (chia sẻ) khá khiêm tốn ở các tờ báo như: Giaoducthoi.vn, Vietnamnet.vn và Tuoitre.vn. Trung bình mỗi bài viết chỉ đạt lượng like từ 10 tới dưới 100. Đơn cử như bài *“Tăng thực quyền cho hội đồng trường trong quá trình tự chủ”* đăng trên Giaoducthoi.vn ngày 3/10/2018 của tác giả Lê Đăng, có 7 like. Cũng trên báo này, bài *“Hiểu thế nào là tự chủ đại học”* đăng ngày 4/10/2018 của tác giả Hải Bình có 2 like và không có lượt chia sẻ nào trên mạng xã hội. Trên báo Tuoitre.vn, ngày 13/6/2019 có đăng bài *“Tự chủ đại học: Khi trường bỏ cơ quan chủ quản”* của tác giả Trần Huỳnh và Ngọc Hà nhận được 10 like của bạn đọc. Trên Vietnamnet.vn, ngày 28/10/2018 *“Hiệu quả tự chủ đại học chưa cao”* của tác giả Lê Văn không nhận được like nào. Ngày 02/7/2019, báo này có đăng bài *“Gỡ nhiều nút thắt cho đại học Việt Nam mạnh lên”* của bà Nguyễn Thị Kim Phụng – Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học (Bộ GD&ĐT), bài viết này nhận được 2 like.

Cách phản hồi thứ hai là thông qua việc nhấn vào nút quan tâm và bình luận trong chuyên mục bình luận dưới mỗi bài báo. Hình thức phản hồi này được công chúng của báo Dân trí và báo Tuổi trẻ yêu thích sử dụng. Trung bình mỗi bài báo viết về tự chủ đại học trên báo Tuổi trẻ luôn có từ 5-10 bình luận. Ví dụ: Bài *“Mức độ tự chủ phụ thuộc vào chất lượng của trường đại học”* (Tuổi trẻ online, ngày 5/10/2019), bình luận của độc giả rất có ý nghĩa đối với vấn đề được nêu. Độc giả Thanh Xuân phản hồi: *“Rất mừng vì các trường Đại học được tự do học thuật, tự chủ về tổ chức, về tài chính! Nhưng nhiều trường còn chưa được tự chủ, tự chủ 1 phần, từng bước đến bao giờ mới thực sự tự chủ?”*. Ở khía cạnh khác, độc giả Phan Sơn cho rằng: *“Tự chủ, cho đến ngày hôm nay, ở nhiều nơi vẫn còn hơi hướng là tăng học phí chứ ngoài ra không có gì khác. Lương giảng viên so với công sức bỏ ra vẫn như thế hoặc tệ hơn. Môi trường làm việc vẫn không đổi. Tự chủ như thế là con*

dao hai lưỡi, đẩy giáo dục về hướng nguồn thu chứ không đi vào bản chất của công tác đào tạo. Dĩ nhiên, tự chủ là cần thiết để các trường năng động hơn trong việc xác định hướng đi, cơ cấu lại tổ chức cho hiệu quả hơn, đem lại lợi ích cho xã hội nhiều hơn”.

Với báo Dân trí online, lượng độc giả tương tác với bài báo là khá lớn. Như bài báo “*Tự chủ đại học: Không nên để các trường phải tự bê đá dò đường*” (ngày 29/10/2019), thu hút gần 20 bình luận và hơn 800 lượt yêu thích.

Như vậy, phản hồi của công chúng với các tác phẩm báo chí được tổ chức tốt ở báo Dân trí và báo Tuổi trẻ, còn đối với Giaoducthoidai.vn và Vietnamnet.vn, vấn đề tổ chức phản hồi của bạn đọc còn khá hạn chế. Tuy nhiên, dưới góc độ quản lý báo chí thì việc kiểm duyệt những phản hồi này phải hết sức thận trọng. Phó trưởng Ban Giáo dục báo Dantri.com.vn cho rằng: Lợi thế của báo điện tử như tôi vừa nói ở trên là việc chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, sinh động, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Bên cạnh đó có thể tạo ra diễn đàn để độc giả trao đổi, bình luận về vấn đề một cách thuận tiện, nhanh chóng. Tuy nhiên chính bởi điều này nếu không có sự kiểm duyệt chặt chẽ sẽ dẫn tới những hệ lụy khó lường, nhất là việc tạo ra các diễn đàn phản biện chính sách một cách tiêu cực. Đồng thời thông tin không được kiểm duyệt chặt chẽ mà chạy theo lợi ích, đăng tải một cách tràn lan sẽ dẫn tới mất uy tín của tòa soạn, ảnh hưởng tới chính sách được đề cập [Phụ lục 2, PVS03].

2.5. Đánh giá chung

Theo tác giả, tự chủ đại học là xu thế tất yếu cần phải làm. Thời gian qua, báo chí đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc thông tin những vấn đề “nóng” xoay quanh tự chủ đại học, vừa góp phần triển khai chính sách tới các cơ sở đào tạo, vừa phản hồi chính sách tới những đội ngũ lãnh đạo, quản lý, góp phần hoàn thiện chính sách. Có thể nhìn nhận một số thành công của báo điện tử trong việc thông tin về tự chủ đại học như sau:

Thứ nhất, báo điện tử đã chuyển tải một cách nhanh chóng và sinh động mọi diễn biến, những vấn đề mới nảy sinh của vấn đề tự chủ đại học, những thông tin, thành tựu trong tự chủ đến với công chúng. Phó trưởng ban phụ trách Ban Giáo dục Điện tử (Báo Giáo dục & Thời đại – phiếu PVS02, phần phụ lục) chia sẻ: Với khả năng sản xuất và xuất bản thông tin nhanh chóng, mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt thời gian và không gian, báo điện tử có thể chuyển tải mọi thông tin của hoạt động tự chủ đại học sắp, đang, vừa diễn ra. Vì thế, thời gian qua, báo điện tử đã làm tốt vai trò đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tự chủ đại học đến với nhân dân, nhất là cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên các cơ sở giáo dục đại học. Bên cạnh đó, các tờ báo điện tử cũng đã trở thành diễn đàn để nhân dân đóng góp ý kiến, nhằm hoàn thiện hơn các quy định về tự chủ đại học.

Qua khảo sát cho thấy, việc sử dụng ảnh tĩnh trong tin, bài phụ thuộc vào tính chất nội dung của thông tin cụ thể. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, số lượng tin, bài trên báo điện tử về tự chủ đại học có sử dụng ảnh kèm là rất cao (trung bình ở 04 tờ báo khảo sát là 95%).

Thông tin mang tính thời sự, cập nhật của báo điện tử không chỉ đơn giản là sự đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng. Về bản chất, đó là quá trình chiếm lĩnh không gian thông tin về sự kiện, sử dụng các thông điệp của báo chí để tạo lập dư luận xã hội về đề tài thông tin. Cũng như các vấn đề nội dung chính trị, kinh tế, xã hội khác, báo điện tử muốn khẳng định được vai trò trong nhiệm vụ đẩy mạnh và phát triển giáo dục đào tạo, trước hết phải tạo lập, kích thích được sự “phản ứng” của công chúng trước mỗi sự kiện bằng chính những thông tin nhanh nhạy và kịp thời về sự kiện, trong đó có tự chủ đại học. Theo phóng viên báo Tuổi trẻ, báo điện tử trong việc thông tin về tự chủ đại học có rất nhiều ưu thế như: đây là loại hình giúp chúng ta cập nhật tin tức một cách nhanh chóng. Sự kiện luôn luôn xảy ra bất kể ngày đêm và báo mạng là nơi đăng tải thông tin một cách kịp thời đáp ứng nhu cầu của độc giả.

Làm được điều này, thứ nhất đó là do bản chất của internet. Internet có tốc độ truyền tin nhanh chóng. Thứ hai cách thức để đăng tải bài cũng dễ dàng hơn báo in, báo phát thanh, báo truyền hình (các loại hình này khi thực hiện gồm nhiều khâu và bị kiểm duyệt chặt chẽ, gắt gao). Báo mạng điện tử hấp dẫn với đông đảo đối tượng bởi sự tác động vào nhiều giác quan. Chúng ta có thể vừa đọc, vừa nghe, vừa xem clip kèm theo bài báo. Điều này là lí do khiến cho rất nhiều người tìm đến báo điện tử mỗi khi cần tìm kiếm thông tin [Phụ lục 2, PVS04]

* ***Nguyên nhân của thành công thứ nhất:*** Có được thành công trên là do những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Cụ thể:

+ ***Nguyên nhân khách quan:*** Đó là do công chúng báo điện tử chủ yếu là trẻ, năng động, có nhu cầu thông tin ngày càng cao và đa dạng. Tự chủ đại học là một vấn đề có liên quan mật thiết đến học sinh, sinh viên; do đó, muốn nắm bắt thông tin để vận dụng vào cuộc sống là nhu cầu tự thân của họ. Mặt khác, tuổi trẻ thường rành về công nghệ, cho nên, việc tiếp cận vấn đề tự chủ đại học trên báo điện tử bằng điện thoại thông minh là thói quen hàng ngày. Theo phóng viên báo Vietnamnet.vn: Riêng báo điện tử, với thế mạnh cập nhật nhanh, thời sự và nhiều hình thức thể hiện, thuận lợi cho nhiều đối tượng người đọc trong bối cảnh thời đại số thì khả năng tuyên truyền khá cao. Có thể chỉ thông qua những từ khóa trên các hệ thống tìm kiếm chỉ trong ít giây người đọc có thể có được các thông tin về nhiều khía cạnh của vấn đề tự chủ đại học trên các báo điện tử có sẵn nội dung [Phụ lục 2, PVS01].

+ ***Nguyên nhân chủ quan:*** Do đặc điểm về tính thời sự và phi định kỳ của loại hình báo điện tử, công nghệ sản xuất và xuất bản tin, bài trên hệ thống quản trị nội dung (CMS) với nền tảng là mạng Internet, quy trình tác nghiệp, sản xuất tin, bài của báo điện tử không mất nhiều thời gian chuẩn bị, lược bỏ được nhiều công đoạn,... Nội dung thông tin của báo điện tử không bị giới hạn

trong khuôn khổ cố định, cũng không bị quy định bởi tính định kỳ, thời gian phát hành, phát sóng, được lưu giữ dưới dạng tập dữ liệu trên đĩa từ nên có thể được bổ sung bất kỳ lúc nào. Theo Phó trưởng Ban Giáo dục Báo Dân trí (Phiếu PVS03, Phụ lục 2), lợi thế của báo điện tử là việc chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, sinh động, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian nên khi một sự kiện xảy ra, báo điện tử có thể đăng những thông tin đầu tiên, đơn giản, mang tính thông báo với công chúng, sau đó sẽ bổ sung những tình tiết mới, vấn đề mới, tạo nên tính cập nhật liên tục bất kỳ thời điểm nào.

Thứ hai, truyền thông về vấn đề tự chủ đại học hiện nay trên báo điện tử có hình thức sinh động, hấp dẫn, bố cục tin bài hài hoà, thu hút được công chúng. Về bản chất, thông tin đa phương tiện trên báo điện tử giải quyết 3 phương diện liên quan đến sự phát triển của tự chủ đại học: *Một là*, vấn đề tuyên truyền, quảng bá các chính sách về tự chủ đại học. Để đạt được hiệu quả trong công tác tuyên truyền, trước hết phải thu hút được sự quan tâm của công chúng, công chúng có truy cập và tiếp nhận thông tin của tờ báo thì mới có thể tuyên truyền được. *Hai là*, tác động đến tư duy và quá trình tác nghiệp của nhà báo: Khi tác nghiệp trong môi trường đa phương tiện, nhà báo phải có một tư duy tổng hợp về các cách thức mã hóa thông tin và phải khai thác thông tin đa chiều, từ nhiều góc độ. Chỉ có như vậy, tác phẩm của họ mới đủ chất lượng để thẩm thấu đa chiều, tác động mạnh hơn đến nhận thức, hành vi của công chúng. *Ba là*, tác động đến nhận thức, thái độ của công chúng qua hoạt động truyền thông: Lĩnh vực tự chủ đại học là chủ đề vốn ít được công chúng quan tâm, bởi chứa đựng nhiều thuật ngữ chuyên ngành khó hiểu, do đó, cần phải có thời gian và cách thức truyền tải gần gũi, hấp dẫn mới tạo được tình cảm và thái độ tiếp nhận tích cực của công chúng, không phải một sớm một chiều đã mang lại hiệu quả.

* **Nguyên nhân của thành công thứ hai:** Lợi thế của báo điện tử là xuất bản trên nền tảng mạng Internet và công nghệ đa phương tiện của

website. Hình thức thể hiện có sự kết hợp chặt chẽ, hài hoà các yếu tố chữ viết, âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đồ họa, bảng biểu, infographics... Độc giả không chỉ đọc nội dung thông tin bằng văn bản (text), mà còn có thể nghe một đoạn ghi âm, đoạn nhạc, xem một đoạn clip, một seri ảnh động hoặc tĩnh,... Báo điện tử tích hợp sức mạnh riêng của các phương tiện truyền thông đại chúng truyền thống, khắc phục được sự khô khan của những hình thức trình bày, trang trí cố định trên báo in, không buộc người tiếp nhận phải tưởng tượng ra diễn biến của sự kiện như phát thanh, cũng không biến khán giả trở lên thụ động trước những chương trình tuần tự như truyền hình. Năng lực truyền tải thông tin không hạn chế của báo điện tử như là một cuốn bách khoa mở, nơi chia sẻ mọi dữ liệu thông tin, kết nối mọi người bất kể thời gian và không gian. Các siêu liên kết tổ chức thông tin thành từng lớp, tạo mối quan hệ giữa thông tin mới nhất với các thông tin tham chiếu, bổ sung trong cùng một chủ đề. Siêu liên kết có mặt trong nhiều giao diện khác nhau trong một trang báo và nó không tồn tại độc lập, riêng lẻ mà thực sự đã trở thành kho tư liệu khổng lồ, nơi công chúng có thể dễ dàng tra cứu, tiếp nhận nhận một lượng thông tin đầy đủ, đa chiều về mọi vấn đề. Cũng nhờ siêu liên kết, người đọc còn có thể tra cứu những dữ liệu lịch sử trong kho lưu trữ của báo điện tử một cách nhanh chóng nhất mà không có thư viện nào, không một hình thức lưu trữ nào của các phương tiện truyền thông đại chúng truyền thống làm được. Bản thân những người làm báo về tự chủ đại học hiện nay cũng kết hợp rất tốt cả nội dung và hình thức bài viết sao cho thật hấp dẫn. Theo nhà báo Thanh Hùng chia sẻ: Là một phóng viên công tác tại một tờ báo điện tử thì ngoài nội dung muốn truyền tải đến bạn đọc, chúng tôi còn chịu sức ép về cách chuyển tải một vấn đề sao cho vừa nhanh, chính xác nhưng phải hấp dẫn để thu hút bạn đọc. Vấn đề tự chủ đại học nếu về lý thuyết và khái niệm chung thì là chủ đề so với các vấn đề thời sự giáo dục thì là một vấn đề khá khô cứng. Tuy nhiên, nếu đi vào chi tiết trong tự chủ đại

học có những vấn đề về tự chủ nguồn lực; tự chủ tuyển sinh; tự chủ trong các hoạt động học thuật và chương trình giáo dục như phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nội dung chương trình và giáo trình học liệu; tự chủ trong các vấn đề liên quan đến quản lý hành chính và tài chính, quản lý và sử dụng ngân sách, các nguồn tài chính của trường... thì đó là những vấn đề có thể khai thác, thậm chí là những đề tài “ăn khách”. Vấn đề tuyển sinh, tài chính, thu chi, chương trình,... của các trường là những câu chuyện, góc độ bản thân tôi tìm hiểu, khai thác, qua đó nêu lên những bất cập, thành tựu chung của vấn đề tự chủ đại học [Phụ lục 2, PVS01]

Thứ ba, vận dụng tính tương tác cao – ưu thế nổi bật của loại hình báo điện tử, các báo điện tử được khảo sát trong quá trình truyền thông về vấn đề tự chủ đại học hiện nay đã tạo ra một diễn đàn dân chủ, nơi công chúng có thể bày tỏ những hiểu biết, biểu hiện thái độ, tình cảm, chia sẻ tri thức và trình bày quan điểm của họ về các vấn đề khoa học và công nghệ hiện nay. Thông qua đó, công chúng có được một quá trình nhận thức toàn diện, từ việc được tiếp nhận thông tin, được trao đổi, bàn luận, được lắng nghe từ báo chí hoặc từ công chúng khác và rút ra nhận thức cho chính mình.

Với lợi thế được lập trình trên nền tảng công nghệ web, hầu hết các báo điện tử hiện nay đều thiết kế các mục bình luận cuối bài viết để độc giả quan tâm có thể gửi ý kiến phản hồi thông qua thao tác điền thông tin cá nhân, nội dung cần phản hồi trên giao thức được lập trình và thao tác gửi lên hệ thống. Một số báo điện tử như: Tuoitre.vn; Dantri.com.vn; Vietnamnet còn tạo diễn đàn chia sẻ ý kiến, thông tin, kinh nghiệm thông qua các bài viết hoặc tương tác giữa độc giả với nhau qua việc bấm like, comment hoặc trả lời comment trên mỗi phần bình luận của tin, bài.

Có thể thấy, tính tương tác cao trên báo điện tử, thể hiện sự chủ động của độc giả trong quá trình tiếp nhận thông tin, là một biểu hiện dân chủ

hóa đời sống thông tin của người dân, khi họ có thể ngay lập tức bày tỏ chính kiến đồng tình hay phản đối của mình với tác giả, với nội dung của bài viết, với đối tượng bài viết nhắm đến và trao đổi quan điểm giữa độc giả với nhau.

* **Nguyên nhân của thành công thứ ba:** Hơn bất kỳ một loại hình báo chí nào khác, báo điện tử có tính tương tác cao, thể hiện rõ tính đại chúng và thoả mãn được nhu cầu thông tin đa chiều của người đọc. Theo lý thuyết truyền thông, tương tác qua lại giữa công chúng và toà soạn qua kênh phản hồi là một yếu tố quan trọng thể hiện hiệu quả truyền thông, đồng thời tạo cơ sở để toà soạn điều chỉnh nội dung, hình thức thông tin. Ngoài phương thức gửi thư phản hồi về toà soạn qua email, độc giả giờ đây có thể thao tác gửi nội dung phản hồi qua form tạo sẵn ngay trên giao diện trang báo cũng như đăng ký thông tin để được nhận các tin, bài mới nhất khi vừa cập nhật trên báo. Đây là một phương thức lôi cuốn độc giả độc đáo chỉ có ở báo điện tử.

Báo điện tử còn có khả năng thành lập các diễn đàn thu hút lượng lớn độc giả. Các diễn đàn trên báo điện tử được tổ chức thường xuyên và được coi như một chuyên mục nơi toà soạn dành đăng ý kiến của người đọc về một vấn đề tự chủ đại học. Ở các diễn đàn này, độc giả có thể gửi thư điện tử tự do bày tỏ quan điểm, chính kiến, thái độ, phản ứng,... trước một sự kiện, vấn đề do toà soạn hoặc chính họ đặt ra. Diễn đàn không chỉ thu hút họ đến với cơ quan báo, mà còn tạo ra không khí tự nhiên, khách quan dân chủ để độc giả nhận thấy rằng tờ báo tôn trọng độc giả.

Khả năng tương tác cao của báo điện tử là biểu hiện sâu sắc của tính nhân dân mà báo chí Việt Nam đang hướng tới, hay khái niệm *nhà báo công dân* mà công chúng quen thuộc trong môi trường Internet. Đó là điều kiện khuyến khích, thu hút đông đảo công chúng tham gia cung cấp thông tin, xây dựng tác phẩm báo chí. Mặt khác, tính tương tác cũng là sợi dây liên kết chặt chẽ công chúng với tờ báo.

Thứ tư, báo điện tử đang dần tạo được dư luận xã hội ở một lĩnh vực truyền thông tự chủ đại học, định hướng dư luận xã hội về vấn đề tự chủ đại học thông qua một hệ thống tác phẩm có mục đích thông tin rõ ràng, có đường lối cụ thể.

Ví dụ: Loạt bài 4 kỳ “*Để đại học tự chủ toàn diện*” của báo Tuổi Trẻ đã định hướng sâu sắc dư luận về vấn đề này. Vai trò của cơ quan chủ quản đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập đã có sự chuyển đổi so với trước đây, trong đó vai trò chính là thực hiện quyền đại diện của sở hữu nhà nước trong các cơ sở giáo dục đại học này. Như vậy, việc dần xóa bỏ “*cơ chế bộ chủ quản*” hiện nay đã được Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã được giải quyết cơ bản.

Những nội dung còn lại chủ yếu phải được giải quyết ở các quy định khác như: Quy định về chế độ công chức, viên chức nhà nước và cơ chế bổ nhiệm cán bộ; cơ chế cấp ngân sách nhà nước thông qua cơ quan chủ quản; cơ chế sở hữu nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công... Những quy định nêu trên hiện cũng đang có kế hoạch sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nghị quyết 19/NQ-TU năm 2017 về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đồng bộ với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Như vậy, vấn đề dần xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản không phải là có thách thức gì xuất hiện, có trở ngại gì buộc phải chậm lại hay được - mất gì, mà là cần thời gian để xây dựng hệ thống chính sách pháp luật đồng bộ, đồng thời cần chuẩn bị các điều kiện cần thiết như cơ sở dữ liệu quản lý chất lượng, kiểm định chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, quản trị của toàn hệ thống để đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học ngày càng toàn diện.

Tuy nhiên, chủ trương dần xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản đối với các trường phải thực hiện đồng thời với chủ trương “bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự

quản lý của Nhà nước, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập" như quan điểm đã chỉ rõ tại nghị quyết 19 của trung ương.

* ***Nguyên nhân của thành công thứ tư:*** Trong lĩnh vực truyền thông về vấn đề tự chủ đại học, báo điện tử tạo được dư luận xã hội không chỉ xuất phát từ tính chất, nội dung vấn đề thông tin, mà còn có sự hỗ trợ đắc lực từ các loại hình truyền thông khác, đặc biệt là mạng xã hội.

Sự phát triển của các công cụ truyền thông cá nhân trên mạng Internet đã cho phép công chúng tự do sản xuất và quảng bá nội dung, do vậy lượng thông tin do các “*nhà báo công dân*” này cung cấp được lan truyền một cách nhanh chóng và rộng khắp. Ở góc độ chủ quan, vẫn còn có hiện tượng, có thời điểm một số trang báo điện tử chạy theo xu hướng “*câu view*” nên rút tít giật gân, đưa những thông tin “*lá cải*” nhằm thu hút lượng truy cập.

Tuy nhiên, đối với những cơ quan báo điện tử hàng đầu như 4 tờ báo mà tác giả tiến hành khảo sát vẫn giữ được vai trò thông tin chính thống và có tính định hướng cho công chúng trong quá trình tiếp nhận thông tin. Thực tế, cũng có những thời điểm các báo này chạy theo thông tin giật gân, câu khách thì hiện nay đã điều chỉnh, chú trọng đến chất lượng và độ chính xác của thông tin nhiều hơn. Theo nhà báo Phó trưởng Ban Giáo dục điện tử báo Giáo dục & Thời đại: Tôi luôn chỉ đạo phóng viên phải bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước liên quan tới Tự chủ đại học. Bên cạnh đó, phóng viên phải thực sự là người am hiểu về vấn đề này và có kỹ năng làm báo chuyên nghiệp đồng thời phải có lòng say mê nghề nghiệp, thường xuyên bám sát thực tiễn để phản ánh chính sách được đầy đủ, sinh động nhất [Phụ lục 2, PVS02].

Hạn chế và nguyên nhân hạn chế của báo điện tử trong truyền thông về vấn đề tự chủ đại học

Xét từ góc độ truyền thông về vấn đề tự chủ đại học, báo điện tử còn có một số hạn chế. Phó trưởng Ban Giáo dục, BáoDantri.com.vn (Phiếu PVS 03 – Phụ lục 2) cho rằng, chính ưu thế nhanh nhạy, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian cũng có thể gây ra những hệ lụy khó lường nếu như không được kiểm duyệt chặt chẽ trước khi đăng tin, bài. Ở góc nhìn khác, Phó ban Phụ trách Ban Giáo dục điện tử, Báo Giáo dục & Thời đại (Phiếu PVS 02 – Phụ lục 2) cho rằng, hiện chưa có tờ báo điện tử nào hình thành các chuyên mục hoặc nhân lực chuyên trách bám sát vấn đề tự chủ đại học, do vậy chưa tạo ra hiệu quả thực sự đủ lớn để góp phần khắc phục những hạn chế trong chính sách tự chủ đại học.

Qua quá trình khảo sát, tác giả nhận thấy: Xét ở góc độ vấn đề tự chủ đại học, báo điện tử còn có một số hạn chế sau:

* **Về số lượng:** Mức độ thông điệp truyền thông về tự chủ đại học còn ít, số lượng tin, bài trên các báo điện tử chưa nhiều, chưa đa dạng. Các báo điện tử đều thiết kế chuyên mục giáo dục nổi bật trên menu trang chủ, trong các chuyên mục này lại chia nhỏ thành các tiểu mục thông tin theo chủ đề khác nhau, tuy nhiên, chuyên mục riêng cho tự chủ đại học lại không có. Theo khảo sát của tác giả trên 04 báo điện tử, số lượng tin, bài trong các tiểu mục này cũng có sự chênh lệch lớn. Ví dụ, chuyên mục Giáo dục trên Vietnamnet có các tiểu mục gồm: Người Thầy, Tuyển sinh, Du học, Gương mặt trẻ, Khoa học... với tỉ lệ tin bài lên tới 67% trong khi ở các báo khác chưa thiết kế các tiểu mục trong chuyên mục này. Ngoài ra, lượng thông tin về tự chủ đại học trên báo điện tử so với các chuyên mục khác cũng có sự chênh lệch. Đặc biệt, lượng thông tin về tự chủ đại học trong những vấn đề về bất cập hay cơ hội thành công chiếm tỷ lệ rất ít so với thông tin về chính sách tự chủ.

Khảo sát ý kiến công chúng cho thấy, có đến 30,2% người cho rằng, thông tin tự chủ đại học trên báo điện tử còn ít. Đây là thực trạng mà các báo

điện tử cần chú trọng quan tâm hơn để tăng cường số lượng tin, bài về thông tin tự chủ đại học.

* *Về nội dung, hình thức thể hiện:* Nội dung truyền thông về tự chủ đại học vẫn còn khô cứng, giao diện các chuyên trang, chuyên mục giáo dục trên các báo đơn điệu. Một số bài diễn đạt và giải thích các thông tin về tự chủ đại học chưa rõ ràng, gây ra sự khó hiểu, khó tiếp nhận cho độc giả.

Theo kết quả khảo sát ý kiến công chúng với nội dung câu hỏi “*Theo Ông/Bà, hình thức truyền thông tự chủ giáo dục trên báo điện tử như thế nào?* – Phương án trả lời là: *Sinh động, hấp dẫn; Bình thường; Đơn điệu, chưa hấp dẫn; Ý kiến khác.* Với câu hỏi này, có 43,2% độc giả nhận định là bình thường, chỉ có 17,7% số người được hỏi cho rằng sinh động, hấp dẫn. Đáng chú ý, 36,5% người đánh giá thông tin khoa học công nghệ còn đơn điệu, chưa hấp dẫn người đọc.

Hiện nay, một số báo đã có cách thức diễn đạt và trình bày thông tin dưới các dạng thức mới như video, ảnh động, infographic, videographic,... để mang lại sự mới lạ, thu hút độc giả quan tâm và truy cập, tiêu biểu như: báo điện tử Vietnamnet (đã sử dụng các videographich, infographich trong các thông tin về giáo dục), Tuổi trẻ, Dân trí sử dụng nhiều tin bài video.

Nội dung thông tin về tự chủ giáo dục với những kinh nghiệm nước ngoài còn hạn chế, chưa nhiều, trong khi các thông tin trong nước chiếm tỷ lệ lớn, khó cho độc giả trong tham khảo kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nhiều thông tin dường như không thuộc chủ đề giáo dục nhưng lại được đặt vào các chuyên mục giáo dục (ví dụ các tin tức về chính trị, xã hội)

Điểm đáng chú ý, các báo chưa có được các tuyến bài chuyên sâu để tập trung truyền thông, ví dụ như việc tạo các module *Dòng thông tin sự kiện* hoặc *Tiêu điểm* đối với lĩnh vực tự chủ đại học chẳng hạn. Năng lực thông tin phản biện về tự chủ đại học trên các báo điện tử còn hạn chế, số lượng thông

tin phản biện ít. Không hẳn lĩnh vực tự chủ đại học không có các sự kiện hoặc các vấn đề có mức độ ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Thực tế, nhiều bài viết nhận được sự quan tâm của đông đảo công chúng và dư luận xã hội như: Vấn đề ngân sách, tài chính trong tự chủ; cơ chế tuyển sinh khi tự chủ... Những sự kiện này khi tập trung thông tin theo tuyến bài sẽ thu hút được độc giả và tạo được dư luận xã hội.

* **Nguyên nhân hạn chế:** Khó có thể tìm một nguyên nhân toàn diện để lý giải về hiện tượng xa rời tôn chỉ mục đích, thông tin lệch lạc trục lợi. Song, nếu xem xét từ góc độ báo chí và quy chiếu vào hoạt động thông tin của báo điện tử, có thể nhận thấy rằng, công tác quản lý nhà nước về hoạt động báo chí nói chung vấn đề này còn bất cập, lỏng lẻo, chế tài quản lý chưa thực sự đủ mạnh. Đối với toà soạn báo điện tử, chính sách thông tin thiếu định hướng, chạy theo thị hiếu, thị trường của lãnh đạo toà soạn. Đối với nhà báo, quá trình tác nghiệp còn non yếu, không vượt qua được cám dỗ, lợi ích cá nhân dẫn đến việc có những tác phẩm báo chí kém chất lượng. Thực tế, có nhà báo không đến cơ sở để tìm hiểu viết bài, chỉ gọi điện thoại để được cung cấp thông tin; hoặc có phóng viên đến cơ sở giáo dục đại học tìm hiểu về bất cập trong tự chủ nhân sự, nhưng khi viết bài đã không nói lên sự thật chỉ vì đã chót nhận quà của cơ sở đó... Theo Phó trưởng Ban Giáo dục Báo điện tử Dân trí: “Công tác thông tin không phải một sớm một chiều đã mang lại hiệu quả, mà cần phải có thời gian và cách thức truyền tải gần gũi, hấp dẫn mới tạo được tình cảm và thái độ tiếp nhận tích cực của công chúng. Do vậy, cách viết tin bài của phóng viên về tự chủ đại học cần phải có kế hoạch, lộ trình và phương thức truyền thông một cách bài bản, khoa học. Tuy nhiên theo đánh giá chủ quan của tôi, nhiều phóng viên hiện nay chưa có cách tiếp cận vấn đề thực sự tốt, họ còn có xu hướng viết bài một cách rời rạc, cảm quan, không có lộ trình, kế hoạch cụ thể. Do vậy hiệu quả chưa được cao” [Phụ lục 2, PVS03].

Phóng viên báo Tuoitre.vn thì cho rằng, báo điện tử cũng còn nhiều hạn chế trong tuyên truyền về tự chủ đại học như: Ai cũng có thể làm báo mạng đó vừa là ưu điểm nhưng cũng là nhược điểm trong việc quản lí thông tin. Không ít các bài viết kém chất lượng, các bài viết đưa những thông tin sai lệch, gây hoang mang dư luận đã được đăng tải mà không có sự kiểm duyệt của cơ quan, nhà nước nào. Ngoài ra còn có hiện tượng copy bài từ báo này sang báo khác mà không trích rõ nguồn.

Đối tượng tiếp cận báo điện tử chủ yếu là những người trẻ những người nắm bắt và tiếp thu sản phẩm công nghệ một cách nhanh chóng hoặc là những người có điều kiện tiếp cận với internet. Điều này rất hạn chế đối với đối tượng thanh niên vùng sâu vùng xa, những nơi chưa có mạng internet hoặc những người không biết sử dụng mạng. Lúc này, báo phát thanh bộc lộ rõ những ưu việt của mình hơn báo điện tử [Phụ lục 2, PVS04].

Trong thời đại bùng nổ thông tin, với sự phát triển nhanh chóng của mạng internet và mạng xã hội, công chúng ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận với thông tin đến từ nhiều nguồn, nhiều kênh khác nhau. Giả sử, coi tổng thể nội dung thông tin trên báo điện tử là những món ăn trên một “bàn tiệc thông tin” và người “dự tiệc” là độc giả, hiển nhiên, độc giả sẽ lựa chọn các món ngon, lạ, hấp dẫn. Truyền thông về tự chủ đại học có thể nằm trong các “món” còn lại ít được sử dụng trên bàn tiệc thông tin ấy. Bản chất thông tin tự chủ đại học ít có khả năng xây dựng thành chủ đề nóng hổi để thu hút công chúng; nội dung thông tin với nhiều thuật ngữ chuyên ngành khô khan, khó hiểu, khó tiếp nhận... là những “rào cản” khiến cho thông tin về tự chủ đại học ít được quan tâm. Trực tiếp tham gia viết tin, bài về tự chủ đại học, phóng viên báo Vietnamnet.vn chia sẻ: Tự chủ đại học là chủ đề khô cứng và cũng “kén” độc giả; trong khi đó báo điện tử chịu sức ép về bạn đọc, về lượng view... Điều này ít nhiều cũng tác động đến cách viết, cách làm, cách đăng tin, bài của phóng viên nói riêng và tòa soạn nói chung [Phụ lục 2, PVS02].

Bên cạnh đó, theo một số phóng viên của báo Giáo dục thời đại, báo điện tử Dân trí, Vietnam.net chia sẻ, những bài viết về chính sách nói chung, chính sách tự chủ đại học nói riêng thường ít được phóng viên lựa chọn theo đuổi, bởi các tòa soạn chưa tạo ra được cơ chế đãi ngộ, động viên về mặt vật chất, lương thưởng cho mảng nội dung này. So với các lĩnh vực khác như: Tài chính, bất động sản hoặc lĩnh vực về ngành Công thương... thì chỉ số ít phóng viên thực sự đam mê mới có thể trụ lại với những tuyến bài khó thực hiện và rất kén độc giả như vấn đề tự chủ đại học. Đây là hạn chế lớn cho thấy, các tờ báo muốn đầu tư phát triển truyền thông về tự chủ đại học cần tạo ra các cơ chế tài chính, khuyến khích động viên phóng viên một cách phù hợp hơn.

Tiểu kết chương 2

Qua khảo sát thực trạng trong chương 2, có thể thấy báo điện tử đã chuyển tải một cách nhanh chóng và sinh động mọi diễn biến, những vấn đề mới nảy sinh của vấn đề tự chủ đại học, những thông tin, thành tựu trong tự chủ đến với công chúng. Với khả năng sản xuất và xuất bản thông tin nhanh chóng, mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt thời gian và không gian, báo điện tử có thể chuyển tải mọi thông tin của hoạt động tự chủ đại học sắp, đang, vừa diễn ra. Truyền thông về vấn đề tự chủ đại học hiện nay trên báo điện tử có hình thức tương đối sinh động, hấp dẫn, bố cục tin bài hài hoà, thu hút được công chúng. Bên cạnh đó, vận dụng tính tương tác cao – ưu thế nổi bật của loại hình báo điện tử, các báo điện tử khảo sát trong quá trình truyền thông về vấn đề tự chủ đại học hiện nay đã tạo ra một diễn đàn dân chủ, nơi công chúng có thể bày tỏ những hiểu biết, biểu hiện thái độ, tình cảm, chia sẻ tri thức và trình bày quan điểm của họ về các vấn đề khoa học và công nghệ hiện nay.

Tuy nhiên, truyền thông về tự chủ đại học chưa thực sự hấp dẫn, lôi cuốn; giao diện các chuyên trang, chuyên mục giáo dục trên các báo đơn điệu, cách thức trình bày thông tin chưa lôi cuốn. Một số bài viết diễn đạt và giải thích các thông tin về tự chủ đại học chưa rõ ràng, gây ra sự khó hiểu, khó tiếp nhận cho độc giả. Nội dung thông tin tự chủ giáo dục với những kinh nghiệm nước ngoài còn hạn chế, chưa nhiều, trong khi các thông tin trong nước chiếm tỷ lệ lớn, khó cho độc giả trong tham khảo kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nhiều thông tin dường như không thuộc chủ đề giáo dục nhưng lại được đặt vào các chuyên mục giáo dục...

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG TRUYỀN THÔNG
VỀ TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ
TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Phương hướng truyền thông về tự chủ đại học

3.1.1. Truyền thông nhất quán quan điểm của Đảng, Nhà nước về tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) đã đề ra mục tiêu đối với Giáo dục đại học: Tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học; Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; Đa dạng hóa các loại hình cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề. Nhiệm vụ chính của Giáo dục đại học trong thời gian tới là: Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; Thống nhất tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra; Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng; Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục đại học; Tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với Giáo dục đại học; Đổi mới căn bản công tác quản lý Giáo dục đại học, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở Giáo dục đại học; coi trọng quản lý chất lượng.

Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã chỉ rõ mục tiêu “*Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý,*

có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Giảm mạnh tỉ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công”.

Do vậy, cần thiết phải đổi mới hệ thống quản lý giáo dục đại học, với những nhiệm vụ chính là: Mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả của tự chủ giáo dục đại học trên các phương diện: hoạt động chuyên môn, tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học phù hợp với điều kiện tự chủ đại học, trên cơ sở sắp xếp lại hệ thống các cơ sở giáo dục đại học, hoàn thiện cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học; Nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở giáo dục đại học; Đổi mới quản lý đào tạo để đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiệm cận với các chuẩn quốc tế...

Các cơ quan báo chí cần bám sát các quan điểm trên để có kế hoạch truyền thông một cách nhất quán để nâng cao chất lượng truyền thông về tự chủ đại học một cách cao nhất.

3.1.2. Truyền thông nhấn mạnh vào các vấn đề trọng tâm của tự chủ đại học

Độc giả ngày nay không có thời gian và đủ kiên nhẫn để đọc những thông tin không cần thiết, không giá trị. Vấn đề tự chủ đại học vốn dĩ khô khan, nặng về thuật ngữ chuyên môn, do vậy, thông điệp truyền thông cần đi thẳng vào những vấn đề trọng tâm, không lan man, góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra hiện nay. Cụ thể:

Thứ nhất, truyền thông về mở rộng quyền tự chủ gắn liền với tự chịu trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học.

Trong xã hội bùng nổ thông tin, chịu sự chi phối sâu sắc của quá trình toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức, nhu cầu học tập của xã hội ngày càng cao là xu hướng tất yếu. Các cơ sở giáo dục nói chung, cơ sở giáo dục đại học nói riêng cần được giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, nhằm huy động nguồn lực toàn xã hội vào việc xây dựng xã hội học tập để phát triển đất nước. Tự chủ đại học được thực hiện đồng nghĩa với việc giám sát của xã hội đối với chất lượng đại học sẽ được tăng lên, là bước đột phá cần thiết, là biện pháp để tháo gỡ khó khăn nhằm phát triển mạnh mẽ giáo dục đại học Việt Nam. Quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học được xem là quyền tự quyết trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ giáo dục có tính định hướng của Nhà nước. Như vậy, tự chủ và tự chịu trách nhiệm có mối quan hệ mật thiết, là thuộc tính cơ bản của cơ sở giáo dục đại học công lập và xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Trách nhiệm giải trình cần được thể hiện trong tất cả các nội dung: thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện tổ chức biên chế và thực hiện vấn đề tài chính. Một điều quan trọng nữa, trách nhiệm giải trình với nhà nước với xã hội và tất cả các chủ thể liên quan chú không riêng một chủ thể nào trong quá trình quản lý hoạt động tại các cơ sở giáo dục đại học công lập. Thấy được tầm quan trọng này, báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục, đào tạo”*. Đây là một trong những quan điểm mới mang tính đột phá trong tư duy của Đảng ta về quản lý giáo dục và đào tạo mà các tờ báo điện tử cần tập trung truyền thông.

Thứ hai, truyền thông về quyền tự chủ phải gắn với với kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Việc thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học công lập là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta. Việc đẩy mạnh cơ chế tự chủ tại các trường Đại học, cao đẳng hướng đến hội nhập quốc tế, để từng bước đưa giáo dục nước ta đi lên và tự chủ chính là cánh cửa quan trọng để các trường thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, cũng cần chú ý khi giao quyền tự chủ cần xem xét quy mô, chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học công lập được giao quyền tự chủ. Kiểm định chất lượng được chính là căn cứ quan trọng để xác định vị thế và uy tín của cơ sở giáo dục đại học công lập, từ đó, các cơ sở giáo dục đại học giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của mình. Khi tự chủ đại học ngày càng lớn, một trong những việc quan trọng là đẩy mạnh kiểm định chất lượng, bởi đi cùng với tăng cường tự chủ là tăng cường giám sát, giải trình với xã hội, quản lý nhà nước theo mô hình mới, đó là quản lý chất lượng thông qua hoạt động kiểm định. Quyền tự chủ nhiều hay ít là do chính năng lực của đơn vị ấy, được chỉ ra thông qua kiểm định chất lượng. Các trường đại học phải dần coi kiểm định là nhu cầu tự thân, một phần trong hoạt động. Như vậy, kiểm định chất lượng được xem là nội dung bắt buộc nếu như các trường muốn được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và kết quả kiểm định càng cao thì tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập càng nhiều. Tự chủ và tự chịu trách nhiệm sẽ đồng kéo theo đẩy mạnh công tác đánh giá ngoài của các cơ sở giáo dục đại học. Do vậy, các tờ báo điện tử cần tập trung đẩy mạnh truyền thông về quyền tự chủ gắn với với kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Thứ ba, truyền thông về các giải pháp thực hiện phải đảm bảo tính cấu trúc – hệ thống trong tự chủ đại học.

Để tăng cường chất lượng truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử, cần tập trung truyền thông về các giải pháp đảm bảo tính cấu trúc- hệ thống như:

Các giải pháp đưa ra được chia thành tám nhóm giải pháp lớn. Các nhóm này là đại diện cho các nội dung quản lý thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập hiện nay: nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong đào tạo; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong tài chính; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong nghiên cứu khoa học; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong hợp tác quốc tế; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong cấp, phát văn bằng, chứng chỉ; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong tổ chức, nhân sự; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong thanh tra, kiểm tra; nhóm giải pháp thực hiện tự chủ đại học trong tuyển sinh.

Các giải pháp trong từng nhóm giải pháp được sắp xếp theo một trật tự nhất định. Trong từng giải pháp đều thể hiện cấu trúc thống nhất về mục đích, nội dung thực hiện, yêu cầu khi thực hiện giải pháp. Báo điện tử nhất thiết phải nắm vững nội dung những giải pháp này để vạch ra kế hoạch truyền thông cho phù hợp.

3.2. Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử thời gian tới

3.2.1. Đối với các đơn vị báo điện tử

Theo Quy hoạch báo chí đến năm 2025, báo điện tử được coi là *kênh truyền thông chủ lực* của các đơn vị truyền thông. Như vậy, vai trò quan trọng, mục tiêu và tầm nhìn của báo điện tử đã được định hình trong hoạt động báo chí truyền thông. Để nâng cao chất lượng truyền thông về tự chủ đại học, tác giả luận văn đề xuất giải pháp sau:

- Bám sát chủ trương chính sách của Đảng về chính sách phát triển tự chủ đại học để có định hướng thông tin phù hợp, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong kế hoạch hoạt động của toà soạn;

- Các toà soạn báo điện tử nên nghiên cứu và phát triển quy trình quản trị nguồn thông tin về tự chủ đại học, cụ thể:

+ Xây dựng quy trình chuẩn tại các toà soạn báo điện tử theo 4 chức năng: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm soát;

+ Tăng cường kiểm chứng, sử dụng thông tin và quan điểm từ công chúng báo điện tử, góp phần nâng cao năng lực tự nhận thức tri thức khoa học và trách nhiệm xã hội của công chúng;

+ Xây dựng các quy chế thông tin với các tiêu chí cụ thể, trong đó quy định rõ thông tin nào được sử dụng, thông tin nào phải loại bỏ, tránh tình trạng các thông tin không đúng chủ đề, không thuộc chuyên ngành nhưng vẫn đăng đăng tải trong chuyên mục. Đặc biệt, các thông tin về tự chủ đại học đòi hỏi phải có kiểm chứng, độ chính xác cao, nên khi đăng tải thông tin liên quan đến các công bố, kết luận nghiên cứu khoa học cần hết sức cẩn trọng, có sự kiểm duyệt chặt chẽ, tránh gây hoang mang dư luận;

+ Tăng cường dung lượng thông tin về tự chủ đại học, đặc biệt là thông tin về kinh nghiệm quốc tế chú trọng các thông tin chuyên sâu, có tính phân tích, bình luận, đánh giá và đưa ra các giải pháp phát triển; tăng số lượng các bài viết về các cơ sở đại học tiêu biểu, sự thành công trong tự chủ đại học nhằm kịp thời tôn vinh và khuyến khích các nhà trường đổi mới.

- Đổi mới nội dung và hình thức thông tin về tự chủ đại học:

+ Về hình thức: Trước tình hình cạnh tranh thông tin, các báo thường hay đăng tải thông tin theo dạng tin ngắn. Tuy nhiên, để thông tin đến với công chúng được sâu sắc và toàn diện hơn, các báo cũng cần chú ý tăng cường các bài mang tính phân tích, tổng hợp, bình luận. Bên cạnh đó, sử dụng khả năng tích hợp của báo mạng điện tử, các báo cũng nên chú ý phát triển các định dạng bài như: Timeline (dòng sự kiện), Video, Slideshow (trình chiếu chòm ảnh), Infographic (hình đồ họa), Videographic (đồ họa bằng video có hình, có lời),... để các tác phẩm báo chí thực sự là các sản phẩm sinh động, hấp dẫn, giúp người đọc dễ xem, dễ đọc và dễ nhớ. Bên cạnh đó, cần tăng cường các dạng tin, bài đa phương tiện, thiết kế giao diện chuyên trang/chuyên mục về tự chủ đại học lôi cuốn, bắt mắt; chú trọng điểm nhấn truyền thông về tự chủ đại học chuyên sâu trên trang như: Dòng sự kiện, Tiêu điểm... hình thành các chuyên mục giáo dục đại học thường thức hướng đến

các đối tượng tiếp nhận khác nhau, như: Hỏi đáp, Xây dựng chính sách, đóng góp ý kiến...

Bên cạnh đó, khi viết về tự chủ đại học trên báo mạng điện tử, các tờ báo cũng cần chú ý tới việc tăng cường tính nhanh nhạy và sự cạnh tranh thông tin. Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội đã đặt báo chí trong thế cạnh tranh khá gay gắt. Các luồng thông tin được cập nhật rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều nội dung thông tích cực, có lợi cho sự phát triển của đất nước, nhưng cũng có nhiều thông tin tiêu cực, bất lợi cho đất nước. Bởi vậy, trước bối cảnh đó, báo chí cần phải làm như thế nào để vừa đảm bảo được tính nhanh nhạy, vừa đảm bảo được yếu tố cạnh tranh thông tin, nhưng lại vừa thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Thực tế này đã đặt ra yêu cầu đối với người làm công tác thông tin tự chủ đại học cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ tốt, luôn tỉnh táo để phân biệt được bản chất của sự việc. Có nhiều thông tin phản ánh sự thật, nhưng thực chất đó chỉ là sự thật được bao bọc bởi cái vỏ bề ngoài, còn bên trong thì chức đựng nội dung giả dối, xuyên tạc, nhằm chống phá Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, trong bối cảnh bùng nổ của cuộc cách mạng thông tin và xu thế cạnh tranh thông tin đang ngày càng gay gắt như hiện nay, đội ngũ phóng viên, biên tập viên cần tạo cho mình tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiện đại. Tính nhanh nhạy của thông tin được cập nhật trên báo chí như thế nào, phản ánh sự năng động, nhanh nhẹn của đội ngũ sản xuất ra thông tin ấy như thế đó. Và để nâng cao tính nhanh nhạy cũng như tính cạnh tranh của thông tin, ngoài các tiêu chí nhanh, đúng định hướng, thì thông tin tự chủ đại học cũng cần được cải tiến theo hướng như sau:

Tin bài cần đảm bảo chuyển tải được đầy đủ thông điệp chính của nội dung thông tin tới độc giả. Người viết cần nắm được nhu cầu thông tin của bạn đọc, theo dõi liên tục sự kiện tự chủ đại học để đưa tin bám sự kiện, tránh dùng từ ngữ chung chung, mơ hồ không rõ nghĩa. Phân chia tin bài thành các

đoạn ngắn, rõ ràng. Việc phân đoạn hợp lý theo các ý chính sẽ giúp người đọc dễ tiếp nhận thông tin và dễ nhớ về thông tin đó.

Tít, sapo nên ngắn gọn, hấp dẫn đảm bảo thu hút sự chú ý của độc giả, nhưng không theo hướng giật gân, câu khách, chạy theo mục đích thương mại của một số tờ báo lá cải. Chú ý sử dụng những cấu trúc câu ngắn gọn, dễ hiểu. Ngoài ra cũng nên sử dụng hình thức câu chủ động, hạn chế tối đa việc sử dụng câu bị động theo cấu trúc câu của tiếng nước ngoài. Trong quá trình biên dịch, cũng không nên liên tiếp sử dụng những câu theo cùng một cấu trúc, độ dài vì như vậy sẽ dễ gây ra sự nhàm chán cho độc giả. Ngôn ngữ cũng nên được đơn giản hóa, để người đọc là công chúng thuộc nhiều tầng lớp có thể hiểu được dễ dàng nhất mà không bị mất đi nghĩa gốc của từ, của câu đó.

Bản thân mỗi tờ báo cũng có thể đề ra những tiêu chí để lựa chọn, đăng tải thông tin sao cho phù hợp và thu hút độc giả của mình. Chẳng hạn, các tiêu chí để lựa chọn thông tin của báo giáo dục thời đại chính là những tiêu chí đánh giá tin tức: Đó phải là những thông tin có tác động đến nhiều người; liên quan đến nhân cách nổi tiếng; có yếu tố lạ,....

+ *Về nội dung*: Mở rộng hình thức trao đổi, bình luận, phản biện về tự chủ đại học, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến phát triển về tự chủ đại học; hình thành các diễn đàn giáo dục cho các đối tượng quan tâm bàn tới chính sách về tự chủ đại học, nhằm thu hút đa dạng các đối tượng quan tâm đến tự chủ đại học. Đặc biệt, để tránh tình trạng thiên lệch trong việc lựa chọn và đưa tin, đồng thời nhằm tăng sức cạnh tranh với các cơ quan báo chí khác, nội dung thông tin về tự chủ đại học trên các tờ báo khảo sát cần bao quát được những vấn đề lớn xảy ra trên cả nước Cụ thể:

Thứ nhất, đội ngũ quản lý của mỗi tờ báo cần có sự phân công cụ thể, phù hợp với yêu cầu của công việc, khả năng, trình độ của phóng viên. Làm được điều này sẽ tận dụng được lợi thế, hạn chế nhược điểm của từng phóng viên, biên tập viên, đồng thời tạo điều kiện cho họ cảm thấy thoải mái trong

công việc và thể hiện được năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo trong công việc. Đồng thời có thể tránh bỏ sót sự kiện. Do vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tinh thông cả hai lĩnh vực: Nghiệp vụ báo chí và nghiệp vụ giáo dục. Đặc biệt, các báo cần có phóng viên chuyên trách về lĩnh vực giáo dục đại học, thay vì các phóng viên kiêm nhiệm; có đãi ngộ hợp lý để khuyến khích đội ngũ phóng viên, biên tập viên không ngừng học hỏi, vận dụng những tri thức khoa học nền tảng, những tổng kết sâu sắc của các chuyên gia trong lĩnh vực này, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về tự chủ đại học. Thông tin về tự chủ đại học cần phải đúng định hướng, phù hợp với đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bởi nếu không đảm bảo được điều này, thông tin đó có thể gây hoang mang trong dư luận xã hội. Hậu quả là thông tin đó sẽ bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống lại Đảng và Nhà nước ta. Khi đưa tin về tự chủ đại học, nếu không tinh táo, phóng viên - biên tập viên rất dễ bị sa đà vào việc tuyên truyền những chính sách, quan điểm không phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước. Và như vậy, vô hình chung chúng ta đã công khai thừa nhận các quan điểm, chính sách này.

Phó Ban phụ trách Ban Giáo dục Điện tử, Báo Giáo dục & Thời đại (Phiếu PVS 02 – Phụ lục 2) cho rằng, thời gian tới báo điện tử cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tinh thông cả hai lĩnh vực: Nghiệp vụ báo chí và nghiệp vụ giáo dục. Các báo cần có phóng viên chuyên trách về lĩnh vực giáo dục đại học, thay vì các phóng viên kiêm nhiệm. Khuyến khích đội ngũ phóng viên, biên tập viên chuyên trách về tự chủ đại học không ngừng học hỏi, vận dụng những tri thức khoa học nền tảng, những tổng kết sâu sắc của các chuyên gia trong lĩnh vực này. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên phụ trách chuyên mục giáo dục của báo được đào tạo định kỳ theo kế hoạch hàng năm của tòa soạn, thông qua các hội thảo, hội nghị, tập huấn chuyên đề. Nội dung đào tạo gồm kỹ năng nghiệp vụ báo chí, phương

thức tác nghiệp và các kiến thức về lĩnh vực thông tin mà phóng viên phụ trách. Ngoài ra, tòa soạn cần tạo điều kiện và có cơ chế thỏa đáng để khuyến khích đội ngũ nhà báo chuyên trách tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kiến thức chuyên ngành mình phụ trách.

Thứ hai: Vận dụng các tiện ích và ưu thế của công nghệ web và Internet, như: đa phương tiện, tương tác cao,... nhằm tạo thông tin về tự chủ đại học sinh động, đa dạng, minh bạch và hấp dẫn hơn. Theo đánh giá của Phó Ban biên tập Báo Giáo dục & Thời đại, hiện nay các báo điện tử chưa chú trọng khai thác lợi thế này trong thông tin, không chỉ với lĩnh vực giáo dục, mà ở cả các lĩnh vực khác. Nguyên nhân, do đặc thù sản xuất nội dung thông tin này không đơn giản, phải tốn thêm nhân lực, chi phí và hạ tầng công nghệ đáp ứng tốt.

Để nâng cao chất lượng tin, bài về tự chủ đại học, Phó ban Giáo dục, Báo Dantri.com.vn (Phiếu PVS 03 –Phụ lục 2) đề xuất: Trong thời gian tới, các báo điện tử cần tăng cường các dạng tin, bài đa phương tiện, thiết kế giao diện chuyên trang/chuyên mục về tự chủ đại học lôi cuốn, bắt mắt, chú trọng điểm nhấn truyền thông về tự chủ đại học chuyên sâu trên trang báo như: Dòng sự kiện, Tiêu điểm... Ngoài ra, có thể tổ chức thành các chuyên mục giáo dục đại học thường thức như: Hỏi đáp, xây dựng chính sách, đóng góp ý kiến... nhằm hướng đến các đối tượng tiếp cận khác nhau.

Thứ ba: Xây dựng mạng lưới cộng tác viên là những nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu tại các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời có cơ chế nhuận bút thỏa đáng cho đội ngũ này. Đây là những người trực tiếp làm việc tại cơ sở nên nắm bắt và chuyển tải các thông tin, dữ liệu truyền thông chính sách về tự chủ đại học một cách nhanh chóng, kịp thời cho nhà báo; hỗ trợ nhà báo trong việc giải thích các thuật ngữ chuyên ngành, giúp cho quá trình sản xuất, biên tập thông tin về tự chủ đại học một cách chính xác, đầy đủ.

3.2.2. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Có thể nói, bên cạnh ưu điểm và thành tựu, hoạt động báo chí ở nước ta còn bộc lộ không ít non kém, khuyết điểm. Một số cơ quan báo chí thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích; thông tin không trung thực, thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực và tệ nạn xã hội, ít tuyên truyền các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước; khuynh hướng tư nhân hóa, thương mại hóa báo chí, tư nhân núp bóng để ra báo, kinh doanh báo chí ngày càng tăng. Một số báo ngành, đoàn thể, địa phương đã vượt ra khỏi phạm vi tôn chỉ, mục đích để trở thành (hoặc muốn trở thành) một tờ báo chính trị - xã hội của cả nước. Điều này dẫn tới việc các báo ít nhiều sao nhãng nhiệm vụ chính của mình; đề cập quá nhiều các vấn đề của các ngành, đoàn thể, địa phương khác; nội dung thông tin trên báo chí thường giống nhau, bắt chước hoặc sao chép nhau, nhất là khi có các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, các vụ án, các vụ việc giật gân, câu khách. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với báo chí càng được đặt ra một cách cấp thiết. Cần thống nhất nhận thức rằng, Đảng lãnh đạo báo chí là đề ra chủ trương, chính sách về tự chủ đại học trên báo chí nói chung, báo điện tử nói riêng.

Đặc biệt, nhằm khắc phục những tồn tại nêu trên, trong thời gian tới công tác quản lý nhà nước về hoạt động truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử nên chú trọng vào các nhiệm vụ trọng tâm như: Truyền tải tinh thần, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về tự chủ đại học, đẩy mạnh truyền thông về tự chủ đại học bằng những chính sách cụ thể; triển khai hiệu quả, thiết thực các nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) đã đề ra mục tiêu đối với Giáo dục đại học, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự

nghiệp công lập...Việc chỉ đạo và định hướng thông tin của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí cần phải được thực hiện thường xuyên, sát sao trong từng cuộc họp giao ban hàng tuần. Tiếp đó, các ý kiến chỉ đạo cần được chuyển tới từng phóng viên, biên tập viên để họ nắm vững được, tránh việc sai lệch định hướng và tránh đưa tin bài sai sót.

Các bộ, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục đại học cần nghiêm túc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới việc cung cấp thông tin về tự chủ đại học cho công chúng và báo chí. Đặc biệt, là những văn bản mang tính pháp lý cao như: Hiến pháp 2013, Luật Báo chí 2016, Luật tiếp cận thông tin 2016, quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, quy chế phối hợp cung cấp thông tin về lĩnh vực giáo dục đại học, chính sách về tự chủ đại học giữa các bộ, ngành.

Các cơ quan quản lý nhà nước và hoạch định chính sách cần có những phân tích, đánh giá kịp thời về hoạt động tự chủ đại học, đồng thời dự báo xu hướng phát triển của giáo dục đại học ở Việt Nam trong mỗi giai đoạn. Đây là yếu tố quan trọng làm cơ sở để hoạch định và xây dựng chiến lược truyền thông chính sách về tự chủ đại học phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ phát triển.

Bên cạnh đó, cần tích cực rà soát các văn bản pháp quy, xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ và rõ ràng hơn nữa giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Giáo dục đào tạo, đặc biệt khi phát sinh những vấn đề về tự chủ đại học có ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Khi đó, cần có chính sách, có văn bản, hướng dẫn chuyên đề truyền thông về tự chủ đại học trên báo chí nói chung, báo điện tử nói riêng, nhằm định hướng dư luận, tránh gây hoang mang về nguồn tin và cách hiểu sai lệch trong công chúng.

Cần thiết hơn cả, là phải xây dựng chế tài đủ mạnh và có căn cứ, có tính thuyết phục để xử lý triệt để các hành vi vi phạm, tránh tình trạng “ném

đá ao bèo” khiến nhiều cơ quan báo điện tử hay trang thông tin điện tử biết là không đúng nhưng vẫn cố tình vi phạm. Các cơ quan quản lý nhà nước cũng nên kiến nghị hoàn thiện các quy định về tự chủ đại học, làm cơ sở cho hoạt động truyền thông một cách dễ dàng, bài bản hơn. Cụ thể:

Thứ nhất, Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; làm rõ một số vấn đề như: quan niệm về tự chủ đại học, quyền tự chủ đại học, nội dung và điều kiện tự chủ đại học; trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học tự chủ; hoàn thiện, bổ sung và xác định rõ cơ chế quản trị đại học nói chung và vị trí, vai trò của Hội đồng trường nói riêng; làm rõ và phân định vai trò chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường, Ban giám hiệu và Đảng ủy; đề xuất xem xét sửa đổi các luật có liên quan khác như: Luật Đầu tư công, Luật Viên chức v.v... để các trường đại học được thực hiện tự chủ thực sự.

Thứ hai, cần thay đổi tư duy quản lý Nhà nước theo hướng Nhà nước chỉ quy định về khung trình độ quốc gia, chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc gia, để các cơ sở giáo dục đại học sẽ xây dựng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra cho người học đáp ứng các chuẩn nói trên, từ đó các cơ sở giáo dục đại học hoàn toàn tự chủ trong việc tổ chức đào tạo.

Thứ ba, cần đổi mới phương pháp quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo hướng chuyển từ cơ chế quản lý tập trung sang phân cấp và mở rộng quyền tự chủ cho các trường đại học. Nhà nước nên thay đổi từ vai trò “*Người lái đò*” sang vai trò định hướng cho sự phát triển, chuyển từ kiểm soát sang giám sát thông qua chính sách kiểm định chất lượng và phân bổ ngân sách. Có như vậy thì nhà nước vẫn đảm bảo được tính hiệu quả và hiệu lực trong việc thực thi vai trò quản lý của mình.

Thứ tư, giao quyền toàn bộ về công tác tuyển sinh cho nhà trường. Bộ GD&ĐT cần giao cho các trường quyền quyết định chỉ tiêu tuyển sinh dựa trên tín hiệu thị trường lao động và hệ thống đảm bảo chất lượng với các tiêu

chí chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, quyết định hình thức và phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực mỗi trường

Thứ năm, Bộ GD&ĐT cần sớm bỏ quy định về chương trình khung và thời gian bắt buộc trong đào tạo. Các trường cần được tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo của mình phù hợp với năng lực đầu vào của sinh viên. Nhà nước cần có kế hoạch hỗ trợ các trường trong việc đào tạo các môn chính trị tại nước ta, cần xác định rằng đây là các môn khoa học lý luận chính trị chứ không phải học chính trị đơn thuần.

Thứ sáu, Xây dựng hướng dẫn cụ thể về các nội dung chi cho khoa học công nghệ theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP và Nghị định số 73/2015/NĐ-CP. Ví dụ, chi lương cho nghiên cứu viên, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tiềm năng, chi đầu tư cơ sở vật chất... Cần cải tiến việc quản lý các hạng mục chi theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ nhiệm các đề tài, khuyến khích áp dụng cơ chế khoán dựa trên sản phẩm đầu ra của nghiên cứu khoa học. Khuyến khích các trường thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ để gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và thực tế; tăng cường năng lực thương mại hoá các kết quả, công trình nghiên cứu khoa học của trường.

Thứ bảy, Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nhằm phù hợp với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư theo hướng thành lập Ban kiểm soát tài chính trực thuộc Hội đồng trường, nhân sự do Hội đồng trường bổ nhiệm. Điều này giúp nâng cao vai trò giám sát của Hội đồng trường đồng thời đảm bảo tính công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình về tài chính của Hiệu trưởng đối với Hội đồng trường, cán bộ, công nhân viên, và người học.

Thứ tám, Xây dựng thông tư hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các nguồn tài chính huy động được và các nguồn thu khác, đồng thời xác định

những khoản cần đóng thuế, những khoản không cần đóng thuế. Xây dựng và hoàn thiện chính sách ưu đãi về thuế đối với các cơ sở Giáo dục đại học cũng như các chính sách ưu đãi đối với các đơn vị xã hội hóa theo Nghị định số 69/2008/NĐCP như miễn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu học phí, lệ phí v.v... Tiến hành việc giao tài sản cho các trường theo quy định của Luật số 09/2008/QH về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sẽ được thay thế bởi Luật số 15/2017/QH14 về quản lý sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018) để nhà trường có thể chủ động trong việc liên doanh, liên kết, góp vốn với các đơn vị, tổ chức khác. Hình thành công ty quản lý vốn nhà nước tại các cơ sở Giáo dục đại học công lập để bảo toàn vốn tại các cơ sở giáo dục công lập (giống như cách làm khi bãi bỏ cơ chế chủ quản của doanh nghiệp nhà nước trước đây).

Ngoài ra, cần xây dựng lộ trình và điều kiện để dần xoá bỏ cơ chế “cơ quan chủ quản” và cơ chế xin cấp phép về công tác chuyên môn, nhân sự, tài chính với trường đại học tự chủ. Khái niệm “cơ quan chủ quản” cũng cần được định nghĩa lại. Các trường đại học tự chủ chỉ chịu sự quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT đối với hoạt động giáo dục, đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra và giám sát của Bộ GD&ĐT. Từ nay đến 2020, thí điểm xoá bỏ cơ chế “cơ quan chủ quản” đối với một số trường đang thí điểm tự chủ thành công, dựa trên việc các trường đăng ký và xây dựng đề án cũng như các điều kiện về kiểm định chất lượng, về trách nhiệm giải trình; công khai, minh bạch thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng và chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Hoàn thiện các hướng dẫn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở Giáo dục đại học mới ban hành; rà soát, sửa đổi, bổ sung trình cấp có thẩm quyền ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo và thực hiện cơ chế tự chủ. Bên cạnh đó, tiến hành sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi

thẩm quyền liên quan đến tự chủ đại học nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ cho các trường đại học thực hiện cơ chế tự chủ. Trước mắt tập trung vào việc rà soát, sửa đổi, ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ trong khi chờ đợi sự điều chỉnh về luật và các nghị định.

3.2.3. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan đầu mối thông tin về tự chủ đại học, đồng thời là đơn vị vừa tổ chức vừa quản lý hoạt động truyền thông về tự chủ đại học, Bộ GD&ĐT cần phát huy vai trò là đơn vị tiên phong trong hoạt động truyền thông về tự chủ đại học; Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho truyền thông về tự chủ đại học, gắn kết các đơn vị báo chí truyền thông, tạo thành mạng lưới truyền thông rộng khắp từ các bộ, ngành TW đến các địa phương.

Để truyền thông về tự chủ đại học thực sự bút phá, phát huy hiệu quả, cần tập trung vào các giải pháp then chốt sau:

Thứ nhất, cần thiết có cơ chế đầu tư thoả đáng cho truyền thông về tự chủ đại học, đặc biệt là cơ chế tài chính để xây dựng và triển khai các dự án truyền thông, trong đó chú trọng đến các dự án truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử. Hiện nay, Bộ GD&ĐT đã hợp tác với một số đơn vị báo điện tử như: Dân trí, Vietnamnet, Đại biểu nhân dân, Lao Động, Giáo dục Việt Nam, Nhân dân... để đăng tải các tin, bài về tự chủ đại học. Tuy nhiên, số lượng tin bài chưa nhiều, chủ yếu là thông tin do cán bộ của Bộ sản xuất gửi sang theo định mức của “đơn đặt hàng”. Số lượng tin, bài về tự chủ đại học còn rất khiêm tốn, chưa có chuyên trang, chuyên mục chuyên biệt truyền thông về tự chủ đại học nào được hợp tác sản xuất giữa Bộ GD&ĐT và các báo điện tử. Hơn thế, việc hợp tác thông tin về giáo dục mới chỉ dừng lại ở các đơn vị báo điện tử nhỏ, trong khi để hợp tác với các báo điện tử lớn mang tầm đại chúng như: Dân trí, VnExpress, VietnamNet, Tuổi trẻ online, Thanh niên online... phải đầu tư chi phí không hề nhỏ.

Thứ hai, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí và đơn vị truyền thông, đặc biệt là các báo điện tử trong việc truyền thông về

tự chủ đại học. Ngoài chức năng là đầu mối thông tin, Bộ GD&ĐT cần chú trọng công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sản xuất và đăng tải các thông tin về tự chủ đại học; Cung cấp thông tin về tự chủ đại học kịp thời, chính xác cho nhà báo, đồng thời giúp kết nối nhà báo với các nhà khoa học có liên quan, tạo điều kiện tối đa cho các nhà báo tác nghiệp, khai thác thông tin.

Trên thực tế, nhận định về vấn đề này, phóng viên phụ trách mảng Giáo dục và đào tạo của báo Dân trí cho rằng, các cơ quan báo chí hiện nay ít được tiếp cận với thông tin chính thống về tự chủ đại học. Các nhà khoa học, các nhà quản lý về giáo dục còn rất e ngại khi tiếp cận với cơ quan báo chí, nguyên nhân có từ hai phía, giữa báo chí và cộng đồng giáo dục chưa hiểu về nhau và chưa tin tưởng lẫn nhau.

Phóng viên báo Vietnamnet.vn (Phiếu PVS 01 – Phụ lục 2) kiến nghị: *“Các cơ quan của ngành Giáo dục đào tạo cần tích cực, chủ động phối hợp với báo chí trong việc cung cấp thông tin. Bản thân những người làm công tác giáo dục cần nhận thức được việc cung cấp nguồn thông tin cho báo chí là việc làm cần thiết nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông về tự chủ đại học”.*

Thứ ba, tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, các ban ngành chức năng kịp thời điều chỉnh văn bản quản lý vĩ mô phù hợp với điều kiện hoạt động và định hướng phát triển của ngành, định hướng hoạt động thông tin cụ thể tại các đơn vị báo điện tử.

Thứ tư, có chiến lược truyền thông phù hợp với từng giai đoạn gắn liền với sự vận động phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo, của nhu cầu tiếp nhận và sự phát triển của ngành công nghiệp truyền thông, đặc biệt là sự gia tăng của các loại hình truyền thông và phương tiện truyền thông mới; Xây dựng kế hoạch truyền thông theo quan điểm: *“Đẩy mạnh truyền thông về giáo dục và đào tạo, lấy báo điện tử làm khâu đột phá”.*

Điều này đã được định hình và nằm trong tầm nhìn của nhà quản lý, tổ chức truyền thông về tự chủ đại học: Báo điện tử là loại hình báo chí mới đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ. Trong quy hoạch báo chí đến năm 2025, báo điện tử sẽ là kênh truyền thông chủ lực. Thời gian tới, sẽ có những nghiên cứu, đánh giá cụ thể về loại hình và kênh truyền thông chủ lực về tự chủ đại học, tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường hợp tác với các đơn vị báo chí, trong đó chú trọng hợp tác với các báo điện tử để mở thêm các chuyên trang, chuyên mục về giáo dục đại học.

Thứ năm, cần có cơ chế và quy định cụ thể đối với các đơn vị báo điện tử thuộc ngành GD&ĐT, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, nâng cao trách nhiệm và vai trò của báo ngành đối với hoạt động truyền thông về chính sách phát triển GD&ĐT.

Thứ sáu, phối hợp với các địa phương, đẩy mạnh truyền thông về chính sách tự chủ đại học trên hệ thống báo chí địa phương, đặc biệt là các báo và tạp chí điện tử; Phát triển nội dung, đổi mới hình thức các trang tin điện tử của các sở GD&ĐT địa phương.

Thứ bảy, đổi mới nội dung, giao diện và hình thức truyền thông về chính sách về tự chủ đại học trên các báo điện tử; Đổi mới nội dung, giao diện, tích hợp các chức năng gửi ý kiến phản hồi của độc giả trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT để tiếp nhận các ý kiến phản hồi của độc giả, nâng cao tính tương tác trên trang.

Thứ tám, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn trao đổi nghiệp vụ trong và ngoài nước để đội ngũ làm công tác truyền thông giáo dục và đào tạo của Bộ và nhà báo có cơ hội học hỏi kinh nghiệm truyền thông giáo dục và đào tạo.

Thứ chín, hình thành đội ngũ truyền thông, báo chí giáo dục đào tạo chuyên nghiệp, có năng lực “mã hóa” những ngôn ngữ khoa học thành ngôn ngữ đời thường gần gũi với người dân. Nhân lực làm truyền thông về tự chủ

đại học phải được đào tạo bài bản kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ truyền thông về tự chủ đại học.

Thứ mười, đẩy mạnh giới thiệu và tuyên truyền rộng rãi Giải thưởng báo chí về giáo dục, đào tạo, đổi mới cơ chế, cơ cấu giải thưởng để thu hút các nhà báo tham gia, nhất là các tác phẩm báo điện tử về tự chủ đại học.

Tiểu kết chương 3

Trong thời gian tới, các tờ báo điện tử cần truyền thông nhất quán quan điểm của Đảng, Nhà nước về tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, nhấn mạnh vào các vấn đề trọng tâm của tự chủ đại học: *Một là*, truyền thông về mở rộng quyền tự chủ gắn liền với tự chịu trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học. *Hai là*, truyền thông về quyền tự chủ phải gắn với với kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học. *Ba là*, truyền thông về các giải pháp thực hiện phải đảm bảo tính cấu trúc – hệ thống trong tự chủ đại học.

Để nâng cao chất lượng truyền thông về tự chủ đại học, các đơn vị báo điện tử cần chú trọng vào một số giải pháp sau: Bám sát chủ trương chính sách của Đảng trong công tác truyền thông chính sách phát triển về tự chủ đại học để có định hướng thông tin phù hợp, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong kế hoạch hoạt động của toà soạn; Xây dựng quy trình chuẩn tại các toà soạn báo điện tử theo 4 chức năng: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm soát; Tăng cường kiểm chứng, sử dụng thông tin và quan điểm từ công chúng báo điện tử, góp phần nâng cao năng lực tự nhận thức tri thức khoa học và trách nhiệm xã hội của công chúng; Xây dựng các quy chế thông tin với các tiêu chí cụ thể; Đổi mới nội dung và hình thức thông tin về tự chủ đại học; Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tinh thông cả hai lĩnh vực: Nghiệp vụ báo chí và nghiệp vụ giáo dục.

KẾT LUẬN

Quyền tự chủ đại học được hiểu là các quy định của pháp luật phản ánh mối quan hệ giữa nhà nước với các cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện mục tiêu tự do học thuật, tự chủ quản trị và các điều kiện giải trình bắt buộc để thực hiện quyền tự chủ của mình. Tự chủ là thuộc tính của các trường đại học, là quyền tự quyết của các trường đại học, cơ sở giáo dục trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

Trong những năm qua, trước xu thế đổi mới, hội nhập trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam đã có nhiều cải cách trong lĩnh vực giáo dục đại học. Vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ chỗ toàn thể hệ thống giáo dục đại học Việt Nam như một trường đại học lớn, chịu sự quản lý nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước, bước đầu đem lại những kết quả nhất định.

Nội dung chương 1 cũng đã làm rõ Nội dung, nguyên tắc của báo chí trong truyền thông về tự chủ đại học trên báo chí làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng trong chương 2.

Qua khảo sát thực trạng trong chương 2, có thể thấy báo điện tử đã chuyển tải một cách nhanh chóng, chân thực mọi diễn biến, những vấn đề mới nảy sinh của vấn đề tự chủ đại học, những thông tin, thành tựu trong tự chủ đại học đến với công chúng. Với khả năng sản xuất và xuất bản thông tin nhanh chóng, mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt thời gian và không gian, báo điện tử có thể chuyển tải mọi thông tin của hoạt động tự chủ đại học sắp, đang, vừa diễn ra. Vận dụng tính tương tác cao – ưu thế nổi bật của loại hình báo điện tử, các báo điện tử khảo sát trong quá trình truyền thông về vấn đề tự

chủ đại học hiện nay đã tạo ra một diễn đàn dân chủ, nơi công chúng có thể bày tỏ những hiểu biết, biểu hiện thái độ, tình cảm, chia sẻ tri thức và trình bày quan điểm của họ về các vấn đề khoa học và công nghệ hiện nay

Tuy nhiên, truyền thông về tự chủ đại học chưa thực sự hấp dẫn; giao diện các chuyên trang, chuyên mục giáo dục trên các báo đơn điệu, cách thức trình bày thông tin chưa lôi cuốn. Một số bài viết diễn đạt và giải thích các thông tin về tự chủ đại học chưa rõ ràng, gây ra sự khó hiểu, khó tiếp nhận cho độc giả. Nội dung thông tin tự chủ giáo dục với những kinh nghiệm nước ngoài còn hạn chế, chưa nhiều, trong khi các thông tin trong nước chiếm tỷ lệ lớn, khó cho độc giả trong tham khảo kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nhiều thông tin dường như không thuộc chủ đề giáo dục nhưng lại được đặt vào các chuyên mục giáo dục...

Trong thời gian tới, các tờ báo điện tử cần truyền thông nhất quán quan điểm của Đảng, Nhà nước về tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, nhấn mạnh vào các vấn đề trọng tâm của tự chủ đại học: *Một là*, truyền thông về mở rộng quyền tự chủ gắn liền với tự chịu trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học. *Hai là*, truyền thông về quyền tự chủ phải gắn với với kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học. *Ba là*, truyền thông về các giải pháp thực hiện phải đảm bảo tính cấu trúc – hệ thống trong tự chủ đại học.

Để nâng cao chất lượng truyền thông về tự chủ đại học, các đơn vị báo điện tử nên chú trọng vào một số giải pháp sau: Bám sát chủ trương chính sách của Đảng trong công tác truyền thông về chính sách phát triển về tự chủ đại học để có định hướng thông tin phù hợp, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong kế hoạch hoạt động của toà soạn; Xây dựng quy trình chuẩn tại các toà soạn báo điện tử theo 4 nhiệm vụ: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát; tăng cường kiểm chứng, sử dụng thông tin và quan điểm từ công chúng báo điện tử, góp phần nâng cao năng lực tự nhận

thức tri thức khoa học và trách nhiệm xã hội của công chúng; Xây dựng các quy chế thông tin với các tiêu chí cụ thể; Đổi mới nội dung và hình thức thông tin về tự chủ đại học; Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tinh thông cả hai lĩnh vực: Nghiệp vụ báo chí và nghiệp vụ giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Phương Anh (2009), *Lối thoát cho nghiên cứu học thuật ở Châu Âu: Cầu nhiều tiền và tự chủ hơn*, Hội thảo “Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”, Hà Nội.
2. Hoàng Anh, Nguyễn Văn Dũng (1998), *Nhà báo, bí quyết, kỹ năng nghề nghiệp*, NXB Lao Động.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2009), *Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (Khóa VIII), Phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29, TW 8 (Khóa XI), Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Giáo dục Đại học ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Thông báo số 1007/TB-BGDĐT ngày 13/2/2008 về Kết luận của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học, ngày 05/1/2008*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Chiến lược phát triển Giáo dục Việt Nam năm 2009 – 2020*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Báo cáo tổng kết thực hiện nghị quyết 77/2014/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ (2009), *Thông tư liên tịch của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ (07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV tháng 4 năm 2009) Hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện*

nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo, Hà Nội.

10. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ (2006), Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/ BKHC N-BTC-BNV, ngày 5/6/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ *Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP*, Hà Nội.
11. Bộ Tài chính (2006), Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 *Hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ – CP ngày 25/4/2006*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Tài chính (2006), Thông tư 81/2006/TT-BTC ngày 06/9/2006 *Hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Ứng Sơn Ca - *Vai trò của báo chí đối với vấn đề cải cách giáo dục đại học* –Luận văn – mã số: 103.
14. Trần Đức Cân (2012), *Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính các trường đại học công lập ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Hà Nội.
15. Nguyễn Bá Cần (2001), *Tự chủ Tài chính và việc nâng cao chất lượng trong các trường Đại học*, Tạp chí Giáo dục, (12), tr. 11, Hà Nội.
16. Nguyễn Bá Cần (2004), *Chính sách Giáo dục Đại học ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
17. Nguyễn Bá Cần (2004), *Để Giáo dục và đào tạo đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp Công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Vai trò của Nhà nước trong cung ứng dịch vụ công – nhận thức và giải pháp*, Nxb văn hóa – thông tin, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Cảnh (2017), *Quan niệm về tự chủ đại học, kinh nghiệm quốc tế và thực trạng quy định pháp luật về tự chủ đại học ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đại học, Tp. Hồ Chí Minh.

19. Chính Phủ (2001), Quyết định 201/2001/QĐ-TTg “*Chiến lược phát triển Giáo dục 2001 – 2010*” ngày 28/12/2001, Hà Nội.
20. Chính phủ (2003), Quyết định 153/2003/QĐ-TTg “*Chiến lược phát triển Giáo dục 2001 – 2010*” ngày , Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Chính phủ (2005), Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 *Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2005), Nghị quyết 14 của Chính phủ (14/2005/NQ-CP ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2005) *Về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2006), Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006 *Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2010), Chỉ thị 296 của Thủ tướng Chính phủ *Về đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn 2010-2012* (296/CT-TTg, ngày 27 tháng 2 năm 2010), Hà Nội.
25. Chính phủ (2015), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 *Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
26. Hoàng Đình Cúc, Đức Dũng (2007), *Những vấn đề của báo chí hiện đại*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
27. Nguyễn Văn Dũng (2012) – *Lý thuyết truyền thông*, NXB Chính trị quốc gia.
28. Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng (2012), *Truyền thông - Lý thuyết và kỹ năng cơ bản* - NXB Chính trị Quốc gia
29. Ngô Doãn Đãi (2004), *Vấn đề quyền tự chủ và trách nhiệm của các trường đại học trong đổi mới giáo dục đại học Việt Nam*; Kỷ yếu Hội thảo “*Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam – Hội nhập và thách thức*”, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
32. Điều lệ trường đại học (2014).
33. Huy Đức (2009), *Tự chủ trước khi áp dụng hệ thống tín chỉ*, Hội thảo “*Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam*”, Hà Nội.
34. Trần Khánh Đức (2018), *Lý thuyết hệ thống và áp dụng trong phân tầng và xếp hạng đại học ở Việt Nam*.
35. Trần Khánh Đức và Nguyễn Mạnh Hùng, (2012), *Giáo dục đại học và quản trị đại học*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
36. Bùi Văn Ga (2014), *Không giới hạn số trường Đại học tự chủ*, báo Giáo dục thời đại, Hà Nội.
37. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang (2009), *Báo cáo của Ủy ban về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học thuộc Ban tư vấn trung ương về giáo dục Ấn Độ - năm 2005*, Hội thảo “*Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam*”, Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Trường Giang (2010), *Báo mạng điện tử – những vấn đề cơ bản*, NXB Chính trị - Hành chính.
39. Bùi Thị Thu Hà (2016) , *Tự chủ về nghiên cứu khoa học trong các trường đại học*, Tạp chí nghiên cứu khoa học công đoàn, số 6, tháng 12.
40. Nguyễn Thị Thu Hà (2012), *Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đại học*, Luận án tiến sỹ luật học, Hà Nội.
41. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, Hà Nội.

42. Lê Văn Hảo (2009), *Những xu thế chung của Giáo dục đại học và các mô hình phát triển tài chính đại học, Hội thảo “Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”*, Hà Nội.
43. Vũ Quang Hào (2009), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Thông tấn,
44. Bùi Hiền (2013), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
45. Bùi Hiền (2013), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
46. Đồng Thế Hiến (2017), *Đổi mới cơ chế tự chủ giáo dục đại học công lập giai đoạn 2015 – 2017: kết quả và kiến nghị chính sách*, Tạp chí tài chính.
47. Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Yến Nam (2009), *Mấy suy nghĩ về nguồn tài chính giáo dục đại học Việt Nam trong kỷ nguyên mới, hội thảo “Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”*, Hà Nội.
48. Đặng Thị Thu Hương (2017), *Văn hóa truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,
49. Đinh Văn Hường (2007), *các thể loại thông tấn báo chí*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,
50. Văn Phương Hoa (2010), *Báo in Việt Nam trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay* - Luận văn thạc sỹ Trường ĐH khoa học Xã hội và Nhân Văn
51. Trần Kiểm (2006), *Khoa học Quản lý giáo dục – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Khoa báo chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội – 2005), *Các thể loại báo chí*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
53. Đoàn Xuân Kỳ (2015), *Vấn đề đổi mới giáo dục đại học trên báo in giai đoạn 2013-2014*, luận văn thạc sỹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
54. Kỷ yếu hội thảo quốc gia (2016), *Tự chủ đại học và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học*, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng.

55. Kỹ yếu hội thảo quốc gia (2017), *Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đại học*, Ủy ban Văn hóa Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội.
56. Cao Xuân Liễu (2009), *Tự nhân hoá, phân quyền hoá và sự tự chủ của các trường đại học trong thời kỳ quá độ (C LB Nga)*, Hội thảo “*Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam*”, Hà Nội.
57. Bành Tiên Long, (2005), *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam*, Hà Nội.
58. *Luật Báo chí 2016* số 103/2016/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 5/4/2006
59. *Luật Bảo hiểm xã hội* số 58/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/6/2014.
60. *Luật Cán bộ, công chức* số 22/2008/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 13/11/2008.
61. *Luật Đấu thầu* số 43/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2013.
62. *Luật Đầu tư công* số 49/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/6/2014.
63. *Luật Giáo dục* (2005), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. *Luật Giáo dục* số 38/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14/6/2005
65. *Luật Giáo dục 2019* được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2019
66. *Luật Giáo dục Đại học* (2012), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. *Luật Giáo dục Đại học* số 08/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/6/2012.
68. *Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học* được Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018.
69. *Luật Khoa học và Công nghệ* số 29/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/06/2013.

70. *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công* số 15/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 21/6/2017.
71. *Luật Viên chức* số 58/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 15/11/2010.
72. *Luật Xây dựng* số 50/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/6/2014.
73. Nguyễn Tấn Lượng (2011), *Hoàn thiện quản lý tài chính tại các trường đại học công lập tự chủ tài chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Tp. Hồ Chí Minh.
74. Phạm Thị Ly (2013), *Giáo dục đại học Hà Lan với các trường Đại học khoa học ứng dụng – Kinh nghiệm cho việc phân tầng ở Việt Nam*.
75. Phạm Thị Ly (2016), *Vấn đề tự chủ đại học, Nhà nước và những thay đổi xã hội: quan điểm của phương Tây và của Trung Quốc*, Bài dịch của tác giả Su Yan Pan.
76. Trần Đình Lý (2009), *Tăng tính tự chủ cho các trường đại học cao đẳng, Hội thảo “Vấn đề tự chủ - Tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”*, Hà Nội.
77. Nguyễn Thị Hồng Mến (2018), *Quản lý tài chính tại các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu đổi mới*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục – Đại học quốc gia Hà Nội.
78. Nghị định số: 16/2015/NĐ-CP, Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
79. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ ban hành ngày 25/4/2006.
80. Nghị định số 49/2010/NĐ-CP Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục

thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 do Chính phủ ban hành ngày 14/5/2010.

81. Trần Văn Nhung (2003), *Giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục đổi mới để phát triển và hội nhập*,
82. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP *Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường* do Chính phủ ban hành ngày 30/5/2008.
83. Paul Bryant, Phạm Thị Ly (2007), *Một vài nhận xét so sánh về quản lý trường Đại học ở Hoa Kỳ và ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế Giáo dục so sánh lần thứ 1: “*Phát triển giáo dục so sánh ở Việt Nam*”, Tp. Hồ Chí Minh.
84. Trần Quang (2005), *Các thể loại báo chí chính luận*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,
85. Trần Hồng Quân (1995), *Một số vấn đề đổi mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục
86. Dương Xuân Sơn (2008), *Các thể loại báo chí chính luận nghệ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
87. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang (2005), *Cơ sở Lý luận báo chí truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,
88. Tạ Ngọc Tấn, *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông* (1999), NXB Văn hóa thông tin
89. Huỳnh Văn Thông, Phan Văn Tú, Huỳnh Minh Tuấn, Triệu Thanh Lê, Ngô Thị Thanh Loan (2015), *Giáo trình báo trực tuyến*
90. Lâm Quang Thiệp (2009), *Giáo dục đại học Việt Nam – lược sử, hiện trạng và phương hướng phát triển*.
91. Nguyễn Minh Thuyết (2014), *Tự chủ đại học - Thực trạng và giải pháp*, Diễn đàn thường niên đổi mới giáo dục Việt Nam lần thứ nhất.

92. Hoàng Ngọc Trang (2018), *Phản biện chính sách giáo dục trên báo mạng điện tử Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
93. Nguyễn Như Ý (2007), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

CÂU HỎI PHÒNG VẤN

I. Phỏng vấn nhà báo Trần Đức Tín – Phó Trưởng ban Phụ trách Ban Giáo dục Điện tử (Báo Giáo dục & Thời đại):

1). Ông đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

2). Theo ông, báo điện tử có thành công và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

3). Với tư cách là trưởng Ban Giáo dục của một tờ báo ngành, ông chỉ đạo phóng viên như thế nào khi viết tin, bài về vấn đề tự chủ đại học?

4). Theo ông, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

II. Phỏng vấn nhà báo Vũ Hồng Hạnh – Phó Ban Giáo dục, Báo điện tử Dân Trí

1). Nhà báo đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

2). Theo nhà báo, báo điện tử có lợi thế và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

3). Trong quá trình xuất bản tin, bài của phóng viên, nhà báo có nhận xét gì về cách viết tin, bài và các tiếp cận vấn đề của phóng viên khi phản ánh về tự chủ đại học?

4). Theo nhà báo, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

III. Phỏng vấn nhà báo Thanh Hùng – Phóng viên báo Vietnamnet:

1). Nhà báo đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

2). Theo nhà báo, báo điện tử có thành công và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

3). Là phóng viên trực tiếp viết tin, bài về tự chủ đại học, nhà báo thường tiếp cận vấn đề dưới góc độ như thế nào, có đi thực tế hay không và thường thể hiện dưới các hình thức, thể loại báo chí gì?

4). Theo nhà báo, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

PVS01. NHÀ BÁO THANH HÙNG:

1). Nhà báo đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Tự chủ đại học là không phải là khái niệm xa lạ với các nước trên thế giới, song thực tế ở Việt Nam là một khái niệm khá mới mẻ bởi bắt đầu được đẩy mạnh trong những năm gần đây. Theo xu hướng chung trên toàn cầu, Việt Nam đang hướng đến việc các trường đại học chuyển dịch dần từ mô hình Nhà nước kiểm soát truyền thống sang các mô hình có mức độ tự chủ cao hơn, từ Nhà nước kiểm soát sang Nhà nước giám sát.

Tuy nhiên, do là khái niệm mới đối với hệ thống giáo dục Việt Nam do đó vai trò của báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng có vai trò khá lớn trong việc tuyên truyền để xã hội, người dân hiểu đúng và rõ hơn về điều này. Cùng đó cũng là một kênh để giám sát việc thực hiện tự chủ đại học có đảm bảo công bằng xã hội.

Tuy được nhìn nhận dưới nhiều khía cạnh khác nhau, tự chủ của trường đại học vẫn có thể được khái quát là khả năng của trường được hoạt động theo cách thức mình lựa chọn để đạt được sứ mạng và mục tiêu do trường đặt ra. Song báo chí cũng là một kênh để phản ánh, phản biện việc tự chủ không có nghĩa là “tự tung tự tác” không có sự giám sát.

Riêng báo điện tử, với thế mạnh cập nhật nhanh, thời sự và nhiều hình thức thể hiện, thuận lợi cho nhiều đối tượng người đọc trong bối cảnh thời đại số thì khả năng tuyên truyền khá cao. Có thể chỉ thông qua những từ khóa trên các hệ thống tìm kiếm chỉ trong ít giây người đọc có thể có được các thông tin về nhiều khía cạnh của vấn đề tự chủ đại học trên các báo điện tử có sẵn nội dung.

2). Theo nhà báo, báo điện tử có thành công và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Một nguyên lý cơ bản đằng sau tự chủ đại học là các cơ sở GDDH sẽ vận hành tốt hơn nếu họ được nắm vận mệnh của chính mình. Tự chủ sẽ tạo động lực để họ đổi mới nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong hoạt động của mình, đồng thời cũng làm tăng tính cạnh tranh giữa các cơ sở GDDH, tạo điều kiện để đa dạng hóa các hoạt động giáo dục.

Như một số ý đã nói ở trên, thành công của báo điện tử là với tốc độ cập nhật nhanh, tần suất tin bài nhiều, phủ khắp nhiều khía cạnh phần nào đã giúp vấn đề tự chủ đến với xã hội và người dân hơn, giúp mọi người hiểu hơn về vấn đề này.

Tuy nhiên, đôi khi do vấn đề tự chủ đại học nói chung là một chủ đề khô cứng, trong khi báo điện tử chịu sức ép và lượng view và độc giả nên thường xoáy sâu đến các vấn đề sai phạm liên quan đến tự chủ đại học. Đi cùng với đó, thiếu hụt việc khai thác những vấn đề tích cực, thành tựu của việc thực hiện tự chủ đại học. Qua đó, dù chỉ ra những vấn đề còn bất cập thực tiễn nhưng phần nào cũng gây tâm lý, suy nghĩ của độc giả về việc tự chủ đại học thường chỉ để các trường tự tung tự tác thay vì tự chủ đúng nghĩa.

3). Là phóng viên trực tiếp viết tin, bài về tự chủ đại học, nhà báo thường tiếp cận vấn đề dưới góc độ như thế nào, có đi thực tế hay không và thường thể hiện dưới các hình thức, thể loại báo chí gì?

Là một phóng viên công tác tại một tờ báo điện tử thì ngoài nội dung muốn truyền tải đến bạn đọc, chúng tôi còn chịu sức ép về cách chuyển tải một vấn đề sao cho vừa nhanh, chính xác nhưng phải hấp dẫn để thu hút bạn đọc. Vấn đề tự chủ đại học nếu về lý thuyết và khái niệm chung thì là chủ đề so với các vấn đề thời sự giáo dục thì là một vấn đề khá khô cứng. Tuy nhiên, nếu đi vào chi tiết trong tự chủ đại học có những vấn đề về tự chủ nguồn lực; tự chủ tuyển sinh; tự chủ trong các hoạt động học thuật và chương trình giáo dục như phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nội dung chương trình và giáo trình học liệu; tự chủ trong các vấn đề liên quan đến quản lý hành chính

và tài chính, quản lý và sử dụng ngân sách, các nguồn tài chính của trường,... thì đó là những vấn đề có thể khai thác, thậm chí là những đề tài “ăn khách”. Vấn đề tuyển sinh, tài chính, thu chi, chương trình,... của các trường là những câu chuyện, góc độ bản thân tôi tìm hiểu, khai thác, qua đó nêu lên những bất cập, thành tựu chung của vấn đề tự chủ đại học. Nhìn chung, góc độ đi từ vi mô đến vĩ mô, từ thực tế cuộc sống đến vấn đề chính sách, qua đó giúp cái khái niệm tự chủ đại học nghe “xa lạ, rộng lớn” trở nên gần gũi, đi đến người dân và xã hội hơn.

Để làm được như vậy thì việc đi thực tế là rất quan trọng và đó là việc phóng viên một báo điện tử như tôi thường làm. Bởi có đi vào thực tế thì mới biết các trường đang vận hành cái tự chủ đại học đến đâu, ra sao, có gì trái với các quy định, là tự chủ đúng nghĩa hay lợi dụng danh nghĩa tự chủ để tự tung tự tác.

Để tiếp cận, thu hút được nhiều đối tượng độc giả thì ngoài hình thức thể hiện báo viết, chúng tôi còn rất quan tâm đến thể loại ảnh, mutext, đồ họa.

4). Theo nhà báo, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

- Tiếp tục tìm hiểu để hiểu hơn về tự chủ đại học qua đó nhìn nhận các vấn đề, cách thức vận hành của các nhà trường có gì đúng – sai. Từ đó phản biện, góp ý được chính xác và khách quan. Đồng thời Cân đối tin bài về tích cực và tiêu cực về vấn đề này.

Ngoài ra, tôi cũng kiến nghị, các cơ quan của ngành Giáo dục đào tạo cần tích cực, chủ động phối hợp với báo chí trong việc cung cấp thông tin. Bản thân những người làm công tác giáo dục cần nhận thức được việc cung cấp nguồn thông tin cho báo chí là việc làm cần thiết nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông về tự chủ đại học”.

PVS02. Phỏng vấn nhà báo Trần Đức Tín – Phó Trưởng ban Phụ trách Ban Giáo dục Điện tử (Báo Giáo dục & Thời đại):

1). Ông đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong truyền thông về vấn đề tự chủ đại học?

Báo điện tử là một trong những loại hình báo chí có nhiều ưu thế nhất hiện nay, đặc biệt là lượng độc giả đông đảo và khả năng đa phương tiện thu hút công chúng lớn. Do vậy báo điện tử có vai trò hết sức to lớn trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học. Tuy nhiên để vấn đề tuyên truyền này đạt hiệu quả cần nhấn mạnh vào những yêu cầu chủ chốt như: tập trung bám sát nguyên tắc khách quan, chân thật. Một trong những nguyên tắc đầu tiên để đảm bảo độ tin cậy, hiệu quả của quá trình thông tin, chính là tính khách quan, chân thật. Ở nước ta, trong điều kiện một Đảng cầm quyền, báo chí nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật trên cơ sở đúng các quan điểm của Đảng, Nhà nước về tự chủ đại học. Bên truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử phải đảm bảo tính dân chủ. Đây là những yếu tố đang ngày càng trở thành xu thế tất yếu của báo điện tử, là biểu hiện quan trọng của nền dân chủ, với quyền làm chủ của quần chúng nhân dân, trong đó có quyền được thông tin rộng rãi, công khai, minh bạch. Ngoài ra khi tiến hành truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử người làm báo phải nêu bật được quan điểm, chính kiến riêng của bản thân trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp. Thực tế chỉ ra, với vai trò truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử, mỗi nhà báo, phóng viên, biên tập viên luôn phải có ý thức thổi cái hồn của mình vào tác phẩm báo chí. Đó là những nhận xét, bình luận thể hiện quan điểm của chính tác giả hướng công chúng tới đích của bài viết. Trong truyền thông về tự chủ đại học trên báo điện tử cũng vậy, người làm báo luôn phải có trách nhiệm nêu bật ý kiến đánh giá nhận xét của bản thân về tính chất, mức độ, các tác động có liên quan nảy sinh từ chính sách tự chủ giáo dục.

2). Theo ông, báo điện tử có thành công và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Theo tôi, báo điện tử thời gian qua đã làm tốt vai trò trong việc đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tự chủ đại học đến với nhân dân, nhất là cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên các cơ sở giáo dục đại học. Bên cạnh đó, các tờ báo điện tử cũng đã trở thành diễn đàn để nhân dân đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện hơn các quy định về tự chủ đại học. Tuy nhiên chưa có tờ báo nào hình thành các chuyên mục hoặc nhân lực chuyên trách bám sát vấn đề này. Do vậy chưa tạo ra một hiệu quả thực sự đủ lớn để góp phần khắc phục những hạn chế trong các chính sách tự chủ đại học có liên quan.

3). Với tư cách là trưởng Ban Giáo dục của một tờ báo ngành, ông chỉ đạo phóng viên như thế nào khi viết tin, bài về vấn đề tự chủ đại học?

Tôi luôn chỉ đạo phóng viên phải bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước liên quan tới Tự chủ đại học. Bên cạnh đó, phóng viên phải thực sự là người am hiểu về vấn đề này và có kỹ năng làm báo chuyên nghiệp đồng thời phải có lòng say mê nghề nghiệp, thường xuyên bám sát thực tiễn để phản ánh chính sách được đầy đủ, sinh động nhất.

4). Theo ông, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Theo tôi, thời gian tới cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tinh thông cả hai lĩnh vực: Nghiệp vụ báo chí và nghiệp vụ giáo dục. Đặc biệt, các báo cần có phóng viên chuyên trách về lĩnh vực giáo dục đại học thay vì các phóng viên kiêm nhiệm, để nâng cao chất lượng thông tin về tự chủ đại học. Khuyến khích đội ngũ phóng viên, biên tập viên chuyên trách về tự chủ đại học không ngừng học hỏi, vận dụng những tri thức khoa học nền tảng, những tổng kết sâu sắc của các chuyên gia trong lĩnh vực này.

**PVS03. Phỏng vấn nhà báo Vũ Hồng Hạnh – Phó Ban Giáo dục,
Báo điện tử Dân Trí**

1). Nhà báo đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Trong quá trình phát triển của giáo dục đại học nước ta, tự chủ đại học đã xuất hiện như là một tất yếu, phù hợp với xu hướng chung của giáo dục đại học thế giới. Tự chủ là thuộc tính của các trường đại học, không tự chủ thì các trường rất khó sáng tạo, khó phát huy nội lực và khó thích ứng với sự thay đổi nhanh của thế giới ngày nay. Tuy nhiên, tự chủ đại học là quá trình đầy khó khăn, thách thức nên thực hiện tự chủ đại học cần có lộ trình phù hợp. Do đó, báo chí nhất là báo điện tử với các ưu thế đa phương tiện, tốc độ nhanh chóng, linh hoạt cần phát huy vai trò tiên phong trong việc tuyên truyền về tự chủ đại học nhằm giúp các tầng lớp nhân dân, các cơ sở giáo dục đại học hiểu rõ hơn về các vấn đề này.

2). Theo nhà báo, báo điện tử có lợi thế và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Lợi thế của báo điện tử như tôi vừa nói ở trên là việc chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, sinh động, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Bên cạnh đó có thể tạo ra diễn đàn để độc giả trao đổi, bình luận về vấn đề một cách thuận tiện, nhanh chóng. Tuy nhiên chính bởi điều này nếu không có sự kiểm duyệt chặt chẽ sẽ dẫn tới những hệ lụy khó lường, nhất là việc tạo ra các diễn đàn phản biện chính sách một cách tiêu cực. Đồng thời thông tin không được kiểm duyệt chặt chẽ mà chạy theo lợi ích, đăng tải một cách tràn lan sẽ dẫn tới mất uy tín của tòa soạn, ảnh hưởng tới chính sách được đề cập.

3). Trong quá trình xuất bản tin, bài của phóng viên, nhà báo có nhận xét gì về cách viết tin, bài và các tiếp cận vấn đề của phóng viên khi phản ánh về tự chủ đại học?

Công tác thông tin không phải một sớm một chiều đã mang lại hiệu quả, mà cần phải có thời gian và cách thức truyền tải gần gũi, hấp dẫn mới tạo được tình cảm và thái độ tiếp nhận tích cực của công chúng.

Do vậy, cách viết tin bài của phóng viên về tự chủ đại học cần phải có kế hoạch, lộ trình và phương thức truyền thông một cách bài bản, khoa học. Tuy nhiên theo đánh giá chủ quan của tôi, nhiều phóng viên hiện nay chưa có cách tiếp cận vấn đề thực sự tốt, họ còn có xu hướng viết bài một cách rời rạc, cảm quan, không có lộ trình, kế hoạch cụ thể. Do vậy hiệu quả chưa được cao.

4). Theo nhà báo, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng tin bài về tự chủ đại học cần tăng cường các dạng tin, bài đa phương tiện, thiết kế giao diện chuyên trang/chuyên mục về tự chủ đại học lôi cuốn, bắt mắt, chú trọng điểm nhấn truyền thông về tự chủ đại học chuyên sâu trên trang như: Dòng sự kiện, tiêu điểm,... hình thành các chuyên mục giáo dục đại học thường thức hướng đến các đối tượng tiếp nhận khác nhau, như: Hỏi đáp, xây dựng chính sách, đóng góp ý kiến... Mở rộng hình thức trao đổi, bình luận, phản biện về tự chủ đại học, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến phát triển về tự chủ đại học; hình thành các diễn đàn giáo dục cho các đối tượng quan tâm bàn tới chính sách về tự chủ đại học nhằm lôi kéo đa dạng các đối tượng quan tâm đến tự chủ đại học.

PVS04 - Nhà báo Hồng Vân - Báo Tuổi trẻ Online

1). Nhà báo đánh giá như thế nào về vai trò của báo điện tử trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Trong tuyên truyền về tự chủ đại học báo điện tử có vai trò hết sức quan trọng. Nhờ những ưu thế vượt trội của nó mà thông tin được lan truyền một cách nhanh chóng, sinh động, hiệu quả tương tác cao. Do vậy, những

người làm báo phải nhận thức được vai trò to lớn này và phát huy thế mạnh của báo điện tử trong vấn đề tuyên truyền về tự chủ đại học.

2). Theo nhà báo, báo điện tử có lợi thế và hạn chế gì trong tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Lợi thế của báo điện tử theo tôi có rất nhiều. Theo tôi, đây là loại hình giúp chúng ta cập nhật tin tức một cách nhanh chóng. Sự kiện luôn luôn xảy ra bất kể ngày đêm và báo mạng là nơi đăng tải thông tin một cách kịp thời đáp ứng nhu cầu của độc giả. Làm được điều này, thứ nhất đó là do bản chất của internet. Internet có tốc độ truyền tin nhanh chóng. Thứ hai cách thức để đăng tải bài cũng dễ dàng hơn báo in, báo phát thanh, báo truyền hình(các loại hình này khi thực hiện gồm nhiều khâu và bị kiểm duyệt chặt chẽ, gắt gao). Báo mạng điện tử hấp dẫn với đông đảo đối tượng bởi sự tác động vào nhiều giác quan. Chúng ta có thể vừa đọc, vừa nghe, vừa xem clip kèm theo bài báo. Điều này là lí do khiến cho rất nhiều người tìm đến báo điện tử mỗi khi cần tìm kiếm thông tin..

Tuy nhiên báo điện tử cũng còn nhiều hạn chế trong tuyên truyền về tự chủ đại học như: Ai cũng có thể làm báo mạng đó vừa là ưu điểm nhưng cũng là nhược điểm trong việc quản lí thông tin. Không ít các bài viết kém chất lượng, các bài viết đưa những thông tin sai lệch, gây hoang mang dư luận đã được đăng tải mà không có sự kiểm duyệt của cơ quan, nhà nước nào. Ngoài ra còn có hiện tượng copy bài từ báo này sang báo khác mà không trích rõ nguồn.

Đối tượng tiếp cận báo điện tử chủ yếu là những người trẻ những người nắm bắt và tiếp thu sản phẩm công nghệ một cách nhanh chóng hoặc là những người có điều kiện tiếp cận với internet. Điều này rất hạn chế đối với đối tượng thanh niên vùng sâu vùng xa, những nơi chưa có mạng internet hoặc những người không biết sử dụng mạng. Lúc này, báo phát thanh bộc lộ rõ những ưu việt của mình hơn báo điện tử.

3). Trong quá trình xuất bản tin, bài của phóng viên, nhà báo có nhận xét gì về cách viết tin, bài và các tiếp cận vấn đề của phóng viên khi phản ánh về tự chủ đại học?

Theo tôi, thời gian qua, báo chí đã đồng hành với sự nghiệp giáo dục một cách rất tích cực. Bên cạnh các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên trách của ngành thì còn rất nhiều cơ quan khác thiếu kể các chuyên mục giáo dục dành đất riêng cho phóng viên, nhà báo thông tin về giáo dục. Tôi cho rằng điều này được thực hiện khá tốt, là cơ sở để độc giả tiếp cận tin, bài về giáo dục nói chung, tự chủ đại học nói riêng một cách dễ dàng nhất.

Tuy nhiên theo tôi, thời gian tới cần phát huy vai trò phản biện một cách tích cực hơn nữa của báo chí với tự chủ đại học. Trong đó, báo chí không chỉ đưa tin, đưa sự kiện, nêu vấn đề mà còn phải đi sâu vào phân tích, đánh giá nội dung, chỉ rõ cái được, cái chưa được. Báo chí có làm như vậy mới thu hút độc giả và phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình.

4). Theo nhà báo, trong thời gian tới, các phóng viên nói riêng và báo điện tử nói chung cần làm gì để nâng cao chất lượng tin bài khi tuyên truyền về vấn đề tự chủ đại học?

Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng tin bài về tự chủ đại học cần tăng cường việc phản ánh các vấn đề về tự chủ đại học kết hợp với việc khảo sát thực tế để có cơ sở dữ liệu phong phú cho độc giả nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện hơn. Tự chủ đại học có nơi làm tốt, có nơi làm chưa tốt, báo chí phải tích cực chỉ rõ vấn đề này để thấy được nguyên nhân dẫn tới những tồn tại, yếu kém trong tự chủ đại học là do đâu, do văn bản chính sách hay do bản thân các nhà trường...